

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM

Phadone Insaveang

**VĂN HÓA GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI LÀO
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP HUYỆN XAY,
TỈNH OUDOMXAY, CHDCND LÀO)**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Hà Nội - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM

Phadone Insaveang

**VĂN HÓA GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI LÀO
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP HUYỆN XAY,
TỈNH OUDOMXAY, CHDCND LÀO)**

Chuyên ngành: Văn hóa học

Mã số: 62310640

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Người hướng dẫn: PGS.TS. Trịnh Thị Minh Đức

Hà Nội – 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi; các tư liệu được sử dụng trong luận án là trung thực, có xuất xứ rõ ràng; những phát hiện đưa ra trong luận án là kết quả nghiên cứu của tác giả luận án.

Tác giả

Phadone Insaveang

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
AEC	Cộng đồng kinh tế ASEAN (ASEAN Economic community)
AFTA	Khu vực Thương mại tự do ASEAN (ASEAN Free Trade Area)
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations)
CHDCND	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân
CNH – HDH	Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa
CTQG	Chính trị quốc gia
ĐHQG	Đại học quốc gia
GDP	Tổng sản phẩm nội địa (Gross Domestic Product)
GS	Giáo sư
IFGS	Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới (Institute For Family and Gender Studies)
KHXH	Khoa học xã hội
KT-XH	Kinh tế - xã hội
LHQ	Liên Hợp Quốc
NCS	Nghiên cứu sinh
Nxb	Nhà xuất bản
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức (<i>Official Development Assistance</i>)
PGS	Phó giáo sư
TS	Tiến sĩ
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (United Nations Educational Scientific and Cultural Organization)

USD	Đô La Mỹ
VHDT	Văn hóa dân tộc
VHNT	Văn học nghệ thuật
VHTT	Văn hóa thông tin
WTO	Tổ chức thương mại thế giới (World trade organization)
XHH	Xã hội học

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Thống kê hộ khẩu, dân số tại bản: Done Keo, Thiêu và LongYa

Bảng 2: Sự thể hiện tình yêu thương của bố mẹ đối với con cái

Bảng 3: Sự thể hiện tình yêu thương của con cái đối với bố mẹ

Bảng 4: Phong tục cưới xin

Bảng 5: Về 7 trong 14 điều quy định ứng xử của phong tục Lào

Bảng 6: Giáo dục con cháu trong gia đình

Bảng 7: Phong tục ma chay

Bảng 8: Ứng xử của gia đình trong sinh đẻ

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	1
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	2
DANH MỤC CÁC BẢNG	4
MỞ ĐẦU.....	6
Chương 1:TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ GIA ĐÌNH NGƯỜI LÀO Ở HUYỆN XAY, TỈNH OUDOMXAY	15
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	15
1.2. Cơ sở lý luận.....	22
1.3. Khái quát về người Lào ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay.....	44
Chương 2:KHUÔN MẪU ỨNG XỬ TRONG GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI LÀO TẠI HUYỆN XAY, TỈNH OUDOMXAY	56
2.1. Khuôn mẫu ứng xử giữa vợ - chồng	56
2.2. Khuôn mẫu ứng xử giữa cha mẹ - con cái.....	75
2.3. Khuôn mẫu ứng xử giữa anh chị em	85
2.4. Khuôn mẫu ứng xử giữa ông bà - con cháu	88
2.5. Khuôn mẫu ứng xử giữa họ hàng	92
2.6. Khuôn mẫu ứng xử giữa người sống với người chết.....	93
Chương 3:VĂN HÓA GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI LÀO Ở HUYỆN XAY TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ.....	105
3.1. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	105
3.2. Tình hình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay	109
3.3. Những tác động tích cực và tiêu cực của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đến văn hóa gia đình.....	115
3.4. Biến đổi văn hóa gia đình truyền thống của người Lào ở huyện Xay ...	118
KẾT LUẬN	144
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	147
TÀI LIỆU THAM KHẢO	148
PHỤ LỤC	Error! Bookmark not defined.

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Nếu văn hóa là khái niệm dùng để giải thích lý do các hành vi của con người, biểu hiện giá trị và chuẩn mực mang dấu ấn thời đại sâu sắc, nhưng trên thực tế văn hóa có thể thay đổi theo thời gian thì văn hóa gia đình nghiên cứu những dấu ấn để lại trong đời sống vật chất, tinh thần của gia đình được biểu hiện thông qua giá trị gia đình, chuẩn mực khuôn mẫu và vai trò của các thành viên trong gia đình. Đó là những dấu ấn được duy trì qua lịch sử, trở thành truyền thống, ăn sâu vào tiềm thức, tâm lý, chi phối hành vi, cách ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, giữa gia đình với xã hội, tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những dấu ấn để lại trong đời sống gia đình ở các cộng đồng, quốc gia, dân tộc không giống nhau, tạo nên tính đa dạng của văn hóa gia đình. Văn hóa gia đình là hệ thống những giá trị, chuẩn mực khu biệt đặc thù điều tiết mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và mối quan hệ giữa gia đình với xã hội. Đồng thời, văn hóa gia đình phản ánh bản chất của các hình thái gia đình đặc trưng cho các cộng đồng, các tộc người, các dân tộc và các khu vực khác nhau được hình thành và phát triển qua lịch sử lâu dài của đời sống gia đình, gắn liền với những điều kiện phát triển kinh tế, môi trường tự nhiên và xã hội. Cho đến nay, khái niệm văn hóa gia đình còn có nhiều cách giải thích khác nhau. Tuy nhiên, văn hóa gia đình được nhìn dưới góc độ văn hóa học sẽ toàn diện hơn về cấu trúc, đối tượng, phạm vi, nội dung nghiên cứu. Việc hiểu rõ các đặc trưng của văn hóa gia đình, tính liên tục và xu hướng biến đổi của văn hóa gia đình là căn cứ để lý giải những vấn đề, hiện tượng xã hội có xuất phát điểm từ gia đình.

Văn hoá gia đình bao gồm tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần do các thành viên của gia đình tạo ra trong chuẩn mực tương đối ổn định của một cộng đồng cư dân (thường là cộng đồng tộc người). Những giá trị văn hóa gia đình sẽ chi phối cách ứng xử của con người trong gia đình và môi trường sống. Những năm gần đây, nhiều giá trị văn hóa gia đình truyền thống đã bị mai một, biến đổi

hoặc mất đi bởi sự tác động của đời sống kinh tế và sự phát triển của xã hội tại nhiều nước trong khu vực Đông Nam Á. Tại CHDCND Lào, sự biến đổi thể hiện rõ nhất trong văn hóa gia đình của người Lào - tộc người đang giữ vai trò quan trọng về mọi mặt (kinh tế, chính trị, xã hội) của đất nước Lào. Những nét đẹp của văn hóa gia đình truyền thống của người Lào hiện nay trong một chừng mực nào đó, ở một khu vực nào đó sẽ bị biến đổi. Nhưng trên thực tế quá trình biến đổi sẽ diễn ra không đồng nhất ở các địa phương khác nhau.

Dưới góc độ văn hóa thì việc duy trì các giá trị văn hóa truyền thống là quy luật tất yếu khách quan diễn ra đối với các dân tộc, chứ không phải cố gắng để cho nó tồn tại. Văn hóa là một sự tiếp nối, ngày xưa người ta sống như thế nào thì bây giờ người ta vẫn tiếp tục sống như thế và chỉ thay đổi những gì không thích hợp với cuộc sống hiện tại. Quá trình tiếp nối này giúp cho văn hóa không bị đứt đoạn, bảo đảm sự ổn định của xã hội. Bởi vì những giá trị, chuẩn mực được tạo ra từ rất lâu đời không thể mất đi. Các giá trị truyền thống như tình thương, trách nhiệm, sự hòa thuận, thủy chung... cần được lưu giữ, để nội hàm của các giá trị đó biểu hiện được những chiều cạnh tích cực và không tích cực. Cấu trúc của một gia đình truyền thống cũng có nhiều thay đổi, gia đình có thể chỉ là một tập hợp nhỏ, gồm hai vợ chồng với một hoặc hai đứa con, cũng có thể là một tập hợp lớn gồm nhiều thế hệ: ông bà, cha mẹ, các con, các cháu, các chắt... Văn hóa gia đình cũng được biểu hiện ở hình thức quan hệ khác như thứ bậc, giữa anh chị em với nhau, giữa cha mẹ và ông bà, giữa các thành viên gia đình...

Văn hoá gia đình là thuật ngữ chỉ thuộc tính khách quan của gia đình nhìn từ góc độ văn hóa học. Văn hoá gia đình phát triển là sự bảo đảm vững chắc cho các tiêu chí: dân giàu, nước mạnh, xã hội lành mạnh và văn minh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Việc đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa không thể tách rời việc nghiên cứu, xem xét, đánh giá con người từ góc độ văn hóa gia đình. Nghĩa là, cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa và tiêu chí gia đình văn hóa hiện nay tại nhiều địa phương trên đất nước Lào đều phải dựa

trên những giá trị văn hóa truyền thống của gia đình Lào. Đồng thời trong quá trình xây dựng gia đình văn hóa phải biết giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Để xây dựng gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người, việc nghiên cứu đặc điểm và các giá trị văn hóa gia đình truyền thống của người Lào là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Hội nhập kinh tế, toàn cầu hóa đang là xu hướng chung của nhiều nước trong khu vực Đông Nam Á. Trong đó có quốc gia Lào, đã và đang chịu ảnh hưởng của xu thế này. Sự giao lưu mở cửa hội nhập đã đem đến cho gia đình người Lào nhiều cơ hội để phát triển kinh tế, giao lưu hội nhập với các nền văn hóa tiên tiến, văn minh của các nước. Song, bên cạnh những mặt tích cực đó, mặt trái của cơ chế thị trường cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề tác động đến đời sống gia đình, ở một góc độ nào đó, đã dần dần phá vỡ, làm biến đổi những giá trị gia đình truyền thống của người Lào. Từ thực tế trên, chúng ta thấy việc phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình truyền thống trong công tác xây dựng gia đình văn hóa là yêu cầu cấp thiết của toàn xã hội.

Trong truyền thống người Lào vấn đề quan hệ gia đình và văn hóa gia đình đã được qui định cụ thể trong bộ “*Hít xíp xoong khoong xíp xí*” (qui định tổ chức lễ hội trong 12 tháng của năm và 14 qui định về các mối quan hệ và ứng xử trong gia đình và xã hội). Bộ luật định này đã có từ lâu đời, bảo tồn và lưu truyền qua nhiều thế hệ. Có thể nói mọi hành vi ứng xử trong gia đình, ngoài xã hội của người Lào đều dựa vào luật định này. Ngày nay, luật định này đã được Bộ Thông tin-Văn hóa-Du lịch in thành sách và được áp dụng rộng rãi trong xã hội.

Đề tài luận án nghiên cứu về văn hóa gia đình truyền thống của người Lào ở Oudomxay hướng tới những giá trị văn hóa truyền thống của gia đình người Lào. Oudomxay là một tỉnh ở Tây Bắc Lào, được thành lập năm 1976 sau khi tách ra khỏi tỉnh Luang Prabang. Huyện Xay, khi đó vẫn thuộc tỉnh Luang Prabang, được thành lập từ năm 1961. Nơi đây từng thuộc về vùng đất của vương quốc Triệu Voi (từ thế kỷ 14 đến năm 1946). Trong quá trình hình thành

và phát triển, vùng văn hóa này ít chịu ảnh hưởng của văn hóa Khmer, Xiêm (Thái Lan) và còn bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của người Lào. Nhóm người Lào bao gồm các tộc người sinh sống ở các vùng thấp thuộc ngữ hệ Lào - Thay. Dân số trên 6 triệu người, gồm các tộc: Lào, Thay, Phuôn, Lự, Phu - Thay, Duôn ... trong đó người Lào chiếm số lượng lớn nhất, khoảng 3 triệu người. Tuy có nhiều tộc người với tên gọi khác nhau nhưng nhìn chung nhóm Lào có nhiều đặc điểm giống nhau. Hầu hết các tộc người thuộc nhóm Lào làm ruộng lập bản mường ở vùng đồng bằng, dọc sông Mê Kông, các phụ lưu, thung lũng hay những vùng trũng trên cao nguyên.

Tuy cộng đồng người Lào đóng góp quan trọng trong nền văn hóa nhưng các thành tố và giá trị văn hóa gia đình truyền thống của người Lào chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ so với các thành tố văn hóa khác. Thông qua việc điểm luận các công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước viết về gia đình và văn hóa gia đình truyền thống của người Lào nói chung và người Lào ở huyện Xay nói riêng. Có thể khẳng định rằng cho tới nay chưa có một công trình nghiên cứu nào viết về văn hóa gia đình truyền thống của người Lào ở Oudomxay. Vì vậy NCS đã chọn đề tài *Văn hóa gia đình truyền thống của người Lào (nghiên cứu trường hợp huyện Xay, tỉnh Oudomxay)* làm luận án tiến sĩ văn hóa học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Nghiên cứu văn hóa gia đình truyền thống của người Lào ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay, CHDCND Lào. Xem xét văn hóa gia đình truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tập hợp và phân tích những công trình nghiên cứu của học giả người Lào và học giả nước ngoài đã viết về gia đình và văn hóa gia đình.

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về văn hóa gia đình, các hợp phần của văn hóa gia đình - khung cấu trúc lý thuyết để áp dụng triển khai đề tài.

- Khái quát về địa bàn nghiên cứu, tập trung phân tích sâu đặc điểm của bản: Done Keo, Thiêu và LongYa là ba trường hợp lựa chọn để thực hiện các chương trình nghiên cứu.

- Khảo sát, phân tích văn hóa gia đình truyền thống của người Lào ở huyện Xay tập trung chủ yếu nghiên cứu hợp phần chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử trong văn hóa gia đình.

- Bước đầu nhận diện sự biến đổi văn hóa gia đình của người Lào ở huyện Xay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

- Phân tích những vấn đề đặt ra hiện nay đối với văn hóa gia đình của người Lào ở huyện Xay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu văn hóa gia đình truyền thống của người Lào tập trung chủ yếu nghiên cứu chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử trong văn hóa gia đình trong đó bao gồm: 1/Khuôn mẫu ứng xử giữa vợ chồng; 2/Khuôn mẫu ứng xử giữa cha mẹ và con cái; 3/Khuôn mẫu ứng xử giữa anh em; 4/Khuôn mẫu ứng xử giữa ông/bà và con cháu; 5/Khuôn mẫu ứng xử giữa họ hàng; 6/Khuôn mẫu ứng xử giữa người sống với người chết...

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Phạm vi vấn đề nghiên cứu

Văn hóa gia đình là một phạm trù rộng bao gồm ba hợp phần cơ bản: **giá trị gia đình, chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình và vai trò các thành viên trong gia đình.** Trong điều kiện cụ thể, luận án chỉ tập trung nghiên cứu một trong ba hợp phần của văn hóa gia đình cụ thể là nghiên cứu hợp phần chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình, trong đó bao gồm: 1/Khuôn mẫu ứng xử

giữa vợ chồng; 2/Khuôn mẫu ứng xử giữa cha mẹ và con cái; 3/ Khuôn mẫu ứng xử giữa anh em; 4/Khuôn mẫu ứng xử giữa ông/bà và con cháu; 5/Khuôn mẫu ứng xử giữa họ hàng; 6/Khuôn mẫu ứng xử giữa người sống với người chết... xem xét văn hóa gia đình truyền thống của người Lào trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

3.2.2. Phạm vi không gian

Để triển khai nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, phạm vi không gian nghiên cứu xác định tập trung ở huyện Xay tỉnh Oudomxay. Trong phạm vi cụ thể hơn tập trung nghiên cứu trường hợp ở 3 bản: Done Keo, Thiêu và Long Ya. Đây là 3 bản ở ba khu vực hành chính khác nhau của huyện Xay, Khu vực trung tâm trong bán kính 5 km, khu vực ngoài trung tâm trong bán kính 6-12 km, và khu vực xa trung tâm trong bán kính 22 km.

Phạm vi không gian nghiên cứu có thể mở rộng ra các vùng phụ cận, như huyện La, huyện Beng ở tỉnh Oudomxay để so sánh.

3.2.3. Phạm vi thời gian

Nghiên cứu văn hóa gia đình của người Lào từ truyền thống đến hiện đại.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án sử dụng phương pháp luận chủ nghĩa Mác - Lê nin, trên quan điểm triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nhìn nhận quy luật vận động và biến đổi của văn hóa, trong đó có văn hóa gia đình. Xuất phát từ quan điểm duy vật lịch sử để nhìn nhận về quá trình hình thành và phát triển gia đình và văn hóa gia đình.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành, trong đó bao gồm: sử học, dân tộc học, xã hội học, nhân học văn hóa, văn hóa học...

Phương pháp khảo sát điền dã: Trọng điểm ở bản Done Keo, Thiêu và LongYa kết hợp với một số bản khác của huyện Xay, để nhìn nhận một cách khái quát, trực tiếp quan sát và tham gia vào các hoạt động văn hóa gia đình cùng với cộng đồng. Quá trình quan sát tham dự như vậy NCS còn thực hành phương pháp nghiên cứu điền: chọn các địa điểm cụ thể (một số hộ gia đình, trưởng dòng họ), lập phiếu quan sát theo từng thời điểm cụ thể.

Phương pháp điều tra xã hội học: Đây là phương pháp quan trọng mà NCS sử dụng ở đề tài này. Trước hết là thực hiện phỏng vấn hồi cố tới từng cá nhân (những người già làng, trưởng các dòng họ, những đại diện trong bản) sẽ mang lại những thông tin cần thiết cho việc điều tra, nghiên cứu, và hơn thế phương pháp này cho phép NCS giúp những người dân nói lên được tiếng nói của họ về các giá trị văn hóa gia đình truyền thống. Ngoài việc thực hiện chương trình phỏng vấn sâu NCS còn tiến hành lập phiếu trưng cầu ý kiến cộng đồng về văn hóa gia đình. Phiếu được xây dựng với 10 câu hỏi được phát cho các gia đình có nhiều thế hệ cùng sinh sống trong một mái nhà. Số phiếu phát ra cho 3 bản khác nhau về số lượng vì trên thực tế ở các bản số lượng gia đình không đồng đều (Bản DoneKeo có 428, bản Thiêu có 139 và bản Long Ya có 59). Kết quả trưng cầu ý kiến tại 3 địa bàn nghiên cứu sẽ là những tư liệu, số liệu phân tích rõ về văn hóa gia đình và những biến đổi trong các mối quan hệ ứng xử trong gia đình. Cùng với các phương pháp trên, NCS cũng sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, đánh giá... nhằm thu được những dữ liệu chân xác trong quá trình nghiên cứu.

Kỹ thuật sử dụng: Đề tài kết hợp sử dụng kỹ thuật như ghi âm, quay phim, chụp ảnh tư liệu, phần mềm vi tính để xử lý thông tin thu được qua điều tra xã hội học về các đối tượng nghiên cứu.

Tuy nhiên, trong giới hạn phạm vi nghiên cứu của mình, NCS chỉ tập trung theo ba cách chính: văn hóa học, xã hội học và nhân học. Những thành tựu của các ngành khoa học khác có liên quan NCS tham khảo, bổ sung thêm như những căn cứ, lập luận cho những luận điểm của mình.

Phân tích tư liệu thứ cấp: Đây là nguồn tư liệu quan trọng cho đề tài. NCS sẽ phân tích kết quả nghiên cứu tiêu biểu của các tác giả trong nước và nước ngoài về văn hóa gia đình của người Lào. Sử dụng những tư liệu phỏng vấn hồi cố những người cao tuổi ở địa bàn nghiên cứu; sưu tầm và sử dụng các câu ca dao, tục ngữ phản ánh khuôn mẫu ứng xử đã được đúc kết từ xưa đến nay. Tổng hợp và phân tích những tư liệu, số liệu điều tra bằng bảng hỏi để làm cơ sở minh chứng cho nhận định về văn hóa gia đình truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Sử dụng những tư liệu đánh giá về tình hình kinh tế, văn hóa xã hội hiện nay.

5. Kết quả và đóng góp mới của luận án

5.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài nghiên cứu văn hóa gia đình truyền thống của người Lào ở huyện Xay tỉnh Oudomxay có ý nghĩa khoa học, thiết thực. Đề tài góp phần làm rõ cơ sở lý luận về văn hóa gia đình, trong đó bao gồm các khái niệm cơ bản có liên quan đến đề tài và khung phân tích các hợp phần nghiên cứu văn hóa gia đình.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài

Nghiên cứu thành công đề tài luận án văn hóa gia đình của người Lào ở huyện Xay tỉnh Oudomxay sẽ có những đóng góp về thực tiễn. Đề tài là công trình nghiên cứu đầu tiên làm rõ chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử trong văn hóa gia đình của người Lào. Những giá trị tốt đẹp của văn hóa gia đình truyền thống của người Lào sẽ cần được bảo tồn và phát huy trong thời đại mới. Những biểu hiện của sự biến đổi trong văn hóa gia đình của người Lào ở huyện Xay trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Luận án là những cứ liệu tốt cho các nhà hoạch định chính sách và giải pháp điều tiết hợp lý sự biến đổi của văn hóa gia đình trong thời đại mới. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ là tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý xã hội và quản lý văn hóa ứng dụng phát huy trong sự nghiệp xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

6. Bố cục luận án

Ngoài phần Mở đầu (9 tr), Kết luận (3 tr), Danh mục Tài liệu tham khảo (10 tr), Phụ lục (52 tr), nội dung của luận án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về gia đình của người Lào ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay (41 tr).

Chương 2: Khuôn mẫu ứng xử trong gia đình truyền thống của người Lào ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay (49 tr).

Chương 3: Văn hóa gia đình truyền thống của người Lào ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế (39 tr).

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN
VÀ KHÁI QUÁT VỀ GIA ĐÌNH NGƯỜI LÀO
Ở HUYỆN XAY, TỈNH OUDOMXAY

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Gia đình đóng vai trò quan trọng bởi trong xã hội cổ truyền cũng như hiện nay. Gia đình được xem như là hạt nhân của xã hội nên có thể nhận định rằng, sự trường tồn của mỗi quốc gia, dân tộc phụ thuộc rất nhiều vào sự tồn tại của gia đình và văn hóa gia đình. Việc phát huy những đạo lý tốt đẹp của gia đình, nâng cao trách nhiệm của gia đình để các thành viên trong gia đình có lối sống tốt đẹp, có ý thức duy trì những giá trị văn hóa truyền thống, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội là hết sức cần thiết. Từ nhận thức rõ tầm quan của gia đình và văn hóa gia đình, các nhà nghiên cứu đã tập trung vào những vấn đề về lý luận thực tiễn về văn hóa gia đình. Trong điều kiện học tập và nghiên cứu tại Việt Nam, NCS đã được tiếp cận với nhiều công trình nghiên cứu của các học giả Việt Nam và các học giả khác. Trong phần tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài sẽ được phân chia như sau: 1/Những công trình nghiên cứu của các tác giả người Lào, trong đó có các công trình viết bằng tiếng Lào và tiếng Việt. 2/Những công trình nghiên cứu của các tác giả Việt Nam và Âu Mỹ, trong đó chủ yếu là các tác giả người Việt Nam.

1.1.1. Những công trình nghiên cứu của các tác giả người Lào

Những công trình nghiên cứu về văn hóa gia đình truyền thống của các học giả người Lào hiện nay chưa nhiều. Nghiên cứu văn hóa gia đình truyền thống của người Lào đã được đề cập trong các sách xuất bản và các bài nghiên cứu. Tiêu biểu phải kể đến cuốn sách *Phong tục tập quán Lào* của tác giả Khăm Bang Chăn Ni Nha Vông [90]. Trong cuốn sách này tác giả đã viết về văn hóa ứng xử, nghi lễ, phong tục tập quán truyền thống Lào thời xưa. Đồng thời phân tích những lối sống, nếp sống của người Lào được gắn bó với những cư dân làm

nông nghiệp, lâm nghiệp. Nói chung những tư liệu trong cuốn sách này sẽ rất bổ ích cho việc áp dụng nghiên cứu văn hóa gia đình của người Lào nói chung và người Lào ở huyện Xay nói riêng.

Di sản văn hóa Lào triệu voi của tác giả Ma Ha Thong Kham Liem Bun Huong [112]. Tác giả đã viết về vấn đề đạo đức sống trong lĩnh vực tôn giáo tín ngưỡng, thông qua những nguồn tư liệu đã cho thấy từ trước đến nay giáo dục con cái trong gia đình của người Lào chịu ảnh hưởng của đạo Phật. Có thể nhận thấy, hầu như ở các bản mường Lào, trẻ em bắt đầu đi học đều khởi đầu từ các trường học gắn với những ngôi chùa. Ngoài ra, tác giả còn đề cập đến các nghi thức và ứng xử trong đời sống sinh hoạt thường ngày, các lễ quan trọng như: đám cưới, cầu may, tang ma... Đây là những tư liệu được NCS vận dụng trong mục những chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử trong văn hóa gia đình của người Lào ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay, CHDCND Lào. *Văn hóa và phong tục tập quán truyền thống Lào* của tác giả Pha Ma Ha Meethi Vorakhun và Khăm Phun Silavong, Seng Suvanh [110]. Tư liệu trong cuốn này của các tác giả đã thể hiện những nội dung liên quan đến phong tục tập quán truyền thống tốt đẹp như nghi thức tu hành, phong tục buộc chỉ cổ tay, các lễ thức, ứng xử trong cưới xin, quy trình xây dựng nhà mới, lễ tân gia, lễ đầy tháng con, các nghi lễ và phong tục trong tang ma. So với những cuốn sách đã được xuất bản khác, cuốn sách *Văn hóa và phong tục tập quán truyền thống Lào* đã có nhiều tư liệu phong phú, phản ánh văn hóa truyền thống của người Lào từ góc độ văn hóa dân gian. *Văn hóa Lào* của tác giả Kì Deng Phon Ka Sỏm Súc [86]. Trong cuốn sách này, tác giả đã nghiên cứu và phân tích về văn hóa truyền thống của dân tộc Lào qua các triều đại. Những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của người Lào đã được các tác giả xác định cần được bảo tồn và phát huy giá trị trong thời đại ngày nay. Nguồn tư liệu trong cuốn sách đã phản ánh những giá trị văn hóa truyền thống: văn hóa ứng xử, nghi lễ, phong tục tập quán truyền thống của người Lào. Nhận định của tác giả về nền tảng hình thành nên phong cách và nếp sống của người Lào xuất phát từ đời

sống kinh tế gắn bó với nền nông nghiệp, lâm nghiệp. Nhận định này của tác giả tương đồng với nhận định của tác giả Khăm Bang Chăn Ni Nha Vông trong cuốn *Phong tục tập quán Lào*[90]. *Văn hoá và phong tục tập quán tốt đẹp của nhân dân Lào* của tác giả Ma Ha Vê Thi Vo La Kun Ma Ha Khăm Phăn Vi La Chít [113]. Cuốn sách đã đề cập đến văn hóa Lào ở thời kỳ cuối của chế độ phong kiến chuyển sang chế độ CHDCND Lào sau khi đất nước giải phóng. Khẳng định những truyền thống tốt đẹp vẫn được lưu giữ và phát huy giá trị trong điều kiện và môi trường mới. Tuy nhiên trong tiến trình bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa đã góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. *Dân tộc và văn hóa Lào* của tác giả Hum Phan Lattanavong [121] đã giới thiệu về nguồn gốc sự ra đời của đất nước Lào, sự hình thành chế độ phong kiến, tồn tại và phát triển thịnh vượng qua các thời kỳ. Trong chương VI, tác giả viết về văn hóa Lào nói chung và nhấn mạnh đến nguồn gốc và ý nghĩa của từ **“văn hóa”** (trong tiếng Lào gọi là **“*văt tha nạ thăm*”**), khi tiếp cận và nghiên cứu văn hóa, tác giả đã phân thành văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Tác giả cũng giải thích rõ về vai trò của văn hóa và nhận định văn hóa mang tính giai cấp. Trong chương VII, tác giả bàn về đặc trưng của nền văn hóa Lào bao gồm các lĩnh vực: lĩnh vực đời sống, triết lý sống, về mặt phong tục tập quán, sắc màu văn hóa - xã hội, trang trí nghệ thuật, trang phục và ẩm thực. *Phong tục Lào* của tác giả Ma Ha Bun Tha Vi Vilay Chac [114]. Trong cuốn sách này, tác giả đã viết về các phong tục tập quán của dân tộc Lào, bao gồm những phong tục tốt đẹp và phù hợp với thời đại như: đám cưới, lễ hội, tang ma, tân gia... Bên cạnh đó những tín ngưỡng và lễ nghi lạc hậu của dân tộc Lào tồn tại trong môi trường tự nhiên rất khó khăn trên vùng núi cao và nơi xa xôi hẻo lánh, thiếu các điều kiện tiếp cận với nền văn minh và y tế giáo dục. *Văn hoá Lào về lối sống của người dân* của tác giả Kị Deng Phon Cạ Sơm Súc [88]. Trong cuốn sách này, tác giả đề cập tới văn hóa, phong tục tập quán, tôn giáo và lối sống của nhân dân Lào. Nhận định về nền tảng tạo nên những bản sắc riêng về văn hóa, phong tục tập quán, lối sống của người Lào và cho rằng

chính xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp lúa nước. Ngoài ra, cuộc sống thực tại của người Lào còn phụ thuộc vào đặc điểm về điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa lý của quốc gia Lào. Văn hóa và lối sống của người Lào. Tác giả cũng nêu ra những nguồn tư liệu để khẳng định về sự ảnh hưởng ít nhiều của điều kiện tự nhiên và mô hình kinh tế tự cung tự cấp trước đây mang lại. *Sự thay đổi từ quá khứ đến tương lai của các thế hệ trong đất nước Lào* của Viện Khoa học Xã hội Lào[92]. Cuốn sách đã phân tích sự biến đổi về mọi mặt từ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội qua các thời kỳ đã và đang diễn ra trên đất nước Lào. Những thăng trầm do cuộc chiến tranh khốc liệt diễn ra đã có ảnh hưởng không nhỏ đến mọi mặt chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa xã hội Lào. Tuy nhiên, cho đến nay, đất nước đã giành được độc lập tự do và quốc gia Lào đang trên đà phát triển thịnh vượng.

Một tài liệu gốc có nhiều thông tin về gia đình và văn hóa gia đình của người Lào đó là bộ **“Hít xíp xoong Khoong xíp xí”** (những qui định về thể thức và quy trình, thời gian tổ chức lễ hội trong 12 tháng của năm và 14 luật tục của người Lào về các mối quan hệ ứng xử trong gia đình và xã hội). Trong đó phần lớn là những qui định về các mối quan hệ trong gia đình như quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa ông bà và cháu, giữa các cô dì, chú, bác, giữa hàng xóm láng giềng... Những luật tục về gia đình là một tài liệu gốc quan trọng cho NCS kế thừa, tiếp thu vận dụng trong nghiên cứu vấn đề về gia đình và văn hóa gia đình truyền thống của người Lào ở địa bàn mà đề tài đã lựa chọn.

Tóm lại những tập hợp và phân tích các công trình nghiên cứu của các học giả người Lào như đã nêu ra trên đây có thể rút ra một số nhận định cụ thể như sau:

Những công trình nghiên cứu chủ yếu tập trung vào mấy vấn đề cơ bản như: đất nước và con người Lào, văn hóa tộc người, các phong tục tập quán, tục lệ, ngôn ngữ... Ở một góc độ nào đó, tuy không nghiên cứu chuyên sâu về văn hóa gia đình của tộc người Lào nhưng trong tư liệu của các công trình đã xuất bản đã có đề cập đến văn hóa ứng xử trong: cưới xin, ma chay, về văn hóa giáo

dục trong gia đình và các cơ sở tôn giáo (các chùa). Về sự biến đổi của văn hóa truyền thống Lào trong xã hội hiện đại. Về sự gắn kết giữa những giai đoạn lịch sử văn hóa Lào từ truyền thống đến hiện đại. Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại. Từ những tập hợp và phân tích trên có thể khẳng định rằng cho tới nay chưa có một công trình nào nghiên cứu đầy đủ, hệ thống về văn hóa gia đình truyền thống của người Lào nói chung và văn hóa gia đình truyền thống của người Lào ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay nói riêng. Trong quá trình triển khai mục tiêu nghiên cứu của đề tài, NCS sẽ tiếp thu, kế thừa những tư liệu của các nhà nghiên cứu đi trước làm cơ sở cho việc nhận định về văn hóa gia đình truyền thống của người Lào.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về gia đình và văn hóa gia đình của các tác giả Việt Nam và Âu Mỹ

Các tác giả người Việt Nam đã nghiên cứu và xuất bản một số cuốn sách về văn hóa và phong tục tập quán của dân tộc Lào từ thời Pháp thuộc, điển hình là những tác phẩm sau đây:

Cấu trúc tộc người ở Lào của Nguyễn Duy Thiệu [68], là công trình chuyên luận trình bày khá cụ thể về cấu trúc các tộc người đang sinh sống ở Lào, những đặc điểm, đặc trưng riêng của các tộc người ở Lào cả về phân bố dân cư, đời sống vật chất, đời sống tinh thần... Đây là cuốn sách có nhiều tư liệu quý về các tộc người Lào, những đặc trưng riêng của các tộc người và những nét thuộc về bản sắc văn hóa dân tộc. *Văn hóa gia đình* của tác giả Vũ Ngọc Khánh [30] có tổng hợp những thành tố trong văn hóa gia đình, từ đó đưa ra những quan điểm nhằm xây dựng một gia đình có văn hóa. *Gia đình học* của hai giáo sư về xã hội học là Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý [28]. Trong tập sách này hai tác giả đã nêu những vấn đề lý luận về gia đình, quá trình hình thành gia đình trong lịch sử, các vấn đề về gia đình cả trong xã hội cũ và xã hội hiện đại không chỉ ở Việt Nam và trên thế giới. Có thể nói đây là cuốn sách gợi mở và giải quyết nhiều vấn đề về gia đình và văn hóa gia đình được NCS xác định đây là tài liệu tham khảo

quan trọng khi NCS thực hiện luận án này. Trong phần 1, chương 1 tác giả nêu các khái niệm, quan điểm về gia đình, những giá trị, chuẩn mực và các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình: gia đình là một thiết chế xã hội đặc thù liên kết con người lại với nhau nhằm thực hiện việc duy trì nòi giống, chăm sóc và giáo dục con cái, các mối quan hệ gia đình còn gọi là mối quan hệ họ hàng đó là những sự liên kết ít nhất cũng là của hai người dựa trên cơ sở huyết thống, hôn nhân và việc nhận con nuôi. Sự liên kết giữa các thành viên trong gia đình với nhau thường chặt chẽ hơn nhiều so với nhóm xã hội khác. Trong chương 2, tác giả viết về vị trí vai trò, gia đình với việc gìn giữ, giáo dục và phát triển các giá trị truyền thống. Các chức năng của gia đình: xã hội hóa, chăm sóc và giáo dục con cái, chức năng kinh tế và lực lượng sản xuất, chức năng sinh sản và tái sản xuất ra con người và xã hội, chức năng tình cảm: trên thực tế gia đình không chỉ là chỗ dựa về mặt vật chất mà còn là nơi nương tựa về mặt tinh thần. *Từ điển Lịch sử và văn hóa Lào* do Nguyễn Lệ Thi chủ biên [67] trong đó có nhiều từ điển về gia đình và văn hóa gia đình, văn hóa ẩm thực... của người Lào. Trong đó, tác giả đã dịch bộ “*Hít xíp xoong Khoong xíp xí*” từ tiếng Lào sang tiếng Việt và giới thiệu trong cuốn sách này. *Tìm hiểu Văn hóa Lào* của các tác giả Quế Lai, Ngô Văn Doanh, Nguyễn Đức Ninh, Nguyễn Hào Hùng [33]. Cuốn sách được viết có hệ thống và tập trung vào những vấn đề cơ bản của một nền văn hóa: đất nước - con người, tôn giáo - tín ngưỡng, ngôn ngữ - chữ viết... *Vai trò của Phật giáo trong đời sống chính trị văn hóa và xã hội Lào* (từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XIX) của tác giả Nguyễn Lệ Thi [66]. Cuốn sách đã tập trung giới thiệu một số bài viết của tác giả về vai trò của đạo Phật - quốc giáo của đất nước Lào, đó là tôn giáo gần gũi nhất với quần chúng nhân dân vì nó đã hòa đồng được với những tín ngưỡng cổ truyền nhất của người Lào. Với một vai trò quan trọng như vậy, Phật giáo đã phát huy những khía cạnh tích cực của nó trong việc xây dựng vương quốc Lào Lạn Xạng (Lào Triệu Voi) thống nhất và một nền văn hóa với một bản sắc riêng của người Lào. *Tìm hiểu lịch sử*

- *văn hóa Lào* tập III, của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á [79]. Đây là một công trình tập hợp nhiều tư liệu và chuyên luận nghiên cứu, trong đó có bài viết “Trường chùa ở Lào - nguồn gốc và nền tảng của nền giáo dục - đạo đức của các bộ tộc Lào” của tác giả Chu Nguyên (tr.198-208) đã đi sâu vào nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển của đạo Phật ở Lào qua các giai đoạn lịch sử và kéo theo những biến đổi của nó [tr.202]. *Tập quán và lễ hội cổ truyền các dân tộc Lào* của tác giả Nguyễn Văn Vinh [80]. Đây là một công trình nghiên cứu dày công của tác giả, có sự chỉnh lý, bổ sung và đính chính của một số đồng chí am hiểu về ngôn ngữ, phong tục tập quán và văn hóa Lào như: Đinh Kim Cương, Hồ Đức Liên... Đặc biệt, công trình nghiên cứu này đã nhận được sự giúp đỡ chân thành của một số lãnh đạo Lào có trình độ chuyên sâu trên nhiều lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật như: Đồng chí Maha Khămphan Vilachit, Xômxi Đêxalämphu, Udôm Vilay Keomani... Cuốn sách gồm 6 phần, trong mỗi phần tác giả tập trung giới thiệu về các đặc điểm khác nhau của dân tộc Lào: đất nước, đôi nét về dân tộc, một số đặc điểm về tín ngưỡng, những ngày lễ hội truyền thống ở Lào.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ đã được nghiệm thu với tiêu đề *Văn hóa gia đình Việt Nam trong thời đại hiện nay* do Trần Đức Ngôn làm chủ nhiệm đề tài [44]. Đây là công trình nghiên cứu có nhiều điểm tương đồng với hướng nghiên cứu của đề tài luận án, Vì vậy nghiên cứu sinh sẽ tiếp thu và vận dụng nhưng nội dung phù hợp để giải quyết mục tiêu nghiên cứu của đề tài luận án.

Qua những công trình nghiên cứu của các tác giả Việt Nam về văn hóa gia đình và văn hóa gia đình truyền thống được xem xét và nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau: tâm lý học, xã hội học, lịch sử... NCS quan tâm đến những tư liệu của các học giả Việt Nam viết về **cơ sở lý luận**, văn hóa gia đình thể hiện thông qua những khái niệm về gia đình, văn hóa gia đình, cấu trúc và chức năng của văn hóa gia đình, các thành tố của văn hóa gia đình. Những tư liệu này sẽ giúp cho NCS vận dụng giải quyết những vấn đề liên quan đến cơ sở lý luận về

văn hóa gia đình trong chương 1 của Luận án. Trong các công trình nghiên cứu của các học giả người Việt Nam cũng có nhiều tư liệu phản ánh **thực tiễn nghiên cứu** tình hình văn hóa gia đình từ truyền thống đến hiện đại. Những tư liệu thực tiễn này sẽ giúp cho NCS kế thừa, vận dụng để giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu của chương 2 luận án. Những tư liệu trong các công trình nghiên cứu của các học giả Việt Nam còn viết về **quá trình biến đổi** của gia đình và văn hóa gia đình, những tác động dẫn đến sự biến đổi của văn hóa gia đình người Việt trong xã hội hiện đại. NCS sẽ kế thừa và vận dụng nghiên cứu trong bối cảnh cụ thể của xu hướng biến đổi văn hóa gia đình truyền thống của người Lào ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay sẽ được giải quyết trong chương 3 của Luận án.

Trong xu thế hội nhập mạnh mẽ như hiện nay, sự phân hóa và biến đổi văn hóa gia đình truyền thống của người Lào là điều tất yếu. Do vậy, thiết nghĩ cần phải có một công trình nghiên cứu tổng thể về đặc điểm truyền thống của văn hóa gia đình, sự phân hóa, biến đổi văn hóa gia đình truyền thống của người Lào trong thời kỳ cận, hiện đại. Từ sự đối chiếu đó có thể phân tích, tìm ra nguyên nhân và đưa ra giải pháp tích cực với mục tiêu xây dựng gia đình văn hóa tại huyện Xay, tỉnh Oudomxay sao cho vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa gia đình truyền thống tốt đẹp, vừa kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội. NCS mong muốn có thể làm rõ vấn đề trên trong khuôn khổ một luận án Tiến sĩ với đề tài: **Văn hóa gia đình truyền thống của người Lào (nghiên cứu trường hợp huyện Xay, tỉnh Oudomxay, CHDCND Lào).**

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Một số khái niệm công cụ

1.2.1.1. Khái niệm gia đình

Gia đình không chỉ gắn bó với mỗi con người mà còn là đối tượng nghiên cứu của nhiều lĩnh vực khoa học, là một đơn vị cơ bản để thu thập thông tin, phân tích số liệu và là đối tượng của chính sách xã hội. Vì thế việc xác định khái

niệm gia đình, xác định những nội dung mà khái niệm này biểu đạt không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong đời sống của mỗi con người, trong nhận thức xã hội mà còn hết sức cần thiết cho việc tiến hành những nghiên cứu về gia đình, định hướng các vấn đề nghiên cứu, đồng thời còn là cơ sở để nhà nước ban hành các chủ trương, chính sách, luật pháp về gia đình hoặc có liên quan đến gia đình.

Thực tế hiện nay, cho dù đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về gia đình được triển khai, song khái niệm “Gia đình” vẫn còn đang là vấn đề còn nhiều tranh luận. Thực tế cho đến nay gia đình đã được các nhà khoa học định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Nhiều nhà khoa học đã thừa nhận: thuật ngữ gia đình vẫn là “một thuật ngữ được định nghĩa lỏng lẻo nhất trong từ vựng của nhà xã hội học” Định nghĩa này xác định gia đình với các cấu trúc và chức năng của nó trong mối quan hệ với hệ thống xã hội [32, tr 33].

Theo cách tiếp cận vĩ mô, gia đình được định nghĩa với tư cách là một thiết chế xã hội. Gia đình là một trong những thiết chế cơ bản của xã hội. Ph.Ăngghen đã chỉ rõ theo quan điểm duy vật, nhân tố quyết định trong lịch sử, quy cho đến cùng là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt, ra thức ăn, quần áo, nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó. Mặt khác là sự sản xuất ra bản thân con người, là sự duy trì nòi giống. Những thiết chế xã hội trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất đó quyết định; Một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình. Gia đình là một thể chế đặc thù, có tính đa dạng không giống bất kể thể chế xã hội nào, tính chất thể chế gia đình thể hiện ở chỗ nó ra đời, tồn tại và phát triển trước hết nhờ thừa nhận hôn nhân nam nữ, quy định trách nhiệm của họ đối với nhau và trách nhiệm quan tâm chăm sóc con cái. Thể chế gia đình là một hệ thống quy tắc ổn định, xác định rõ mối quan hệ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con cái nhằm thực hiện những chức năng xã hội nhất định. Mặt khác thể chế gia đình còn xác định mối liên hệ giữa gia đình và

xã hội trong sự tác động qua lại một cách biện chứng trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Theo tác giả Đặng Cảnh Khanh:

Gia đình là một thiết chế xã hội đặc thù liên kết con người lại với nhau nhằm thực hiện việc duy trì nòi giống, chăm sóc và giáo dục con cái. Các mối quan hệ gia đình còn được gọi là mối quan hệ họ hàng. Đó là những sự liên kết ít nhất là hai người dựa trên cơ sở huyết thống, hôn nhân và việc nhận con nuôi. Những người này có thể sống cùng hoặc khác mái nhà với nhau [28, Tr.54].

Trên đây là hai khái niệm về gia đình được nhìn nhận từ góc độ vĩ mô và xác nhận nó là một thiết chế xã hội đặc thù. Ngoài ra, còn có những khái niệm khác về gia đình như theo cuốn *Từ điển xã hội học* của G.Endrweit và G. Trommsdorff xuất bản năm 2001, các tác giả đưa ra định nghĩa gia đình như sau:

Gia đình là một nhóm thuộc loại đặc biệt vì nó biểu hiện một cấu trúc vai trò nhất định (bố/mẹ/con gái/con trai/cháu/ em...), với nó thì sự tách biệt về giới tính và thế hệ là tiêu chí của cơ cấu gia đình (= một hay đa thế hệ; nam/nữ) và qua nó sẽ chuyển hóa một quan hệ hợp tác và đoàn kết rất đặc biệt mà ở tất cả các xã hội đều tổ chức theo nghi lễ sự thành lập của nó. Ngoài ra, xã hội cũng trao cho nhóm đặc biệt này những chức năng rất đặc biệt [17, Tr.640].

Theo định nghĩa này gia đình được xác định là một nhóm có cấu trúc và đảm nhận những chức năng nhất định trong xã hội. Trong cuốn sách ‘La Sociologie et les sciences de societe’ do Nhà xuất bản Les Encyclopédies du savoir moderne, ấn hành năm 1973 trang 233, định nghĩa gia đình được hiểu như sau: “Gia đình là một nhóm xã hội không thể qui về các nhóm khác: sự hình thành của nó, cấu trúc, các chiều hướng, các quan hệ giữa các thành viên và các quan hệ của nó với toàn bộ cơ chế xã hội, các chức năng biến đổi trong thời gian và không gian gắn liền với hệ thống xã hội và các hình thức văn minh” [74, tr.57].

Tiếp cận khái niệm gia đình ở cấp độ vi mô, một số học giả đã đưa ra nhiều định nghĩa về gia đình theo cách tiếp cận vi mô, mỗi định nghĩa xác định gia đình theo hệ thống tiêu chí khác nhau. Có một định nghĩa tương đối ngắn gọn đó là “Gia đình là một nhóm xã hội nhỏ đặc thù, có đặc trưng cơ bản là được thiết lập trên cơ sở của hôn nhân mà từ đó hình thành các quan hệ huyết thống ruột thịt giữa các thành viên” [31, tr.33]. Theo định nghĩa này, gia đình được xác định dựa trên tiêu chí số lượng người (gia đình phải là một nhóm người, một cá nhân không thể là gia đình mà nhất thiết phải có từ hai người trở lên). Đồng thời gia đình có đặc trưng cơ bản là mối quan hệ hôn nhân và huyết thống. Định nghĩa này tương đối hẹp vì nó chỉ hướng vào khía cạnh sinh học của gia đình. Xác định rõ hơn các tiêu chí của gia đình, tổ chức UNESCO của Liên hiệp quốc năm 1994 đưa ra định nghĩa: “Gia đình là một nhóm người có quan hệ họ hàng, cùng sống chung và có ngân sách chung”. Như thế, tiêu chí để nhận diện gia đình không chỉ là quan hệ hôn nhân huyết thống (quan hệ họ hàng) mà còn có thêm tiêu chí “cùng chung sống và có chung quỹ chi tiêu”. Đồng tình với các tiêu chí này, tác giả Ngô Công Hoàn còn bổ sung thêm một tiêu chí về giới tính: “Trong gia đình phải có các giới tính (nam, nữ) đây là đặc trưng cơ bản của nhóm xã hội mà chúng ta gọi là gia đình” [20, tr.7]. Đặc trưng này đòi hỏi phải có các giới tính khác nhau trong quan hệ hôn nhân. Điều đó đồng nghĩa với việc không thừa nhận quan hệ hôn nhân đồng giới là quan hệ gia đình. Cục điều tra dân số Mỹ cung cấp khái niệm gia đình là: “hai hoặc hơn hai người, bao gồm chủ hộ, có quan hệ với nhau bởi huyết thống, hôn nhân”.

Gia đình là một giá trị không chỉ đối với mỗi con người mà còn đối với cả nhân loại. Trong suốt lịch sử phát triển của mình, bất chấp mọi xu hướng tư tưởng, quan niệm khác nhau về gia đình, nhân loại về bản chất vẫn tôn trọng giá trị gia đình.

Gia đình là một nhóm xã hội đặc thù có nghĩa là trong cái được gọi là gia đình ấy, tối thiểu cũng phải có hai người. Khi một người cô độc,

khi những thành viên khác trong gia đình không còn nữa, lúc đó người duy nhất còn lại cũng không còn có cuộc sống gia đình. Về phương diện này, sự tồn tại của gia đình chính là sự tồn tại của các mối quan hệ gia đình. Người cô độc không còn các mối quan hệ gia đình, họ cũng không còn gia đình. Như vậy, dưới góc độ xã hội học, gia đình không chỉ bao gồm các cá nhân mà còn bao gồm cả những mối quan hệ giữa cá nhân với nhau, những mối quan hệ này tồn tại trong sự gắn bó, ràng buộc, liên kết và cả phụ thuộc lẫn nhau thông qua những nghĩa vụ, bổn phận và trách nhiệm. Điều này đã kết hợp lại và hình thành nên những nhóm xã hội đặc thù là gia đình. Sở dĩ chúng ta gọi gia đình là một nhóm xã hội đặc thù còn bởi nó khác biệt so với những nhóm xã hội khác, như nhóm bạn bè, đồng nghiệp, nhóm có cùng sở thích, nhóm cùng sinh hoạt trong một câu lạc bộ, nhóm có cùng tôn giáo... Sự khác biệt giữa nhóm gia đình với nhóm xã hội khác là ở chỗ, sự liên kết giữa các thành viên trong gia đình thường chặt chẽ hơn nhiều so với các nhóm xã hội khác [28, tr.55-56].

Các nhóm xã hội mà chúng ta thường có trong cuộc đời mỗi con người, không nhóm nào có thể tồn tại lâu hơn nhóm gia đình. Tất nhiên trong cuộc sống chúng ta có thể giữ gìn những mối quan hệ rất bền chặt với tất cả người bạn thân, nhưng không có mối quan hệ nào có thể so sánh với mối quan hệ gia đình. Khi đã coi gia đình là một nhóm xã hội đặc thù thì điều đó có nghĩa rằng nhóm gia đình cũng phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản nhất của một nhóm xã hội. Những nguyên tắc này dựa trên vị thế, vai trò, nghĩa vụ, bổn phận, trách nhiệm của mỗi thành viên trong gia đình. Sự hình thành tự nhiên của tổ chức gia đình còn tạo ra những cơ sở tự nhiên về quyền lực trong gia đình, quyền lực được quy định bởi những chuẩn mực về văn hóa gia đình, bởi những quy định về mặt pháp lý và bởi phong tục tập quán truyền thống.

Nhìn chung, gia đình còn có thể được coi là một tổ chức xã hội cơ bản và tự nhiên nhất trong nhóm xã hội. Người ta có thể thay đổi các nhóm bạn, nhóm

nghề nghiệp nhiều lần nhưng không dễ gì thay đổi nhóm gia đình, thêm nữa việc trở thành thành viên trong một gia đình có ý nghĩa lớn hơn rất nhiều so với việc được liên kết đơn giản với thành viên khác. Là một thành viên của gia đình cũng đồng nghĩa với những quyền lợi và nghĩa vụ về mặt pháp lý và văn hóa. Những quyền lợi và nghĩa vụ này được quy định rõ trong bộ luật của mỗi quốc gia cũng như trong những phong tục tập quán và truyền thống dân tộc. “Gia đình là một thiết chế xã hội, được hình thành trên cơ sở hôn nhân, huyết thống, hoặc quan hệ nuôi dưỡng, thực hiện các chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm lý tình cảm, sinh đẻ duy trì nòi giống, nuôi dưỡng, chăm sóc, xã hội hóa trẻ em, tổ chức sản xuất và tiêu dùng...”[55, tr.22]. Định nghĩa về gia đình của hai tác giả Rodney D.Elliott và Don H. Shamblin

Các thể chế gia đình và thân tộc trong tất cả các xã hội là những tổ chức người coi các thành viên của họ là có quan hệ với nhau do tổ tiên, do hôn nhân và việc nhận con nuôi, điều tiết bằng chuẩn mực, sự giao phối sinh học, sự tái sinh sản sinh học và sự xã hội hóa đầu tiên của các trẻ em, phân chia lao động gia đình và xếp đặt sự thừa kế tài sản, địa vị, danh vị và quyền lực [84,tr.43].

Một định nghĩa khác của E.W.Burgess và H.J.Locker cho rằng: gia đình là một nhóm người đoàn kết với nhau bằng những mối liên hệ hôn nhân, huyết thống và những mối quan hệ con nuôi tạo thành một hộ đơn giản tác động lẫn nhau và thống nhất với nhau, trong vai trò tương ứng của họ là người chồng và người vợ, người mẹ và người cha, anh em và chi em, tạo nên một nền văn hóa chung.

Như trên NCS đã nêu ra một số khái niệm về gia đình của các học giả Việt Nam và nước ngoài. Để làm cơ sở triển khai nghiên cứu đề tài, khi vận dụng nghiên cứu cụ thể NCS đã theo khái niệm về gia đình của hai tác giả Việt Nam là Đặng Cảnh Khanh (tài liệu số 28) và Lê Ngọc Văn (tài liệu số 55).

1.2.1.2. Khái niệm văn hóa gia đình, văn hóa gia đình truyền thống

*** Khái niệm văn hóa gia đình**

Văn hoá gia đình là hệ thống những giá trị, chuẩn mực đặc thù điều tiết mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và mối quan hệ giữa gia đình với xã hội, phản ánh bản chất của các hình thái gia đình đặc trưng cho các cộng đồng, tộc người, dân tộc và khu vực khác nhau, được hình thành và phát triển qua lịch sử lâu dài của đời sống gia đình, gắn liền với những điều kiện phát triển kinh tế, môi trường tự nhiên và xã hội nhất định [76, tr.54].

Văn hóa gia đình là một khái niệm rộng, mang tính khái quát cao. Nó không chỉ gói gọn trong hành vi ứng xử của các thành viên trong gia đình với nhau mà còn thể hiện qua cách ứng xử của mỗi thành viên với môi trường xung quanh. Mỗi gia đình đều có những đặc trưng văn hóa riêng, bao gồm cả yếu tố truyền thống và hiện đại, được thể hiện qua nề nếp, gia phong, thói quen...

Tác giả Vũ Ngọc Khánh đưa ra quan điểm: “Văn hóa gia đình có thể được tìm hiểu qua thuần phong mỹ tục, qua những tấm gương của người mẹ, người cha... và ở cả những phần sâu kín huyền ảo” [30, tr.22]. Với quan điểm này, tác giả Vũ Ngọc Khánh đã đồng nhất văn hóa gia đình với gia đình gia giáo và chỉ lưu tâm khảo sát các giá trị tinh thần, tâm linh ở góc độ tình- nghĩa- lễ. Một số nhà nghiên cứu đôi khi bỏ qua hoặc mặc nhiên coi khái niệm văn hoá gia đình đã được mọi người ngầm hiểu. Kết quả là ngày càng có nhiều cách hiểu khác nhau về văn hoá gia đình và khái niệm văn hoá gia đình vốn đã không rõ ràng lại càng trở nên không rõ ràng hơn. Một số tác giả định nghĩa văn hoá gia đình bằng cách liệt kê hàng loạt các yếu tố được coi là thuộc về văn hoá gia đình như cách ứng xử giữa các thành viên trong gia đình với nhau, các quan hệ đạo lý, chuẩn mực, khuôn phép trong sinh hoạt, các quan hệ tình cảm vợ chồng, việc chăm sóc giáo dục con cái, việc thờ cúng tổ tiên, quan hệ giữa gia đình với xóm giềng, bạn bè... Kết quả là khái niệm này trở nên quá rộng, có nguy cơ bao chứa tất cả các vấn đề, các hiện tượng có liên quan đến gia đình. Mặt khác, phương pháp liệt kê các yếu tố không chỉ ra được những đặc trưng bản chất của khái niệm văn hoá gia

đình, đồng nhất văn hoá gia đình với tất cả những biểu hiện của đời sống và sinh hoạt gia đình.

Một số tác giả khác đã quy văn hóa gia đình thành các giá trị, chuẩn mực tốt đẹp của đời sống gia đình mà mỗi thành viên có trách nhiệm tuân theo. Với cách tiếp cận này, văn hóa gia đình thuộc phạm trù chuẩn mực gồm những cái đúng, cái tốt, cái đẹp. Cách tiếp cận này được chấp nhận khá phổ biến và rộng rãi trong đời sống. Tuy nhiên cách tiếp cận trên đây đã đơn giản hoá khái niệm văn hoá gia đình, làm cho văn hoá gia đình nghiêng về khía cạnh đạo đức, chính trị nhiều hơn là khía cạnh văn hoá. Ở đây, văn hoá gia đình trở thành sản phẩm chủ quan của ý chí con người chứ không phải là hệ quả khách quan của quá trình tương tác giữa những con người với nhau trong bối cảnh của một môi trường tự nhiên, lịch sử và xã hội nhất định.

Trong cách tiếp cận liên ngành gồm tâm lí - giáo dục học, xã hội học, nhân học thì văn hóa là tập hợp những hành vi và quan niệm mà con người học hỏi được với tư cách là thành viên của xã hội. Con người dùng văn hóa để thích ứng với thế giới trong họ đang sống và để thay đổi nó. Do đó văn hóa là khái niệm trung tâm dùng để giải thích lý do các hành vi của con người. Giá trị và chuẩn mực mang dấu ấn sâu sắc nhưng có thể thay đổi theo thời gian. Và như vậy, văn hóa gia đình là hệ thống những giá trị, chuẩn mực khu biệt đặc thù, điều tiết mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và mối quan hệ giữa gia đình với xã hội. Chính nó phản ánh bản chất của các hình thái gia đình đặc trưng cho các cộng đồng, các tộc người, các dân tộc và các khu vực khác nhau được hình thành và phát triển qua lịch sử lâu dài của đời sống gia đình, gắn liền với những điều kiện phát triển kinh tế, môi trường tự nhiên và xã hội. Những nét khu biệt, tính đặc thù hay bản sắc của gia đình là đối tượng nghiên cứu của văn hoá gia đình. Văn hoá gia đình nghiên cứu những dấu ấn để lại trong đời sống vật chất, tinh thần của gia đình được biểu hiện thông qua các mối quan hệ, cấu trúc, chức năng, sinh hoạt, đời sống tâm linh... của gia đình. Đó là những dấu ấn được duy

trì qua lịch sử, trở thành truyền thống, ăn sâu vào tiềm thức, tâm lý, chi phối hành vi, cách ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, giữa gia đình với xã hội, tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những dấu ấn để lại trong đời sống gia đình ở các cộng đồng, quốc gia, dân tộc không giống nhau, tạo nên tính đa dạng của văn hoá gia đình. Sự hội nhập kinh tế, giao lưu văn hoá quốc tế làm cho các nước có xu hướng hợp tác, liên kết và hiểu biết lẫn nhau nhiều hơn nhưng không làm mất đi bản sắc văn hoá dân tộc, bởi vì một trong những yếu tố hình thành nên văn hoá đó là môi trường tự nhiên. Sự gắn bó và phụ thuộc của văn hoá vào môi trường tự nhiên làm cho văn hoá không thể xuất khẩu được, trong khi văn minh, một bộ phận của văn hoá lại có thể xuất khẩu được vì nó độc lập với môi trường tự nhiên. Chính vì thế mà nhiều quốc gia có trình độ văn minh như nhau nhưng văn hoá thì vẫn khác nhau.

Sự thích ứng văn hoá và biến đổi văn hoá cũng thuộc phạm vi nghiên cứu của văn hoá gia đình. Nghiên cứu sự thích ứng văn hoá là nghiên cứu quá trình tiếp thu, truyền thụ các giá trị, chuẩn mực văn hoá gia đình từ thế hệ này sang thế hệ khác diễn ra như thế nào. Nghiên cứu sự biến đổi văn hoá gia đình là nghiên cứu quá trình cải tạo và thay đổi các giá trị, chuẩn mực văn hoá gia đình truyền thống nhờ sự tiếp xúc và học hỏi các nền văn hoá khác. Nếu gia đình chỉ tiếp thu thụ động mà không phê phán, không sáng tạo và không thay đổi văn hoá của chính mình thì không thể duy trì và phát triển được văn hoá của mình.

“Văn hóa gia đình được hiểu như là một tập hợp của những biểu hiện văn hóa gia đình với các mặt quan hệ và đời sống gia đình” [52, tr.27]. Khái niệm văn hóa gia đình như vậy là có nội dung riêng của nó. Khái niệm này nằm trong chuỗi khái niệm “văn hóa xã hội, văn hóa cộng đồng” chỉ khác nhau về cấp độ, mà không khác nhau về tính phức hợp của chúng [52, tr.27]. Trong những khái niệm về văn hóa gia đình đã nêu ra trên đây, NCS đã vận dụng nghiên cứu triển khai đề tài và tập trung nhiều vào khái niệm về văn hóa gia đình của tác giả Lê Ngọc Văn [75].

***Khái niệm văn hóa gia đình truyền thống**

Từ nghiên cứu khái niệm gia đình và văn hóa gia đình, NCS đưa ra một khái niệm về văn hóa gia đình truyền thống. Đó là *các/những giá trị văn hóa được duy trì qua các thời kỳ lịch sử trong tiến trình phát triển của gia đình. Những giá trị văn hóa đó đã trở thành truyền thống ăn sâu vào tiềm thức, tâm lý, chi phối hành vi, cách ứng xử của các thành viên trong gia đình, giữa gia đình và xã hội được tiếp nối từ thế hệ này qua thế hệ khác.*

1.2.1.3. Hệ giá trị của văn hóa gia đình

1. Văn hóa gia đình cũng như tất cả các thứ văn hóa khác không cố định mà vận động theo tiến trình lịch sử chung và theo tiến trình phát triển riêng của nó. Xem xét sự vận động và phát triển của văn hóa gia đình cần nhìn nhận cái quan trọng nhất của nó là hệ giá trị văn hóa gia đình.

2. Hệ giá trị văn hóa gia đình là cái chi phối toàn bộ hoặc gần như toàn bộ những biểu hiện văn hóa gắn liền với gia đình [55, tr.29].

Các giá trị văn hóa gia đình trước hết gắn liền với bên trong gia đình (cấu trúc) và đi đôi với những giá trị đó là những giá trị gắn liền với các quan hệ giữa gia đình và các thành viên của nó với xã hội (chức năng). Nói gọn lại đó là những giá trị cấu trúc và chức năng của văn hóa gia đình. Cả hai loại giá trị đó tập hợp thành hệ giá trị của văn hóa gia đình [55, tr.30]. Trên thực tế còn tồn tại nhiều ý kiến khác nhau, nhưng nhiều nhà nghiên cứu đã coi hai mặt giá trị đó như hai mặt của một tấm huy chương có mặt này, không thể không có mặt kia [55, tr.30].

Theo Đặng Cảnh Khanh: con người trong gia đình quan hệ với nhau không chỉ đơn giản là tuân theo các chỉ thị của bản năng sinh học mà còn bằng sự kết hợp giữa tình cảm và nhận thức bằng các giá trị văn hóa về đạo lý, bằng những nguyên tắc của tập tục từ các hình thức gia phong, gia giáo, gia lễ... những điều đã trở thành các chuẩn mực của hành vi cá nhân trong chính gia đình và xã hội. Giá trị gia đình vượt qua mọi sóng gió và thách thức của nhiều xu

hướng và quan điểm khác nhau, bao giờ cũng là một giá trị nhân văn, tồn tại trong mọi giai đoạn phát triển của xã hội [28, tr.43].

Khi nói về giá trị gia đình, nhà xã hội học người Mỹ là David Newman khuyên mọi người rằng, với bất kỳ ai cũng vậy, khi cần phải tỏ lòng thân thiện với nhau thì không có gì tốt hơn là hãy coi nhau như là những người thân trong cùng một gia đình, bởi lẽ quan hệ máu mủ ruột thịt trong gia đình có giá trị cao hơn nhiều so với những quan hệ khác [28, tr.46].

Về hệ giá trị gia đình trong tác phẩm “hệ giá trị gia đình” tác giả Lê Ngọc Văn đã viết “Sự tương tác giữa các thành viên trong gia đình thực hiện các chức năng cũng như mối quan hệ giữa gia đình với cộng đồng xã hội và với môi trường tự nhiên làm hình thành nên những ý niệm, quan niệm về những điều được coi là tốt đẹp, đầy mong ước. Đó là hệ giá trị gia đình [55, tr.22]. Cũng theo quan điểm của tác giả Lê Ngọc Văn. Hệ thống giá trị của gia đình có thể chia thành 3 hợp phần: hệ giá trị gia đình, chuẩn mực khuôn mẫu gia đình và vai trò các thành viên gia đình[55, tr.22]. Trong mỗi hợp phần đều bao chứa trong nó hàng loạt các giá trị rất cụ thể[55, tr.23].

1.2.1.4. Khái niệm khuôn mẫu ứng xử

***Khuôn mẫu:** Theo quan điểm của nhà nghiên cứu Lê Ngọc Văn, “Khuôn mẫu là những qui định của cộng đồng lặp đi lại nhiều lần được nhiều người, nhiều thế hệ, từ đời này đến đời khác chấp nhận, tán thành và thực hiện theo”. Theo cách hiểu như vậy, có thể gọi tên các khuôn mẫu ứng xử trong văn hóa gia đình truyền thống như: “Chồng hãy nể vợ, vợ hãy nể chồng, trò hãy nể thầy, thầy hãy nể trò, con hãy kính trọng bố mẹ, cha mẹ hãy tôn trọng con”. “Công cha như núi cao nghĩa mẹ như trời và đất” ý nghĩa như câu “Công cha như núi Thái Sơn nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”.

Theo tác giả Trần Thị Vân Nương, khuôn mẫu có thể được xem như là những chuẩn mực được qui định trong mối quan hệ ứng xử giữa các thành viên trong gia đình và mở rộng hơn là trong phạm vi làng xã. Chuẩn mực được hiểu

là những qui ước chung của cả cộng đồng hay một nhóm hạn hẹp có thể công khai hoặc ngầm ẩn, song được mọi người chia sẻ về mặt hành vi [57, tr.77].

***Ứng xử:** “Ứng xử là những lẽ lối hành động, suy nghĩ, cảm thụ của mỗi dạng, vai trò xã hội trước một tình huống nào đó” [8, tr.312].

Theo tác giả Nguyễn Văn Hộ và Trịnh Trúc Lâm sách ứng xử sư phạm cho rằng ứng xử ở con người tồn tại một số gắn bó với nhau: *Thứ nhất*, chủ thể ứng xử luôn luôn có ý thức về việc mình làm trên cơ sở những kinh nghiệm đã có. Nói một cách khác, chủ thể cảm thấy, nhận thấy, hiểu mình đang đứng trước tình huống nào để tổ chức hoạt động đáp lại tình huống đó. *Thứ hai* là tính xuất ngoại của chủ thể, nghĩa là trong ứng xử, những suy nghĩ của chủ thể luôn biểu thị ra bên ngoài (hành động, cử chỉ, ngôn ngữ, sắc thái tình cảm...) đối tác và những người xung quanh có thể quan sát nhận biết được. *Thứ ba* là ứng xử được diễn ra trong những không gian và thời gian xác định, môi trường ứng xử rất đa dạng phong phú, trong đó tồn tại những con người, những vật thể, cảnh quan gần gũi với chủ thể. Cũng cần phải nhận biết rằng mỗi gia đình, mỗi cộng đồng người để tồn tại và thích ứng với xã hội đều có những quy định riêng về ứng xử. Một ứng xử có thể trở thành khuôn mẫu khi nó được lặp lại thường xuyên bởi nhiều cá nhân trong cộng đồng có mối liên kết hoặc tự giác hoặc tự phát nhằm bảo tồn vị trí xã hội của mỗi cá nhân. Chẳng hạn ứng xử giữa con cái với cha mẹ, mặc dù ngôn từ có thể diễn đạt khác nhau ở mỗi cộng đồng song cái chung nhất trong ngôn ngữ ứng xử giữa con cái với bố mẹ ở mọi thời đại vẫn ẩn giấu sau nó đó là sự tôn kính và thương yêu. Mặt khác nhờ có hệ thống di sản trong sự phát triển của cá nhân những thế hệ sau luôn được thừa hưởng những khuôn mẫu ứng xử vốn có do các thế hệ trước truyền lại, đó là những ứng xử đã được tổng quát hóa, tiêu chuẩn hóa và hợp thức hóa dùng làm chuẩn mực để phân biệt những gì có thể chấp nhận được và những gì không thể chấp nhận được.

Theo các tác giả Nguyễn Văn Hộ và Trịnh Trúc Lâm cho rằng một khi khuôn mẫu ứng xử trong phạm vi nào đó trong đời sống xã hội được hình thành nó không còn là cái riêng cái cụ thể trong mỗi cá nhân mà đã được khách thể hóa

và được coi như một hệ thống tiêu chí giúp mọi người lấy đó làm thước đo cho các mối quan hệ xã hội cho bản thân mình. Chính vì lẽ đó đôi khi người ta còn gọi khuôn mẫu ứng xử là khuôn mẫu văn hóa bởi tính khách thể hóa những tri thức tiềm ẩn trong khuôn mẫu ứng xử. Trong xã hội có bao nhiêu mối quan hệ thì có bấy nhiêu ứng xử và thậm chí số lượng ứng xử còn lớn hơn nhiều lần số lượng các mối quan hệ xã hội, song một ứng xử chỉ trở thành khuôn mẫu văn hóa khi nó thỏa mãn 4 yếu tố sau: 1/Ứng xử thường xuyên được lặp đi lặp lại, tức là tính thời gian của ứng xử; 2/Ứng xử được lặp lại tương đối theo cùng một cách bởi nhiều người, tức là tính không gian của ứng xử. 3/Ứng xử ấy có tác dụng chỉ nam, mẫu mực, hay quy tắc cho các thành viên của một nhóm hay của xã hội. 4/Ứng xử ấy chứa đựng một ý nghĩa xã hội nào đó, tức là nó biểu thị kiến thức tư tưởng hoặc tình cảm mà chủ thể đã đạt được hay nói một cách khác, nó là cái mang vác một giá trị (kinh tế, chính trị, luân lý hay thẩm mỹ). Có thể nói, hệ thống khuôn mẫu ứng xử với tính cách là một khuôn mẫu văn hóa chính là những quy chuẩn đảm bảo cho các mối quan hệ xã hội được bền vững trong những nhóm xã hội khác nhau, là cơ sở xã hội cho việc xem xét các thể loại và hoạt động ứng xử trong đó có khuôn mẫu ứng xử trong gia đình là một hợp phần trong nghiên cứu văn hóa gia đình [22, tr.13].

***Khuôn mẫu ứng xử:** Theo các tác giả Trịnh Trúc Lâm và Nguyễn Văn Hộ “Khuôn mẫu ứng xử là những qui định về ứng xử của mỗi người không diễn ra một cách tùy tiện mà thường theo một khuôn mẫu nào đó” [55, tr.222].

Nhà xã hội học người Mỹ Joseph H. Fichter định nghĩa “khuôn mẫu ứng xử là những hành động, hành vi ứng xử, những khuôn mẫu tác phong mà xã hội chờ đợi, đòi hỏi ở một nhóm xã hội nào đó phải thực hiện trên cơ sở vị thế của họ” [55, tr.222].

Theo tác giả Nguyễn Thanh Tuấn cho rằng: các ứng xử tuân theo một quy tắc chuẩn mực tạo thành khuôn mẫu ứng xử. Khuôn mẫu ứng xử là các hành

động ứng phó và xử lý được lặp lại nhiều lần lâu bền ở đa số các cá nhân trong cộng đồng xã hội [74, tr.28].

Theo tác giả Huỳnh Khải Vinh: khuôn mẫu ứng xử là hành động ứng phó và xử lý được lặp đi lặp lại một cách lâu bền ở đa số cá nhân trong cộng đồng xã hội thuộc các cấp độ khác nhau, từ địa phương nhỏ (làng, xã, huyện), đến vùng, miền, cả nước, khu vực và thế giới. Nó được tổng quát hóa, tiêu chuẩn hóa và hợp thức hóa để làm mẫu mực chỉ dẫn cho các cá nhân và cộng đồng xã hội đó. Khuôn mẫu ứng xử gồm 4 tiêu chí: Sự lặp đi lặp lại của các ứng xử thông thường; Ứng xử được đa số người trong cộng đồng cùng thực hiện thống nhất theo một cách; Chuẩn mực xã hội hay quy tắc ứng xử; Ý nghĩa xã hội của ứng xử [81, tr.7-38].

Căn cứ vào các tiêu chí này có thể thấy trong các cộng đồng xã hội, nhất là cộng đồng “làng” với lịch sử văn hóa dài hàng trăm năm, có bốn loại khuôn mẫu ứng xử sau: **1/ Phong tục** là những khuôn mẫu ứng xử đã được định hình, định tính hay được phong hóa lâu dài bất chấp những thay đổi lớn trong xã hội. Nó được cả cộng đồng chấp nhận và tuân thủ mạnh mẽ. Vi phạm phong tục là xúc phạm giá trị tinh thần của cộng đồng. Ví dụ các phong tục về chi họ trên dưới trong họ tộc, phong tục cưới hỏi, thờ cúng tổ tiên và những người có công giáo dưỡng. **2/Tập quán** là các tục lệ hình thành từ thói quen và không chịu sức ép lớn của xã hội. Việc vi phạm các tập quán này có thể không gây ra những xúc phạm lớn về tinh thần và dư luận xã hội có thể cũng không điều chỉnh. **3/ Thông lệ** (hoặc thông tục) là khuôn mẫu ứng xử ít có tính cưỡng chế. Đó là một số nghi thức xã giao trong ứng xử, như cách chào hỏi biểu thị sự tán thưởng bằng vỗ tay hay tung hoa. **4/Cấm kỵ** (kiêng kỵ) là những chuẩn mực đạo đức nghiêm ngặt. Nó được quy tắc hóa và mang tính bắt buộc mạnh mẽ nhất. Đây là hình thức cấm đoán có thưởng có phạt và mang tính luật lệ nghiêm minh. Ví dụ: cấm không được loạn luân, cấm không được xúc phạm bề trên [81, tr.103-104].

Cùng với hướng của tác giả Huỳnh Khải Vinh, tác giả Nguyễn Thanh Tuấn cho rằng trong các cộng đồng xã hội có nhiều loại khuôn mẫu ứng xử

nhưng có ba loại khuôn mẫu chính mà muốn tác động, xây dựng con người phải coi trọng. **1/Tập quán** là các thói quen được lặp đi lặp lại trong thời gian ở cá nhân hay ở một cộng đồng xã hội. Tuy nhiên tập quán là những khuôn mẫu chuẩn mực đáng noi theo nhưng không chịu sức ép lớn của các chế tài của xã hội. **2/Phong tục** là các tập quán đã được định hình trong quá trình tuyển chọn của thời gian và không gian. Phong tục được cả cộng đồng chấp thuận tuân theo, vi phạm phong tục là xúc phạm đến cộng đồng, cộng đồng có chế tài nghiêm khắc trừng phạt người vi phạm vì vậy phong tục còn được coi là luật tục. **3/Cấm kỵ** là những khuôn mẫu ứng xử đặc biệt đối với mỗi làng, vùng hoặc tộc người. Những điều cấm kỵ này mang tính cưỡng chế mạnh mẽ, thậm chí linh thiêng, không một thành viên nào được vi phạm. Trong xã hội truyền thống các khuôn mẫu ứng xử văn hóa đã tạo thành “cương lĩnh” chung của cộng đồng góp phần định hình đạo đức nhân cách của con người [74, tr.28].

1.2.2. Các hợp phần nghiên cứu văn hóa gia đình

Để tìm hiểu văn hóa gia đình trước hết cần xem xét khung cấu trúc nghiên cứu về gia đình, theo nhà nghiên cứu Lê Ngọc Văn nghiên cứu gia đình bao gồm: ba hợp phần cơ bản: chức năng gia đình, cấu trúc gia đình và văn hóa gia đình. Quan điểm trên có thể biểu hiện bằng sơ đồ cụ thể dưới đây:



Nguồn: Lê Ngọc Văn

Như vậy, nghiên cứu văn hóa gia đình chỉ là một trong ba hợp phần của nghiên cứu về gia đình. Cũng theo tác giả Lê Ngọc Vãn, nghiên cứu văn hóa gia đình bao gồm ba hợp phần cơ bản: Giá trị gia đình; Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình và vai trò các thành viên trong gia đình. Quan điểm này được thể hiện qua sơ đồ cụ thể dưới đây:

CÁC HỢP PHẦN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA GIA ĐÌNH

GIÁ TRỊ GIA ĐÌNH	CHUẨN MỰC, KHUÔN MẪU ỨNG XỬ GIA ĐÌNH	VAI TRÒ CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH
<p>Giá trị kinh tế - vật chất</p> <p>Giá trị trong quan hệ giữa các thành viên gia đình</p> <p>Giá trị trong đời sống tinh thần, tâm linh, tín ngưỡng</p> <p>...</p>	<p>KMUX giữa vợ - chồng</p> <p>KMUX cha mẹ-con cái</p> <p>KMUX giữa anh chị em</p> <p>KMUX ông bà - con cháu</p> <p>KMUX họ hàng</p>	<p>Vai trò người vợ</p> <p>Vai trò người chồng</p> <p>Vai trò người cha</p> <p>Vai trò người mẹ</p> <p>Vai trò của ông/bà</p> <p>Vai trò con cái</p>

Nguồn: Lê Ngọc Vãn

Khi nghiên cứu từng hợp phần trong sơ đồ, trong mỗi hợp phần trên đều bao chứa trong nó hàng loạt các vấn đề cụ thể: trong hợp phần giá trị gia đình, bao chứa trong nó các giá trị cụ thể sau đây: 1/Hợp phần thuộc lĩnh vực kinh tế-vật chất-thể chất bao gồm: ăn ngon mặc đẹp; có nhà ở; chỗ ở riêng; đủ tiện nghi sinh hoạt; thu nhập ổn định; có việc làm theo sở thích; sở hữu phương tiện đi lại; khỏe mạnh; trường thọ; có tài sản để dành; sống trong môi trường tự nhiên ôn hòa, không ô nhiễm [55, tr.23].2/Hợp phần trong quan hệ ứng xử giữa người với người bao gồm: vợ chồng chung thủy; có con trai; con gái đầy đủ; anh em hòa thuận; cha mẹ nhân từ, con cháu hiếu thảo; mọi người có trách nhiệm với nhau; bình đẳng giữa nam và nữ, giữa già và trẻ; ông bà cha mẹ sống cùng con cháu; có uy tín

trong cộng đồng; quan hệ họ hàng, láng giềng tốt, môi trường xã hội an ninh, đảm bảo... 3/Hợp phần về đời sống tinh thần-tâm linh-tín ngưỡng bao gồm: tôn trọng lễ giao; hiếu kính với tổ tiên; con cái chăm ngoan, học hành tấn tới; có người nối dõi tông đường; ăn ở hiền lành giữ phúc cho con; tâm hồn thanh thản, nhẹ nhõm; cởi mở, sẵn sàng đón nhận cái mới; có điều kiện nghỉ ngơi, thư giãn; được tự do tín ngưỡng theo quan niệm sống của mình...[55, tr.23].

Trong hợp phần nghiên cứu chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình cũng bao gồm các khuôn mẫu ứng xử cụ thể như: 1/Khuôn mẫu ứng xử giữa vợ và chồng, 2/Khuôn mẫu ứng xử giữa cha mẹ và con cái, 3/Khuôn mẫu ứng xử giữa anh em, 4/Khuôn mẫu ứng xử giữa ông bà và con cháu, 5/Khuôn mẫu ứng xử giữa họ hàng, 6/Khuôn mẫu ứng xử giữa người sống với người chết...

Trong hợp phần nghiên cứu về vai trò của các thành viên trong gia đình bao gồm các vai trò và trách nhiệm của các thành viên cụ thể như sau: 1/Vai trò của người vợ trong gia đình, 2/Vai trò của người chồng trong gia đình, 3/Vai trò của người cha/mẹ trong gia đình, 4/Vai trò của ông/bà trong gia đình, 5/Vai trò của con cái trong gia đình...

Các hợp phần của văn hoá gia đình đã nêu ra trên đây không tồn tại một cách độc lập mà liên kết với nhau tạo thành một hệ thống thực hiện các chức năng của văn hoá gia đình. Đó là các chức năng: truyền tải văn hoá từ thế hệ này sang thế hệ khác; duy trì sự cân bằng của đời sống gia đình; bảo đảm sự tiếp nối văn hoá, chống sự đứt đoạn văn hoá; giữ gìn và phát triển bản sắc văn hoá và chức năng hình thành các giá trị văn hoá mới.

Những hợp phần nghiên cứu văn hóa gia đình nêu trên sẽ giúp NCS xác lập được cụ thể những vấn đề cần làm sáng tỏ, tạo nên một sự nhất quán, xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu. Từ đó sẽ là cơ sở để khảo sát phân tích văn hóa gia đình truyền thống của người Lào.

Với cách hiểu về văn hóa gia đình được thể hiện qua thuần phong mỹ tục, nếp sống, tư cách, đạo đức, tác phong của các thành viên trong gia đình nên văn

hóa gia đình là sự tiếp nối văn hóa dân tộc, văn hóa truyền thống, văn hóa họ tộc. Sự tiếp nối này được biểu hiện ra bên ngoài như biết giữ gìn gia giáo, không làm mất thể diện cho gia đình, họ tộc, biết đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau, nghĩa tình với người đã khuất. Không những thế, văn hóa gia đình còn được biểu hiện bằng việc nuôi con khỏe, dạy con ngoan, thành tài để phục vụ xã hội. Sắc thái văn hóa gia đình còn bao gồm các tri thức khoa học nhằm ứng dụng vào việc tổ chức cuộc sống cho hợp lý, thể hiện trong giao tiếp với bạn bè, xóm làng, bản ấp.

Trong quá trình triển khai đề tài, NCS không có điều kiện để triển khai nghiên cứu toàn bộ các hợp phần của văn hóa gia đình theo tác giả Lê Ngọc Văn, mà chỉ tập trung nghiên cứu hợp phần chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử trong gia đình, đó là những dấu ấn được duy trì qua các thời kỳ lịch sử, trở thành truyền thống, ăn sâu vào tiềm thức, tâm lý, chi phối hành vi, cách ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, giữa gia đình với xã hội, tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tuy nhiên trên thực tế những dấu ấn để lại trong đời sống văn hóa gia đình ở các cộng đồng, quốc gia, dân tộc không giống nhau, tạo nên tính đa dạng của văn hóa gia đình.

1.2.3. Vai trò của văn hóa gia đình trong đời sống cá nhân và xã hội

1.2.3.1. Vai trò gia đình đối với cá nhân

Văn hóa gia đình có vai trò to lớn đối với sự hình thành nhân cách mỗi cá nhân, sự phát triển bền vững của xã hội và đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Gia đình trong ý thức mỗi cá nhân vẫn là một tổ ấm không thể thay thế, vẫn là nơi chôn đi về để mỗi cá nhân có thể thư giãn, sống thật với mình nhất. Gia đình là bệ phóng bình yên, an toàn nhất, hội tụ đủ mọi yếu tố để mỗi cá nhân có thể đạt tới đích khát khao, tới chân trời mơ ước của mình. Và trên hết, gia đình là một tế bào nhỏ nhất cấu thành nên xã hội. Trên thế giới, theo quan điểm duy vật lịch sử, sự sản xuất và tái sản xuất không ngừng ra tư liệu sản xuất và con người là nhân tố nền tảng có tính quyết định của xã hội. Sự phát triển của gia đình cũng gắn với sự phát triển của sản xuất, tái sản xuất vật chất và tinh thần

cũng như tái sản xuất ra con người. Trong *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của Nhà nước*, Ăng ghen đã chỉ rõ:

Theo quan điểm duy vật, nhân tố quyết định trong lịch sử, suy đến cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó lại có hai loại. Một loại là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt, ra thức ăn, quần áo và nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó; mặt khác là sự sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền nòi giống. Những thiết chế xã hội trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định, và của một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất đó quyết định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động, và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình [5, tr.44].

Trong mỗi gia đình, cha mẹ luôn là người thầy đầu tiên chăm sóc, nuôi nấng, dạy dỗ con cái biết yêu thương, nhân ái, bao dung, yêu quê hương, đất nước; đồng thời dạy con tri thức, vốn sống, vốn văn hoá, cách đối nhân xử thế giữa người với người, giữa con người với thiên nhiên tạo vật, với xã hội rộng lớn. Chính văn hóa gia đình là nơi ươm mầm nuôi dưỡng, giáo dục cho con người về trí tuệ và nhân cách sống để đáp ứng tốt nhu cầu phát triển chung của xã hội. Gia đình tạo điều kiện để mỗi cá nhân hoàn thiện mình một cách toàn diện để vững vàng, tự tin, dấn đạc bước vào đời bằng chính đôi chân và trí tuệ của riêng mình. Gia đình giúp các cá nhân có niềm tin và hy vọng vào cuộc đời, khát khao thành người có ích cho cộng đồng và người thân.

Chính vì thế, đối với mỗi cá nhân, gia đình thực sự có vị trí, ý nghĩa hết sức quan trọng. Gia đình không chỉ là hạt nhân tốt của xã hội mà còn là chiếc cầu nối gắn nhất nhưng đẹp đẽ nhất, thuận lợi nhất giữa cá nhân với xã hội.

Trình độ phát triển kinh tế - xã hội quyết định quy mô, kết cấu, hình thức tổ chức và tính chất của gia đình. Tuy nhiên với tư cách là “tế bào của xã hội”, gia đình đã tác động to lớn đến tiến trình phát triển xã hội. Cho nên, với hàng

triệu tệ bào tốt thì ắt hẳn sẽ xây dựng một xã hội tốt. Ngược lại, nó sẽ là tác nhân gây nên sự suy đồi, làm đảo lộn đời sống xã hội. Lịch sử phát triển của nhân loại trải qua nhiều triều đại hưng suy, nhiều nền văn minh bị đổ vỡ nhưng văn hóa gia đình vẫn là “chiếc phao” che chở, dẫn dắt mỗi cá nhân vượt qua mọi khốn khó. Chính “chiếc phao” ấy đã, đang và sẽ truyền dẫn nền văn minh lại cho mỗi thế hệ khi bước vào giai đoạn lịch sử mới.

Tính đa chức năng của gia đình đã tạo nên sự bền chặt, quan hệ phụ thuộc lẫn nhau rất sâu sắc của các thành viên trong gia đình. Cá nhân được đặt trong tương quan với các quy định trong quan hệ gia đình và hoàn toàn phụ thuộc vào gia đình. Điều này dẫn đến việc, gia đình truyền thống đặc biệt chú ý tới các mối quan hệ theo chiều dọc, trong đó, quyền lực của cha mẹ với con cái được xem là tuyệt đối. Mọi biểu hiện không tôn trọng uy quyền chiều dọc tuyệt đối đều được xem là ảnh hưởng xấu đến tính đa chức năng của gia đình, làm giảm ảnh hưởng của gia đình đến các cá nhân. Trước sự xuất hiện của xu hướng đề cao cá nhân, tính chất đa chức năng và chú trọng quan hệ chiều dọc của gia đình truyền thống đang có xu hướng dần dần bị thay thế.

Có thể thấy, gia đình là thiết chế đa chức năng. Thông qua việc thực hiện những chức năng này mà gia đình tồn tại, phát triển, đồng thời tác động đến sự tiến bộ chung của xã hội. Trong thế giới đang cạnh tranh cao độ như hiện nay, để thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội, không thể không phát huy sức mạnh của văn hóa gia đình trong mối quan hệ chặt chẽ với xã hội.

1.2.3.2. Vai trò gia đình đối với xã hội

Cùng với quá trình đổi mới toàn diện của đất nước, văn hóa gia đình người Lào đang có sự biến đổi về nhiều mặt. Đời sống vật chất, tinh thần được cải thiện và từng bước nâng cao, văn hóa gia đình người Lào tiếp thu nhiều đặc điểm tiến bộ của gia đình trên thế giới nhưng cũng chịu ảnh hưởng của những tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế.

Văn hóa gia đình tác động đến sự tiến bộ chung của xã hội, đặc biệt trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Gia đình là nơi tiếp nhận, truyền thụ, chuyển giao các giá trị truyền thống dân tộc cho các thế hệ con cháu. Đó là việc giáo dục lòng yêu nước và ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, lòng dũng cảm, kiên cường, lòng nhân ái, chung thủy, việc truyền dạy đức tính cần cù chịu khó, tinh thần lạc quan và ý chí phấn đấu vươn lên trong cuộc sống... Những giá trị ấy được truyền thụ và giáo dục cho các thế hệ con cháu từ khi mới sinh ra cho đến lúc trưởng thành, từ đời này sang đời khác.

Có thể thấy, văn hoá gia đình ngoài yếu tố cốt lõi là hệ giá trị, gia đình còn được xem xét như là một tập hợp của những biểu hiện văn hoá gắn với các mặt quan hệ và đời sống gia đình. Văn hoá gia đình vừa là sự biểu hiện giá trị trong quá trình phát triển, vừa có vai trò định hướng và mục tiêu cho sự phát triển gia đình qua mỗi thời đại lịch sử. Đối với chúng ta, văn hoá gia đình là cơ sở để xây dựng gia đình văn hoá trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Những năm gần đây trước các hiện tượng phức tạp của xã hội: cờ bạc, mại dâm, ma túy và tội phạm vị thành niên tăng cao, nhiều người không khỏi lo lắng, thậm chí lo sợ. Những hiện tượng trên, thời nào cũng có, nhưng chưa bao giờ đáng báo động như hiện nay ở tính chất nghiêm trọng của nó. Lịch sử phát triển của văn hóa nhân loại luôn kế thừa, chối bỏ và có những mâu thuẫn giữa các thế hệ. Có điều là "mâu thuẫn" này ngày càng xảy ra trên nhiều lĩnh vực đời sống và tỏ ra gay gắt hơn. Các kết quả trong nghiên cứu văn hóa đã cho thấy: văn hóa không chỉ đổi mới theo thời gian mà tự nó bảo toàn nhờ tác động thông qua các thiết chế văn hóa xã hội (nó phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội, làm cho quá trình bảo toàn và thay đổi xảy ra nhanh hoặc chậm, ít hoặc nhiều). Văn hóa sẽ truyền lại cho thế hệ mới những di sản của các thời đại trước (phong tục tập quán, truyền thống gia đình). Trong quá trình chuyển tiếp đó có cái được tiếp nhận tương đối vững bền, có cái sẽ mai một và có phần bị gạt bỏ. Phần được thế hệ sau tiếp nhận là phần tinh túy và dễ thích nghi với nhu cầu của thế hệ mới.

Văn hóa thế hệ trước truyền lại chủ yếu là qua kinh nghiệm và rất chậm chạp, có khi mất thời gian lâu dài làm cho mỗi cá nhân sống tại thời điểm đó không kịp nhận thấy.

Các gia đình truyền thống người Lào từng phát triển chậm chạp. Chế độ phong kiến kéo dài mấy trăm năm, đến nay tàn dư của nó vẫn còn ăn sâu trong tình cảm, tư tưởng của mỗi người Lào. Trong khi đó, hình thức, lối sống của thanh niên đang thay đổi nhanh chóng cũng là những vấn đề cấp thiết đặt ra. Cuộc sống vận động, thay đổi chất lượng, thay đổi nhịp độ tác động lên tâm lý, sinh lý, tạo nên đời sống văn hóa cho con người, đặc biệt cho thanh niên - những người nhạy cảm nhất của xã hội. Với nhịp độ của công nghiệp hóa sôi động, ào ạt ngày nay tạo nên một nếp sống văn hóa mới khác thế hệ cha anh đã có. Đó là đặc trưng của xã hội tiêu dùng hay xã hội thị trường hậu công nghiệp. Trước đây, lao động chủ yếu là thủ công, sản phẩm do con người tạo ra ít, đơn lẻ, khác với sản xuất công nghiệp, hàng hóa là sê-ri. Con người cũng là sản phẩm của đời sống xã hội. Xã hội công nghiệp và tiêu dùng trong đời sống thị trường vừa dài vừa ngắn. Dài vì nó cho phép làm được vô số công việc trong 24 giờ mỗi ngày. Ngắn vì rất nghiêm ngặt, giờ nào việc ấy, chính xác từng phút. Cách mạng khoa học kỹ thuật và tin học làm cho đời sống thanh niên rất năng động, kích thích và biến đổi triệt để các mối quan hệ, giao tiếp giữa con người với con người, nó kéo theo các hình thức ứng xử cũng thay đổi. Trong văn hóa hiện đại, có một phần thay đổi rất rõ rệt, dễ nhìn thấy, chúng thường xuyên phá bỏ truyền thống và xây dựng một biểu hiện văn hóa mới. Kinh tế thị trường với những mặt tiêu cực của nó tác động vào lớp trẻ. Xác định một lý tưởng cho thanh niên bây giờ khó khăn hơn cách đây 30 năm. Xã hội nhìn nhận đánh giá giá trị của con người cũng khác trước. Ai là hình mẫu lý tưởng. Người giàu có hay người học hành tử tế? Thế nào là người thành đạt? Việc thanh niên đi tìm bản thân mình và địa vị trong xã hội vừa dễ vừa rất khó. Những yếu tố này đã và đang dần tác động làm thay đổi cấu trúc của gia đình truyền thống. Xét toàn bộ vấn đề kinh tế xã hội và tâm lý thời

đại, gia đình truyền thống người Lào nhìn chung không phải đang xấu đi, đáng lo lắng hơn mà họ đang sống trong một môi trường văn hóa đúng như đang có.

Cho đến nay, khái niệm văn hóa gia đình còn có những cách giải thích khác nhau. Tuy nhiên, dưới quan điểm xã hội học văn hóa và phương pháp nhân học trong tiếp cận văn hóa gia đình có thể giúp chúng ta có được một cách nhìn đầy đủ hơn về cấu trúc, đối tượng, phạm vi, nội dung nghiên cứu của văn hóa gia đình. Những biến đổi kinh tế xã hội, công nghiệp hóa và hội nhập tạo nên những giá trị mới của gia đình nhưng không làm mất đi những giá trị tốt đẹp của gia đình người Lào truyền thống. Đó là tính liên tục và sự biến đổi của văn hóa gia đình. Việc hiểu rõ các đặc trưng của văn hóa gia đình, tính liên tục và xu hướng biến đổi của văn hóa gia đình là căn cứ để lý giải những vấn đề, hiện tượng xã hội có xuất phát điểm từ gia đình.

1.3. Khái quát về người Lào ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay

1.3.1. Thông tin chung về tỉnh Oudomxay

Oudomxay là một tỉnh miền núi nằm ở phía Tây Bắc Lào, cách thủ đô Viêng Chăn về phía Bắc 583 km, tỉnh này có đường biên giới tiếp giáp với nước ngoài và các tỉnh lân cận như: phía Bắc giáp với Trung Quốc, có đường biên giới dài 22.5 km và giáp tỉnh Phongsaly dài 66.5km; phía Nam giáp với tỉnh Xayyabouly, có đường biên giới dài 120 km; Phía Đông giáp với tỉnh Luang prabang, có đường biên giới 183.25 km; phía Tây giáp với tỉnh Luang namtha dài 160 km và giáp tỉnh Borkeo dài 110 km. Tỉnh Oudomxay là một tỉnh có con đường giao thông nối liền với Trung Quốc, Việt Nam, Myanmar và Thái Lan, vì được hưởng những điều kiện thuận lợi từ chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế của Nhà nước cho nên nền kinh tế của Oudomxay đã có những biến đổi rõ rệt [123, tr.1].

Oudomxay có tổng diện tích là 15.370 km², chiếm 6,5% diện tích của cả nước, trong đó diện tích đồi núi và trung du 13.064 km², chiếm tới 85% tổng diện tích của tỉnh và các đồng bằng nhỏ ở dọc bờ sông suối có 2.306 km², chiếm

khoảng 15% tổng diện tích. Căn cứ vào tổng diện tích đồi núi và trung du chiếm tới 85% có thể xác định Oudomxay là một tỉnh ở vùng núi cao và là trung tâm con đường giao thương giữa các tỉnh miền Bắc như: tỉnh Luang namtha, Luang prabang, Borkeo, Xayyabouly và Phongsaly. Oudomxay nằm trên độ cao trung bình so với mặt nước biển là từ 458-1800 m (nơi thấp nhất là ở bản Donesaat, huyện PakBeng cao 316m so với mặt nước biển, và tại điểm cao nhất là ở bản Phiengkho, huyện Hun cao 1800 m. Cả tỉnh có 4 đồng bằng nhỏ chiếm 15% diện tích. Các đồng bằng nhỏ này nằm ở các huyện như: đồng bằng huyện Xay, đồng bằng huyện Namor, đồng bằng huyện Beng và huyện Hun. Tỉnh Oudomxay có con sông lớn nhất Đông Nam Á chảy qua đó chính là sông Mê Kông, sông này chảy qua huyện Pak Beng. Và có 3 sông nhánh của sông Mê Kông đó là sông Pác, sông Ko và sông Nga. Các con sông này là nguồn nước vô tận cung cấp cho nền sản xuất nông nghiệp của cư dân sống dọc lưu vực sông. Ngoài ra tổng diện tích đồi núi và trung du chiếm tới 85% là điều kiện thuận lợi để phát triển lâm nghiệp - trồng gỗ các loại và loại lâm sản quý hiếm gắn với rừng. Một phần diện tích của tỉnh là trung du vì vậy tại vùng đất này người ta trồng cây công nghiệp ngắn ngày và phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm... [123, tr.2-3].

Lịch sử hình thành tỉnh Oudomxay được xem xét theo mốc thời gian từ trước và sau năm 1976. Sở dĩ có mốc thời gian như vậy vì trước năm 1976 Oudomxay là một khu vực hành chính bao gồm các huyện như: huyện Xay, La, Beng, Hun, Namor trực thuộc tỉnh Luang Prabang, cách trung tâm của tỉnh Luang Prabang khoảng 200 km, trong bối cảnh tương tác với địa bàn của Việt Nam, cụ thể là từ tỉnh Điện Biên theo đường bộ đến Oudomxay hiện nay là khoảng 235 km và đến Luang Prabang là khoảng 435 km. Đến năm 1976, sau khi giải phóng hoàn toàn đất nước, Nhà nước Lào nhận thấy cần thiết tái cấu trúc các đơn vị hành chính cho phù hợp với điều kiện phát triển đất nước trong tình hình mới. Nhà nước đã ra quyết định thành lập tỉnh Oudomxay, tỉnh bao gồm 7 huyện như: huyện Xay, La, Beng, Hun, Namor, Nga và huyện Pak Beng, có 57

cụm bản (cụm bản có thể hiểu là sự kết hợp giữa các bản ở trong không gian địa lý phù hợp, cư dân sinh sống và liên kết với nhau thành một nhóm các bản, có thể 5 bản, 7 bản hoặc 10 bản tùy theo không gian rộng hẹp của các bản mà thiết lập các cụm bản cho phù hợp với không gian sống, quản lý hành chính, tổ chức phát triển kinh tế, văn hóa xã hội). Toàn tỉnh hiện có 471 bản, trong đó có 107 bản to (có nhiều hộ gia đình, từ 200 ngôi nhà trở lên, đối với các bản nhỏ thì có ít số hộ gia đình, có những bản chỉ có hơn chục ngôi nhà cùng sinh sống, chiếm khoảng 22,71%. Tư liệu cho biết trong tỉnh có 51.165 hộ gia đình và tổng dân số là 300.395 người, trong đó có nữ 150.325 người và mật độ dân cư trung bình là 19 người trên một km² [123, tr.5].

Tỉnh Oudomxay là một tỉnh có nhiều dân tộc chung sống, theo số liệu thống kê của tỉnh, hiện nay toàn tỉnh có tất cả 14 dân tộc và được phân chia theo 4 nhóm ngôn ngữ như: Môn - Khmer, Lào - Tày, Mông - Y miên và Hán - Tây tạng. Trong đó huyện Xay là huyện trung tâm và tập trung nhiều dân tộc Lào nhất. Trong 7 huyện trên toàn tỉnh có 5 huyện là huyện thoát nghèo đó là huyện Xay và huyện Hun, PakBeng, Beng, Namor với số lượng 215 bản và dân số thoát nghèo là 30.993 hộ gia đình, chiếm 60,57% tổng số hộ toàn tỉnh, dân thoát nghèo 175.353 người. Còn 2 huyện còn lại là huyện Nga và huyện La thuộc diện huyện nghèo, cuộc sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn [123, tr.6].

1.3.2. Những thông tin chung về huyện Xay

Huyện Xay được thành lập năm 1961 và lúc đó vẫn trực thuộc tỉnh Luang prabang (hay còn gọi là cố đô Luang Prabang, nay là thành phố di sản thế giới được UNESCO công nhận), lúc đó đất nước vẫn đang trong giai đoạn cuối của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cho đến năm 1976 sau khi tách ra và thành lập tỉnh Oudomxay và lấy huyện Xay làm trung tâm hành chính của tỉnh. Về vị trí địa lý của huyện Xay thì đây là một huyện nằm ở giữa trung tâm tỉnh và tiếp giáp với các huyện như: phía Bắc giáp với huyện Namor và huyện La; phía Nam giáp với huyện Nga và huyện Beng; phía Đông giáp với huyện Nam Bac (tỉnh

Luang Prabang); phía Tây giáp với huyện Nale (tỉnh Luang Namtha). Huyện Xay có tổng diện tích 2.817 km² trong đó vùng đồi núi chiếm tới 75% và 25% còn lại là đồng bằng nhỏ dọc theo các lưu vực sông suối; độ cao so với mặt nước biển là 458m-1800 m; thời tiết chia làm 2 mùa rõ rệt như: mùa khô và mùa mưa (hay còn gọi mùa hè và mùa đông) và nhiệt độ trung bình hàng năm là 21 độ °C, thời điểm thấp nhất là tháng 1-2 dương lịch nhiệt độ khoảng 4 độ °C và cao nhất là tháng 5-6 dương lịch nhiệt độ lên đến 36 độ °C, lượng mưa trung bình 1.500 mm/năm và thời gian có ánh nắng mặt trời là 1947 giờ/năm. Trong toàn huyện gồm có 9 dân tộc sinh sống và dân tộc Lào chiếm 40%, mật độ dân cư trung bình là 27 người/1 km². Huyện Xay có tổng dân số 77.661 người, nữ 38.994 người... Huyện Xay gồm có 97 bản với 15.384 hộ gia đình chung sống [125, tr.34]. Nhìn chung 97 bản của huyện được phân bố theo cấu trúc hành chính như sau: Từ trung tâm của huyện trong bán kính 5 km có 45 bản, từ trung tâm phát triển theo ba hướng chính, các bản còn lại đều được bố trí theo ba hướng phát triển của không gian hành chính đơn vị cấp huyện. Tuy nhiên để có được đại diện triển khai các chương trình nghiên cứu đề tài, NCS lựa chọn 3 bản trong 97 bản để khảo sát phân tích đặc điểm văn hóa gia đình truyền thống của người Lào, đó là bản Done Keo cách trung tâm 1,3 km, bản Thiêu cách trung tâm 8 km và bản Long Ya cách trung tâm 22km.

Từ khi thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và sự quản lý chỉ đạo của chính quyền các cấp, công tác an ninh quốc phòng được tổ chức thực hiện, triển khai nhiều biện pháp sâu rộng và có sự tham gia của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân để bảo đảm an ninh và an toàn cho cuộc sống của nhân dân. Đặc biệt là công tác xây dựng cơ sở chính trị gắn liền với xây dựng bản và cụm bản phát triển theo 4 nội dung và 4 mục tiêu, đồng thời tuyên truyền quảng bá đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và huấn luyện cho các lực lượng tự vệ tại các bản để nâng cao sự cảnh giác chống âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch nhằm vào công cuộc đổi mới và xây dựng

đất nước phồn vinh của Lào. Từ trước đến nay huyện Xay luôn có sự ổn định chính trị, có trật tự an toàn xã hội và bình yên, sự quản lý Nhà nước và quản lý xã hội được thực hiện trong khuôn khổ của pháp luật nước CHDCND Lào. Địa bàn của huyện Xay có con đường giao thông đi đến Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan và Myanmar, bên cạnh những thuận lợi trong sự thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và khu vực thì nơi đây cũng là con đường trung chuyển các hàng hóa lậu từ Trung Quốc vào Lào và qua Lào đi đến nước thứ ba. Đường dây buôn ma túy từ khu Tam giác vàng cũng đi qua địa bàn này. Những năm gần đây vấn đề tội phạm liên quan đến ma túy và tội phạm xuyên quốc gia đều được ngăn chặn. Nhiều âm mưu tổ chức vận chuyển và tiêu thụ ma túy tại huyện Xay bị phát hiện và bị phá tan. Công tác đảm bảo an ninh, ổn định chính trị luôn được đề cao và thực hiện tốt, giữ được cuộc sống yên bình và ấm no hạnh phúc cho nhân dân.

Bản Done Keo (nghĩa là bản núi ngọc) là một bản/làng cổ truyền thống, trong làng có một ngôi chùa cổ được xây dựng từ khi thành lập ngôi làng cách đây vài trăm năm (không có thông tin chính xác về năm xây dựng chùa) [ảnh 35]. Bản Done Keo là một ngôi làng có dân tộc Lào sinh sống nhiều hơn các làng khác trong khu vực trung tâm của huyện Xay, chủ yếu họ ở nhà sàn làm bằng gỗ theo phong cách truyền thống chiếm hơn 50% và có một số người dân xây nhà sàn nhưng tầng dưới thường xây bằng gạch (hay còn gọi là nhà kết hợp truyền thống và hiện đại), những thành phần gia đình trẻ thường thích ở nhà hiện đại được xây theo kỹ thuật và vật liệu mới như: nhà xây bằng bê tông cốt thép. Đa số cuộc sống của dân bản phụ thuộc vào nghề nông như: trồng lúa nước, (đặc biệt là lúa nước của người dân nơi đây thường cấy một vụ), làm vườn trồng rau và các loại cây ăn quả. Nghề chăn nuôi cũng tồn tại và phát triển từ lâu đời như: nuôi trâu để phục vụ kéo cày ruộng, nuôi bò, lợn, dê, gà, vịt, cá để làm nguồn thức ăn, một số bộ phận dân bản làm kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ, có những người được đi học thì tham gia các công việc như viên chức nhà nước hoặc làm tại các văn phòng của công ty tư nhân. Có thể nói với những điều kiện khí hậu

thời tiết, cơ sở hạ tầng giao thông và diện tích đất đai rộng lớn, cuộc sống của người dân khá đầy đủ. Còn một số gia đình ít đất sản xuất nhưng nhìn chung cuộc sống của họ cũng không quá khó khăn. Bản Done Keo là một trong các bản nằm trong khu vực trung tâm huyện Xay và cách vị trí trung tâm hành chính hơn một cây số, có tổng diện tích là 6 km², diện tích cư trú của cộng đồng cư dân làng chiếm 1.5 km², diện tích còn lại 4.5 km² là đồng ruộng, vườn trồng cây ăn quả và các loại rau để phục vụ cho đời sống của cộng đồng cư dân bản [Xem ảnh 9]. Nhìn chung nghề nghiệp chủ yếu của người dân làng là làm ruộng lúa nước và làm vườn chiếm khoảng 65%, còn một phần nhỏ cư dân trong bản vẫn làm nghề săn bắn và kiếm sống bằng nghề đi rừng hái lượm hoa quả, măng và rau rừng. Khoảng 35% người sống trong bản Done Keo làm công viên chức Nhà nước, làm thuê cho các công ty, hộ kinh doanh vừa và nhỏ. Trong bản Done Keo có 428 hộ gia đình với dân số 3.152 người, nữ 1.416 người. Theo số liệu điều tra hiện nay trong bản có 290 hộ gia đình tương đương 67% là gia đình 3 thế hệ (ông bà, bố mẹ và con cháu chung sống cùng một nhà) và còn lại là gia đình nhỏ-gia đình hạt nhân (bố mẹ và con cái cùng chung sống) [125, tr.39].

Bản Thiêu là một ngôi bản/làng nằm dọc bờ sông Mao, cách trung tâm thành phố 8 km được nối liền bằng tỉnh lộ số 4 và hướng tới các huyện: Beng, Nga, Hun và huyện Pak Beng, hệ thống giao thông thuận lợi trong việc đi lại qua thành phố, toàn bản có diện tích khoảng 5km² trong đó khu vực cư trú của cộng đồng cư dân bản chiếm diện tích khoảng 1.5 km². Hơn 3.5 km² là đồng ruộng, vườn trồng cây ăn quả và các loại rau để phục vụ đời sống của cư dân bản. Bản Thiêu có 139 hộ gia đình với tổng dân số 855 người, nữ 407 người. Hộ gia đình ở bản này 110 gia đình là gia đình 3 thế hệ (ông bà, bố mẹ và con cháu chung sống cùng một nhà) tương đương với 79.01% và số còn lại là gia đình nhỏ-gia đình hạt nhân (bố mẹ và con cái cùng chung sống). Ngôi làng này nằm trên đồi thấp và nằm ở phía Tây của dãy núi Phu Hi Phi [Xem ảnh 6] nên nguồn nước và sản phẩm tự nhiên vẫn còn rất phong phú, có con sông Mao chảy qua đó là

nguồn nước chính cho sinh hoạt và lao động sản xuất của người dân. Đặc biệt đây là nguồn cung cấp nước cho đồng lúa và tưới cho các vườn rau ở hai bờ sông. Nhìn chung nghề nghiệp chủ yếu của người dân bản là làm ruộng lúa nước và vườn cây chiếm khoảng 85%, còn một phần nhỏ vẫn làm nghề săn bắn và kiếm sống bằng nghề đi rừng hái lượm hoa quả, măng và rau rừng, cuộc sống của những gia đình này phụ thuộc chủ yếu vào lâm sản và thú rừng. Khoảng hơn 10% người dân sống trong bản Thiêu làm thuê và các công việc như: viên chức nhà nước, làm thuê cho các công ty trong thành phố, và có một số bộ phận nhỏ hoạt động kinh doanh buôn bán hàng tạp hóa nhỏ lẻ, họ bày bán các rau rừng, thịt thú rừng và các đồ lâm sản khác mà họ săn bắt được ngay tại nhà ở mặt đường. Các hoạt động sinh hoạt văn hóa của người dân đều được tổ chức tại chùa của làng.

Bản Long Ya là một ngôi bản/làng nằm vùng sâu vùng xa nhất của huyện Xay, cách trung tâm thành phố 22 cây số, được nối liền bằng con đường đất đỏ, có nhiều khúc cua ngoằn ngoèo, đi qua nhiều đèo núi cao và nguy hiểm (chỉ có thể đi bằng xe vào mùa khô) [Xem ảnh 7]. NCS đã xuống khảo sát thực tế và xin thông tin tại bản, nhưng các già làng đều không có con số thống kê cụ thể về diện tích của ngôi làng, diện tích đất sản xuất, ngày thành lập và họ chỉ biết rằng ngôi làng này tồn tại khoảng 300 năm. Hiện nay bản Long Ya có 59 hộ gia đình với tổng dân số 451 người, nữ 224 người. Trong đó 53 hộ gia đình là gia đình 3 thế hệ (ông bà, bố mẹ và con cháu chung sống cùng một nhà) tương đương với 90% và số còn lại là gia đình nhỏ-gia đình hạt nhân (bố mẹ và con cái cùng chung sống). Hầu hết các gia đình trong làng đều sống trong nhà sàn làm bằng gỗ và túp lều tre nứa. Ngôi làng này nằm khuất sau lưng núi ở phía Đông của huyện Xay, nguồn nước chủ yếu là suối nhỏ chảy ra từ khe núi, họ không có hệ thống nước máy, không có truyền hình và dùng máy phát điện, sản phẩm tự nhiên vẫn còn rất phong phú và đa dạng. Đặc biệt nghề nuôi sống họ chính là săn bắn và đi rừng hái lượm hoa quả, măng và rau rừng. Sản phẩm nổi tiếng nhất của bản này cung cấp cho thành phố là mật ong rừng nguyên sinh, có thể nói cuộc

sống của những gia đình này phụ thuộc chủ yếu vào lâm sản và thú rừng. Hơn 98% người dân bản làm nương rẫy trồng lúa và ngô, khoai, sắn một vụ mỗi năm để cung cấp lương thực cho chính bản thân họ. Mô hình kinh tế của họ chủ yếu là tự cung tự cấp, vẫn chưa có mô hình kinh tế thị trường và trao đổi thương mại diễn ra nhiều. Trong bản Long Ya có một ngôi chùa nhỏ là nơi người dân tổ chức các lễ hội của làng và những ngày hội Phật giáo, chùa là nơi tổ chức họp bàn về các việc đại sự của làng. Nhưng ngoài ra người dân bản còn có nhiều tín ngưỡng thờ cúng thần rừng, nhiều trường hợp khi họ bị ốm đau mà không đi bệnh viện, họ lại mổ lợn, gà lên rừng tìm những cây to để cúng và mong cho khỏi bệnh. Cuộc sống của người dân bản hiện nay rất đoàn kết, bình đẳng, họ vẫn bảo lưu rất tốt các giá trị văn hóa truyền thống trong các nghi lễ và ứng xử trong gia đình và xã hội.

Bảng 1. Thống kê hộ khẩu, dân số tại bản: Done Keo, Thiêu và Long Ya

Stt	Tên bản	Hộ GD	Người	Nữ	GD TT	GD HN	Số GD TT	
							6-10	>11
1	Done keo	428	3152	1416	290	79	196	94
2	Thiêu	139	855	407	110	29	72	38
3	Long Ya	59	451	224	52	8	19	34

Nguồn: Trường bản của ba bản cung cấp tháng 4/2016

Đời sống kinh tế xã hội:

Huyện Xay là một huyện trung tâm chính trị hành chính và kinh tế của tỉnh, là huyện phát triển nhất và có điều kiện giao thông thuận lợi hơn các huyện còn lại, cuộc sống của nhân dân tương đối ổn định. Theo báo cáo tổng kết về phát triển kinh tế xã hội trong Đại hội lần thứ 8 của tỉnh Oudomxay vào tháng 11 năm 2015.

Về nông nghiệp: trên toàn huyện Xay có diện tích trồng lúa nếp 7.047 ha, đạt năng suất khoảng 22.370 tấn một năm. Ngoài trồng lúa nước người nông dân Lào tại huyện Xay cũng trồng các loại thực vật khác như: các loại cây công

nghiệp cao su, cây trầm hương, gỗ tếch, gỗ giáng hương, cây thông... Nhiều loại cây ăn quả cũng được trồng như: xoài, me, mít, dứa, lê, ổi... Khi chính phủ cấm chặt phá rừng làm nương rẫy để chuyển sang trồng lúa nếp thì người dân chuyển sang mô hình trồng các loại cây trồng ngắn ngày khác thay thế và tập trung chuyên canh, không di chuyển như trước đây mà chuyển sang trồng khoai, ngô, sắn, cây thuốc lá và các loại rau sạch. Nhờ có hệ thống thủy lợi thuận lợi và được Nhà nước quan tâm đầu tư xây thêm nhiều đập nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp đúng mùa vụ góp phần tăng thêm năng suất, đảm bảo cung cấp đủ lương thực cho người dân trong huyện và xuất khẩu. Hiện nay toàn huyện có 145 đập thủy lợi đảm bảo cung cấp nước tưới cho hơn 4.000 ha ruộng [123, tr.32].

Về lâm nghiệp: chính quyền đã cấm phá rừng làm nương rẫy từ rất lâu nên khu vực xung quanh các bản hiện nay vẫn còn nhiều rừng nguyên sinh và có 5 khu rừng bảo tồn, phòng vệ với diện tích 59.600 ha. Trong đó 2 khu rừng bảo tồn sinh thái Tatnamkat và Chom ong đang kết hợp với xây dựng và phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, trở thành khu bảo tồn động vật hoang dã. Diện tích rừng là 40% [123, tr.33].

Về công nghiệp và thương mại: toàn huyện có 311 nhà máy chế biến vừa và nhỏ, chuyên chế biến các lâm sản và nông sản là chủ yếu. Trong huyện có 14 chợ lớn nhỏ, kinh doanh thương mại với thị trường Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan và Myanmar. Đây là địa bàn diễn ra quá trình giao lưu kinh tế và ở một góc độ nào đó là cơ sở để giao lưu và tiếp biến văn hóa. Tuy trong thực tế hoạt động thương mại là chính.

Hệ thống điện lưới quốc gia cung cấp cho các bản mới đạt 68%, cung cấp cho 9.065 hộ gia đình trong toàn huyện và có 32 bản sử dụng điện năng lượng mặt trời. Trong toàn huyện Xay có hệ thống giao thông đường bộ là 543 km, trong đó có 166 km là đường nhựa, còn lại là đường đất và đá sỏi, có 49 cầu qua sông suối. Công tác y tế là một trong những ngành quan trọng và luôn nhận được

sự hỗ trợ giúp đỡ từ cấp trên cũng như các tổ chức quốc tế, hiện nay huyện Xay có 3 bệnh viện đa khoa (1bệnh viện tư nhân), 1 trung tâm khám sức khỏe, 7 trạm y tế và 14 phòng khám. Ngoài ra còn có tử y tế bản và 26 nhà thuốc, công tác phòng chống các bệnh lây lan theo mùa được thực hiện kịp thời, tổ chức khám sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em một cách sâu rộng. Các bệnh viện đảm bảo công tác khám chữa bệnh cho công dân trong phạm vi huyện và các huyện khác trong tỉnh [123, tr.35].

Về Đời sống văn hóa xã hội: Đảng bộ và chính quyền huyện Xay luôn hết sức quan tâm nâng cao trình độ giáo dục văn hóa cho người dân trong bản, tập trung đào tạo và tập huấn cho tất cả các dân tộc ở huyện Xay và đặc biệt quan tâm đến những người ở độ tuổi thanh niên. Trong năm 2014, những người ở độ tuổi từ 15-45 tuổi đều phải tốt nghiệp lớp bồi dưỡng cấp tiểu học. Hiện nay trên toàn huyện có 21 bản đã hoàn thành lớp bồi dưỡng cấp phổ thông cơ sở, nâng cao chất lượng dạy - học để từng bước nhằm đảm bảo chất lượng và số lượng. Huyện Xay có 132 trường công lập và 13 trường tư thục. Toàn huyện có 753 lớp học với tổng số học sinh là 23.013 người. Trong đó số học sinh nữ là 11.055 người. Đội ngũ cán bộ giáo viên 1.202 người. Như vậy tỉ lệ trung bình 19 học sinh trên 1 giáo viên, 30 học sinh trên một lớp học. Ngoài ra còn có hệ thống trường dạy nghề với 4 trường và 42 lớp học. Bốn trường này có số giáo viên là 220 người và trong đó có nữ giáo viên 43 người, tổng số lượng sinh viên là 2.359 người trong đó có nữ 884 người [123, tr.42].

Về lĩnh vực thông tin văn hóa và du lịch của huyện Xay: trên toàn huyện có 34 loa phát thanh, cung cấp bản tin cho tỉnh và trung ương. Phòng Thông tin - Văn hóa - Du lịch có một đội văn nghệ thường xuyên đi biểu diễn các chương trình văn nghệ truyền thống phục vụ cho các hội nghị của huyện và tỉnh Oudomxay nhằm phát huy và giữ gìn những nét văn hóa phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc. Các cán bộ làm công tác văn hóa xã hội cũng phấn đấu hoàn thành xây dựng bản văn hóa được 30 bản và 5.086 hộ gia đình, tại gia đình văn

hóa trong mỗi bản đều có đội văn nghệ riêng thể hiện được nét văn hóa độc đáo của từng bản và từng dân tộc. Trong bản Done keo có một đội múa của làng để phục vụ trong dịp tổ chức hội làng và các sự kiện như: năm mới Lào, lễ bắn pháo thăng thiên, các nghi lễ tại chùa... Trên toàn huyện có 23 khu du lịch trong đó có 12 khu du lịch sinh thái, 3 khu du lịch di tích lịch sử và 8 khu du lịch văn hóa, lượng khách du lịch khoảng 40.000 lượt khách mỗi năm và khách du lịch nước ngoài chiếm 20% tổng số khách du lịch [125, tr.47].

Từ năm 1975 (năm giải phóng hoàn toàn nước Lào) trở về trước, chùa làng vừa là nơi tu hành vừa là nơi học tập của dân làng (chỉ dành cho đàn ông). Chùa là nơi sinh hoạt chung, là nơi họp công việc chung của cả làng khi có các sự kiện, là nơi tổ chức các lễ hội và chùa cũng chính là nơi xây mộ của làng.

Theo tục lệ "*Hít xíp xoong - Khoong xíp xi*" thì mỗi một tháng trong năm sẽ diễn ra một lễ hội truyền thống, có nghĩa là sẽ có ít nhất 12 lễ hội diễn ra trong một năm [86, tr.10]. Nhưng tại huyện Xay thì có sự khác biệt vì các lễ hội truyền thống như: lễ hội Bun Pi May (hội năm mới hoặc hội Té nước, tính theo âm lịch Lào) và hội Bắn pháo thăng thiên (có ý nghĩa cầu mưa thuận gió hòa) được tổ chức cùng một thời điểm.

Tiểu kết

Luận án đã tập hợp và phân tích các công trình nghiên cứu của các tác giả người Lào và những công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài, trong đó tập trung chủ yếu là các tác giả Việt Nam đã viết về gia đình và văn hóa gia đình. Từ đó thấy rằng văn hóa gia đình người Lào nói chung và văn hóa gia đình của người Lào ở huyện Xay nói riêng chưa có công trình nghiên cứu nào đi sâu vào vấn đề này. Nghiên cứu cơ sở lý luận về gia đình và văn hóa gia đình, trong đó có các khái niệm liên quan đến đề tài luận án như: khái niệm về gia đình, văn hóa gia đình, khái niệm văn hóa gia đình truyền thống đã được NCS đưa ra ở trang 31 của luận án. Nghiên cứu về hệ giá trị văn hóa gia đình và chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử trong gia đình, trong đó có các khái niệm khuôn mẫu, ứng xử

và khuôn mẫu ứng xử. Từ những nguồn tư liệu của các nhà nghiên cứu đi trước, luận án làm rõ các hợp phần nghiên cứu văn hóa gia đình bao gồm ba hợp phần: 1/Giá trị gia đình; 2/Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình; 3/Vai trò các thành viên trong gia đình, từ đó áp dụng khung lý thuyết cho việc khảo sát phân tích chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử văn hóa gia đình của người Lào ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay được triển khai trong chương 2 của luận án. Cũng trong chương này nghiên cứu sinh đã khái quát về vai trò của gia đình trong đời sống cá nhân và xã hội.

Luận án đã đi vào khái quát về vấn đề chính trị, kinh tế và văn hóa xã hội của tỉnh Oudomxay và trong đó có huyện Xay. NCS đã tổng quan về huyện Xay để có một cái nhìn toàn diện trước khi đi vào tìm hiểu về văn hóa gia đình truyền thống của người Lào tại đây, tư liệu trong luận án đã đưa ra những nét chung về 3 bản Done Keo, Thiêu, Long Ya. Đây là các bản trong khu vực huyện Xay được khảo sát sâu và thực hiện các chương trình điều tra xã hội học để tìm ra những nét đặc trưng nhất về văn hóa gia đình truyền thống của ba bản để đưa ra nghiên cứu và phân tích sâu trong chương 2 của luận án.

Chương 2

KHUÔN MẪU ỨNG XỬ TRONG GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI LÀO TẠI HUYỆN XAY, TỈNH OUDOMXAY

2.1. Khuôn mẫu ứng xử giữa vợ - chồng

Để nghiên cứu khuôn mẫu ứng xử giữa vợ và chồng trong gia đình truyền thống của người Lào trước hết NCS giới thiệu khái quát về hôn nhân và đám cưới của người Lào làm cơ sở cho việc xác định về chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử giữa vợ và chồng sau khi kết hôn.

2.1.1. Quan niệm về hôn nhân

Người Lào quan niệm hôn nhân không chỉ là việc riêng của đôi nam nữ mà là việc của cả gia đình, dòng họ. Đôi trai gái lấy vợ, lấy chồng (hoặc bố mẹ dựng vợ gả chồng cho con cái) nhằm tạo dựng tổ ấm gia đình. Người Lào quan niệm con người phải có đôi có lứa, những người không vợ không chồng - nhất là những người phụ nữ - là những người “cô độc”. Chỉ khi nào các con có gia đình riêng, các bậc cha mẹ mới được coi là hoàn thành nghĩa vụ của mình, người nào để con “cô độc” là điều “vô phúc”, là không hoàn thành bổn phận. Nhiều bậc cha mẹ về già đã không yên tâm “nhắm mắt xuôi tay” khi còn có người con chưa yên bề gia thất.

Ngoài mục đích lớn nhất là xây dựng tổ ấm gia đình cho đôi lứa, hôn nhân của người Lào còn chứa đựng những mục tiêu: 1/Thực hiện các nghĩa vụ của người con đối với cha mẹ, trước hết là sinh con đẻ cái để duy trì nòi giống, có người nối dõi, thờ cúng tổ tiên, vì không có con bị coi là “bất hiếu”. Lấy vợ có con còn để có người nuôi dưỡng khi mình già yếu; 2/Tăng sức lao động để phát triển kinh tế. Trước đây, kỹ thuật và công nghệ còn lạc hậu, chủ yếu là sử dụng sức người và động vật làm sức kéo trong sản xuất nông nghiệp; 3/Tạo uy thế sức mạnh của dòng họ trong bản làng vì trong mỗi bản của người Lào tồn tại nhiều dòng họ. Vị thế và sức mạnh của mỗi dòng họ được xác lập không chỉ ở nguồn gốc, quyền lực và văn hóa mà còn phụ thuộc vào số lượng các thành viên

trong dòng họ. Do quan niệm trên mà hôn nhân của người Lào trong xã hội Lào thời phong kiến có những đặc điểm nổi bật: 1/Đôi trai gái không có quyền lựa chọn người bạn đời, hoàn toàn không có tự do yêu đương, tìm hiểu trước khi kết hôn, cha mẹ mới là người quyết định; 2/Khi dựng vợ, gả chồng cho con, cha mẹ không chú trọng đến sự tương hợp về tuổi tác, sức khỏe, tính nết và đặc biệt là tình yêu chân chính của đôi trai gái mà lại chú ý đến môn đăng hộ đối, tức là quan hệ ngang hàng về kinh tế, địa vị xã hội, tuổi tác, trình độ học vấn của hai bên cha mẹ. Đặc biệt, việc xem “tông tích” và “giống” (tục ngữ Lào có câu “chọn voi hãy xem đuôi, chọn nàng hãy xem mẹ”) của đôi bên được coi trọng hàng đầu. Sắc đẹp cũng không được coi trọng mà chú ý đến tính tình, đạo đức của cô gái; 3/Người Lào kết hôn rất sớm, ở nông thôn và vùng sâu vùng xa thường là con gái 13 tuổi, con trai 16 tuổi đã bắt đầu xây dựng gia đình. Nhiều trường hợp kết hôn ở dưới độ tuổi trên. Có khi đôi bên cha mẹ vì tình cảm, vì “môn đăng hộ đối” mà hứa gả con cho nhau khi chúng còn rất nhỏ và lời hứa này trở thành hiện thực khi chúng vừa mới lớn.

2.1.2. Đám cưới truyền thống của người Lào

Tiến trình nghi thức hôn lễ của người Lào ngày nay đã được rút gọn chỉ còn một lễ phụ (lễ bán tin) và hai lễ chính là lễ hỏi và lễ cưới. Lễ ăn hỏi (**Ngan Măn**) được diễn ra sau khi 2 gia đình gặp gỡ, thống nhất việc cưới xin của đôi trẻ, bố mẹ, gia đình hai bên sẽ bàn bạc, thoả thuận các điều kiện, cách thức tổ chức và quan trọng hơn là chọn ngày lành tháng tốt để cử hành hôn lễ. Trước đây lễ hỏi được coi là lễ quan trọng trong hôn nhân. Theo đúng nghi thức, gia đình chú rể phải chuẩn bị một số lễ vật sang nhà gái để cúng thần làng (vị thần này tùy theo từng làng có thể tôn thờ thần rừng, thần nước và thần thổ địa). Ngoài ra nhà trai còn mang theo một số lễ vật khác theo sự thoả thuận trước giữa hai gia đình, trong đó gồm có đồ thách cưới của nhà gái. Ngày nay lễ ăn hỏi được tổ chức đơn giản hơn rất nhiều, nên việc chuẩn bị các lễ vật cũng chỉ là hình thức. Nhà trai chỉ chuẩn bị lễ vật thách cưới và nhà gái trao khoản hồi

môncho đôi vợ chồng để họ có điều kiện tạo lập cuộc sống riêng sau hôn nhân [113, tr.29]. Lễ cưới (**Ngan Vi Va**) người Lào có lệ tổ chức cưới vào thời điểm từ tháng 10 đến tháng 3 theo âm lịch Lào, khoảng thời gian đó là mùa khô, rất thuận tiện cho việc tổ chức, thực hiện các hoạt động của lễ cưới và tránh được những tháng mùa mưa. Cũng theo Phật lịch, người Lào kiêng cưới vào tháng 7,8,9 (âm lịch Lào) vì thời gian này được coi là “tháng của Phật, có nghĩa là tháng ăn chay của nhà sư và thần dân Lào”. Mọi người đều ăn chay và kiêng kỵ sát sinh, không uống bia rượu và không tổ chức hội hè... [114, tr.45], Theo quan niệm của người Lào, ngày tốt để tổ chức đám cưới là ngày trăng rằm hàng tháng, ngụ ý duyên phận vợ chồng son sẽ ngày càng lên cao, càng nảy nở sáng tỏ như trăng. Đám cưới thường được tổ chức trong một ngày gồm những thủ tục sau đây: *Lễ rước rể (He Khởi)* [Xem ảnh 14]. Lễ buộc chỉ cổ tay (*Su Khoán*) [Xem ảnh 12]: Lễ ăn mừng đám cưới (*Ngan Vi Va*). Trong từng thủ tục được diễn ra theo tập tục sau đây:

Lễ rước rể (He Khởi). Theo phong tục lễ rước rể được cử hành đầu tiên trong ngày cưới. Khi giờ xuất phát đã điểm, phái đoàn nhà trai gồm bạn bè, họ hàng sẽ rước chú rể đến nhà cô dâu. Đoàn người sẽ phải đi bộ đến nhà cô dâu. Dẫn đầu nhà trai là chú rể trong trang phục truyền thống của Lào: chiếc áo sơ mi dài tay cổ tròn bằng vải thô với hàng khuy cũng làm bằng vải được cài về phía tay trái; chân chú rể quần chiếc *Pha - nhạo - nếp - tiêu* (một loại quần lửng ống túm - kiểu trang phục quen thuộc của vua chúa ngày xưa) và là vật không thể thiếu trong bất cứ buổi lễ trang trọng nào của người Lào là chiếc *Pha-biêng* (khăn quàng vai được làm bằng thổ cẩm). Chiếc khăn được đeo quàng qua vai chú rể và hai đầu được gài với nhau theo kiểu truyền thống chứ không buộc lại một cách thông thường. Tay chú rể cầm theo bó hoa nhỏ làm từ lá và ngọn chuối, một số loại hoa thơm khác, một cây nến để khi đến gần nhà gái chú rể sẽ thắp nến. Điều đặc biệt là trên quãng đường luôn có một phù rể (thường là bạn thân nhất của chú rể) đi bên cạnh cầm ô che cho chú rể. Hình ảnh này tạo nên sự

liên tưởng tới các vị vua chúa thời xưa luôn dùng ô, lọng che trên đường, nhằm làm tăng thêm vẻ trang trọng của chú rể trong ngày cưới. Cửa hồi môn được đặt trong Khăn-mak (một loại bát mạ vàng hoặc bạc thường được người Lào để nước thơm và hoa tươi mang theo khi lên chùa) do những người lớn tuổi đáng kính trọng hoặc bố mẹ của chú rể mang theo. Trong khi đó, cô dâu sẽ đợi trong phòng của mình cho đến khi được gọi ra dự buổi lễ. Trang phục cưới của người con gái Lào được thiết kế hết sức tinh xảo với màu sắc sặc sỡ, tươi tắn như màu của rừng núi, hoa tươi... Khi đoàn nhà trai đến nhà, cô dâu được mẹ dẫn ra và lúc đó buổi lễ mới được bắt đầu. Khi chú rể đến nhà gái, nghi lễ chính được thực hiện đó là *Lễ buộc chỉ cổ tay (Su - khoăn)*. Đây là phong tục không thể thiếu trong các lễ cưới bởi nó là sự mong cầu may mắn, hạnh phúc, sức khỏe cho đôi vợ chồng mới. Nghi lễ *Su - khoăn* thường được diễn ra ở nơi trang trọng nhất trong nhà, thường là phòng khách. *Pha-khoăn* (mâm lễ) phải được chuẩn bị đầy đủ cho buổi lễ. Lễ cưới truyền thống của người Lào không thể thiếu *Mo - phon* (vị chủ lễ), người sẽ điều hành lễ *Su - khoăn*. Bắt đầu buổi lễ, cô dâu chú rể ngồi theo hàng cùng với gia đình, người thân của họ. *Mo-phon* lấy sợi chỉ trắng dài để nối mâm *Pha - khoăn* và đưa 2 đầu sợi dây cho cô dâu chú rể kẹp vào lòng bàn tay trong tư thế chắp hai tay cầu nguyện. *Mo - phon* nhắm mắt và bắt đầu đọc các bài kinh, các câu xướng trong lúc hành lễ. Sau lễ buộc chỉ cổ tay là *lễ ăn mừng đám cưới*.

Bữa tiệc mừng sẽ được tổ chức vào buổi trưa hoặc buổi tối cùng ngày. Theo truyền thống thì bữa tiệc được tổ chức tại nhà gái, trong đó khách tới dự tiệc bao gồm khách của nhà trai, khách của nhà gái và bạn của cô dâu chú rể. Còn ngày nay khoảng 30% bữa tiệc mừng đám cưới được tổ chức tại nhà văn hóa trung tâm, nhà hàng hay ngoài khách sạn...

Trên đây là những khái quát về đám cưới của người Lào đã cung cấp những thông tin chung về đặc điểm của những nghi lễ truyền thống trong đám cưới của người Lào. Để làm rõ nét văn hóa ứng xử trong đám cưới của người

Lào ở huyện Xay, NCS đã tham dự một số lễ cưới của người Lào ở bản Done Keo, Thiêu và LongYa, và rút ra những nhận định về văn hóa ứng xử của nhà trai đối với con dâu và văn hóa ứng xử của nhà gái đối với chủ rể. Từ xa xưa văn hóa ứng xử trong gia đình truyền thống của người Lào luôn bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp được lưu truyền đến thời đại ngày nay. Bố mẹ luôn coi cuộc sống tương lai của con cái và mong cuộc sống gia đình của cặp đôi vợ chồng trẻ sẽ tiếp tục duy trì phong tục tập quán truyền thống tốt đẹp và các luật lệ từ xa xưa của bản làng. Theo quan niệm của người Lào, con trai lấy vợ là niềm vui mừng của cả gia đình vì ông bà và dòng họ sẽ có những đứa cháu để nối dõi huyết thống. Tục ngữ Lào có câu “*Pen keo pen doong khur thong pen diêu*”(hai nhà trở thành thông gia như là một *tấm đồng*, có nghĩa là hai gia đình là một). Bố mẹ của chú rể luôn tôn trọng và ứng xử tốt đối với con dâu vì theo phong tục truyền thống của người Lào, sau khi kết thúc đám cưới chú rể sẽ ở lại nhà gái, ở rể ít nhất 3 năm. Trong thời đại ngày nay, ở rể theo thỏa thuận giữa 2 nhà và phụ thuộc vào kinh tế gia đình và điều kiện sinh sống. Theo quan niệm của người Lào, sở dĩ chú rể ở nhà gái 3 năm bởi lý do: 1/ Để góp sức giúp gia đình vợ phát triển kinh tế, làm trụ cột chính gánh vác các công việc sản xuất nông nghiệp và giúp bảo vệ gia đình khỏi những mối nguy hiểm; 2/ Vì sự ảnh hưởng của chế độ mẫu hệ; 3/ Người Lào quan điểm rằng mẹ chồng và con dâu nếu sống chung một nhà thì thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, còn con rể và bố mẹ vợ thì ít xảy ra mâu thuẫn. Tục ngữ Lào có câu “Đưa con dâu về nuôi mẹ chồng như rước ma vào nhà”; “Đưa con rể về nuôi ông bà như lúa được mùa đầy kho”. Vì vậy, mới xuất hiện phong tục ở rể từ xa xưa. Để làm rõ hơn phong tục trên, tác giả đã có cuộc phỏng vấn ông Bun Thăn, ông của chú rể tại bản Done Keo trong đám cưới ngày 15/11/2014, ông cũng khẳng định “sở dĩ đàn ông người Lào sau đám cưới ở rể từ 2 đến 3 năm cũng vì mấy lý do trên. Tuy nhiên trên thực tế mặc dù cô dâu không ở lại bên nhà chồng nhưng khi con dâu đến thăm nhà chồng thì vẫn được tôn trọng và ngồi ăn cùng mâm với cả gia đình; ngoài ra cô dâu cũng có quyền

tham gia các công việc khác như một thành viên trong gia đình”. Khi phỏng vấn chị Xay Phon là cháu dâu của ông Bun Thăn. Chị cho biết: “mặc dù chị không ở bên nhà chồng những vẫn thường xuyên đến thăm ông bà và bố mẹ chồng và tôi cũng nhận được sự quý mến và tôn trọng từ phía gia đình chồng, tôi cũng rất tôn trọng và quý mến ông bà, bố mẹ và có trách nhiệm với gia đình nhà chồng”.

Đặc điểm cần chú ý về mối quan hệ ứng xử của hai gia đình với đôi vợ chồng mới cưới là sau khi tổ chức đám cưới xong, ngày hôm sau nhà trai và nhà gái sẽ tổ chức một buổi gặp mặt dặn dò đôi vợ chồng mới và nêu điểm yếu của con cháu mình để có sự thông cảm trước sự có mặt đầy đủ của bố, mẹ, các cô dì chú bác của cả hai nhà cùng với già làng có uy tín. Mọi người sẽ cho nhiều lời khuyên và dặn dò cho đôi vợ chồng trẻ nhưng có 5 điều cơ bản mà tất cả người Lào đều phải biết và thực hiện nghiêm túc: 1/Không được sát sinh (ý không giết sinh vật và những thứ coi như có sinh mạng); 2/Không được trộm cắp (ý không lấy của người khác mà chưa nhận được sự đồng ý); 3/Không được ngoại tình (ý không được phép quan hệ tình cảm trai gái sai phong tục tập quán); 4/Không nói dối (ý không được ăn nói dối trá và lừa đảo); 5/Không uống rượu (ý không uống rượu chè, các chất kích thích và chất gây nghiện). 5 điều cơ bản nhất mà người Lào thường khuyên dạy cho đôi vợ chồng mới cưới chịu ảnh hưởng khá sâu sắc của tư tưởng Phật giáo, trong ngũ Giới hay 5 điều cấm kỵ của Phật giáo như: 1/Cấm giết hại; 2/Cấm trộm cướp; 3/Cấm tà dâm; 4/Cấm nói sai sự thật; 5/Cấm uống rượu). Đôi vợ chồng mới cưới đều tuân thủ rất nghiêm túc những lời dặn dò từ người lớn của cả hai bên gia đình. Ứng xử của nhà gái đối với chú rể được thể hiện qua câu tục ngữ “Nhà nào sinh con gái đầu lòng thì giàu sang phú quý” [90, tr.51], bố mẹ vợ và nhà gái rất vui mừng khi con gái lấy chồng vì thứ nhất là trong phong tục cưới hỏi của gia đình Lào truyền thống vẫn có thách cưới bằng lễ vật có giá trị cao (tùy từng vùng, mức độ thách cưới có giá trị khác nhau và tùy thuộc vào gia đình nhà gái thách cưới bao nhiêu). Lý do thứ hai mà nhà gái rất tự hào là có thêm con rể giống như nhà có thêm một thành viên mới vừa là

giúp sức chính cho trụ cột gia đình (trường hợp nhà gái không còn bố thì sẽ coi chú rể là trụ cột gia đình). Theo quan niệm và phong tục thì trong thời gian ba năm hoặc cả đời tùy theo sự thỏa thuận giữa hai nhà và phụ thuộc vào điều kiện thực tế, sự góp sức và phát triển kinh tế của gia đình chú rể sẽ được tính là của chung mà không được phép tích lũy riêng cho bản thân. Từ thời xa xưa đến nay chuyện mẹ vợ thường thương con rể vẫn thể hiện rõ trong văn hóa gia đình người Lào, mẹ vợ thường khuyên bảo hoặc tự làm nhiều việc để giữ được lòng yêu mến của con rể dành cho gia đình như: dành sự tôn trọng cao khi mẹ vợ luôn giao công việc ngoại giao với hàng xóm láng giềng cho con rể làm thay thế bố mẹ trước đây, lo vấn đề ăn uống khi con rể đi làm mệt nhọc về nhà và thường cho con rể đi chơi, về thăm nhà cũng như tham gia các lễ hội ở các ngôi làng khác nhằm mục đích giao lưu và muốn làm cho con rể bớt nhớ gia đình và bố mẹ. Tư liệu phỏng vấn bà Si Sa Mon là mẹ của chú rể Som Băt, bà cho biết: “Con rể đã về đây ở cùng gia đình tôi được một năm sau đám cưới gia đình tôi rất quý, tôn trọng và tạo mọi điều kiện để con rể thích nghi với cuộc sống gia đình chúng tôi”. Ý kiến phỏng vấn anh Som Băt tại bản Thiêu và là con rể của bà Si Sa Mon cho rằng: “lúc đầu khi về ở nhà vợ, tôi chưa quen nhưng nhận được sự quý mến của gia đình nhà vợ và tôi đã dần dần quen với nếp sống gia đình và sau một năm tôi thấy cuộc sống diễn ra bình thường. Điều quan trọng là ông bà và bố mẹ của vợ tôi rất quý con rể và tôi cũng rất quý trọng họ”.

Trên đây là những khái quát về những nét văn hóa đặc trưng trong đám cưới người Lào và văn hóa ứng xử của hai bên gia đình với cô dâu và chú rể. Tuy nhiên trên thực tế cũng có những thay đổi nhất định do cuộc sống cũng có những biến đổi tùy thuộc vào điều kiện của từng gia đình và sự phát triển xã hội cũng như nhận thức của chú rể và con dâu trong xã hội hiện đại. Trên thực tế tại huyện Xay, tỉnh Oudomxay thì văn hóa gia đình trong đám cưới chưa biến đổi nhiều và có xu hướng ổn định cao và là những nét riêng của không gian văn hóa địa phương này. Trong quá trình điều tra khảo sát, chúng tôi thu được kết quả

điều tra cụ thể như sau: 97.52% số phiếu trả lời rằng ngày xưa có tổ chức lễ ăn hỏi và ngày nay là 80.69% vẫn tổ chức lễ ăn hỏi trước khi tổ chức đám cưới, lúc diễn ra đám cưới có 99.50% những người được hỏi đều cho rằng có tổ chức lễ buộc chỉ cổ tay cho đôi vợ chồng mới cưới và 98.51% ủng hộ lễ rước rể trong đám cưới truyền thống của người Lào. Khi rước rể đến nhà gái thì phía nhà gái sẽ chuẩn bị người và nước để rửa chân cho chú rể, có 95.04% phiếu đồng ý với việc này và sau đó là tục phá cửa để vào được nhà gái, có 92.07% những người trả lời khẳng định tục lệ này [Phục lục 5]. Điều này cho thấy các nghi thức, nghi lễ trong đám cưới vẫn được người Lào ở huyện Xay bảo tồn một cách khá đầy đủ. Đây là một trong những giá trị văn hóa gia đình truyền thống của người Lào còn được phát huy trong bối cảnh hiện nay.

2.1.3. Ứng xử của vợ chồng trong lúc sinh đẻ

Luận án tập trung bàn về quan hệ ứng xử của người chồng, các thành viên trong gia đình, họ hàng với sản phụ và trẻ trước và sau khi sinh. Trước đây cũng như ngày nay, người Lào quan niệm việc sinh đẻ, tu hành, cưới xin và ma chay là những bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời mỗi người. Đây cũng là dịp để mọi người thể hiện tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau trong gia đình, bà con, xóm giềng, bản làng. Ở các vùng thôn quê cũng như đô thị trước kia việc sinh đẻ có nhiều kiêng kỵ, phức tạp. Có những nội dung được đúc kết từ thực tiễn cuộc sống, nhưng không ít điều cấm kỵ mang đậm dấu ấn tín ngưỡng cổ. Những điều cấm kỵ này tồn tại suốt một thời gian dài cho đến khi mạng lưới y tế được triển khai xuống tận bản làng thì mới có sự thay đổi mạnh mẽ dưới chế độ mới sau khi đất nước giành được độc lập năm 1975. Nước Lào đất rộng người thưa, nhân dân Lào tôn sùng đạo Phật nên rất quý trọng con người, coi con người là tài sản quý giá nhất. Do đó mọi điều kiêng kỵ từ xa xưa không ngoài mục đích bảo vệ con người. Đa số người Lào tin rằng “Thăm đi đáy đi, thăm xua vên căm tam xa noong” (ở hiền sẽ gặp lành, tai ác sẽ gặp họa). Muốn có con người hiền lành, người mẹ phải có lối sống chuẩn mực ngay từ lúc đứa con còn nằm trong bụng.

Dù là trai hay gái, đứa con trong bụng đều chịu ảnh hưởng tính tình của người mẹ. Do đó người phụ nữ Lào khi mang thai thường được khuyên không nên cáu gắt, phiền muộn hoặc nói dối mà phải luôn sống vui vẻ, tâm hồn thanh thản. Ngoài ra còn một số điều răn khác được một số bà mẹ mang thai ở Lào quan tâm thực hiện đồng thời để tích phúc đức cho đứa con sau này như:

- Luôn có lòng nhân ái.
- Không đánh đập hành hạ động vật và không sát sinh.
- Không nói dối, lừa đảo, không ăn cắp.
- Không ăn nói chua ngoa.
- Không say mê điều gì theo ý thích chủ quan của mình.

Chị Đa Von cho biết: “Trong thời gian tôi mang bầu, tôi luôn thực hiện theo lời khuyên bảo của các ông bà, tôi sinh hoạt ăn uống đầy đủ và luôn có tâm lý thoải mái, tôi thường xuyên lên chùa để cầu mong con sinh ra khỏe mạnh”

Trong giai đoạn này cũng có một số lời khuyên đối với người chồng, đồng thời cũng là trách nhiệm của người cha đối với đứa con sắp ra đời.

- Chăm sóc vợ chu đáo.
- Quan tâm đến việc ăn uống của vợ.
- Giữ tâm hồn mình luôn trong sạch.
- Tránh sự say mê bất kỳ điều gì theo ý thích của mình.

Anh Khăm Noy (chồng chị Đa Von) cũng cho rằng: “Vợ tôi mang thai, tôi rất vui, hy vọng sẽ sinh ra một bé trai, thời gian này tôi chỉ làm việc ở gần nhà, không đi uống rượu bia như trước đây và luôn chăm sóc tốt cho vợ tôi được ăn uống đầy đủ, tôi làm giúp vợ nhiều việc lặt vặt, ví dụ như: giặt quần áo, nấu ăn...”

Khi người phụ nữ có thai, nhất là đứa con đầu, cả gia đình họ hàng đều vui mừng. Để chia sẻ niềm vui đồng thời cầu nguyện mọi sự yên lành cho người mang thai, cha mẹ thường làm lễ “*Su khoǎn*”[Xem ảnh 14]. Việc phá thai đối với người Lào là một điều tối kỵ và là một tội lỗi. Bởi vậy, việc phá thai đối với người Lào, (nhất là ở nông thôn) là điều xa lạ. Ở nhiều địa phương còn có một số

điều kiêng kỵ phổ biến khác, người mang thai thường được người già nhắc nhở giữ gìn như: không ăn sọ dừa vì sợ đặc ruột, không ăn trái cây dính liền nhau sợ đẻ sinh đôi, tránh bước qua những sợi dây bện, sợ nhau bị cuốn. Người có thai còn phải tránh không đứng ngòai ở ngưỡng cửa ra vào, nói chung vị trí tiếp nhau giữa trong ngoai, trên dưới, sợ lúc sinh sẽ dở dang, kéo dài. Về ngày tháng sinh con, tuy không có trình độ chẩn đoán như ngày nay, nhưng các cụ già lúc ấy đã đúc kết “Con so chưa mười, con rạ chưa chín” (con so trên 9 tháng, con rạ trên 8 tháng). Vào tháng cuối, người phụ nữ có thai chỉ làm việc lật vạt quanh quần trong nhà. Khi trở dạ, người nhà nhanh chóng đi mời “*Mò tằm nhe*”(bà đỡ). Vào thời điểm này, điều tối kỵ là có người đứng ở cầu thang thập thò ở ngưỡng cửa hoặc nói những chuyện khúc mắc không giải quyết được. Người Lào cho rằng hành động và lời nói trên sẽ ảnh hưởng đến việc sinh nở của sản phụ. Khi sinh xong sản phụ được diu đến nằm bên bếp lửa và bắt đầu trải qua thời gian nằm lửa còn gọi là “*Du cãm*”. Thông thường người đẻ con so ít nhất cũng phải qua 15 ngày nằm lửa và con rạ khoảng 10 ngày. Trong suốt thời gian nằm lửa, người nhà, bà con thân thuộc thay phiên nhau đẩy củi quanh bếp lửa để canh chừng sản phụ với quan niệm để phòng ma tà có thể đến làm hại “*Căn phay lượ*”. Những ngày này sản phụ được ăn uống khá tốt để nhanh chóng phục hồi sức khỏe và có nhiều sữa cho con bú. Đối với nước uống sản phụ chỉ được uống các loại nước lá, rễ cây đun sôi, đây là một loại thuốc dân gian gọi là “*mò cãm*”. Sau một hai ngày nằm lửa, nếu sức khỏe bình thường thì sản phụ được tắm rửa bằng nước nóng. Tắm xong người nhà lên chùa xin nước phép “*Nặm môn*” về vẩy cho sản phụ. Trong kết quả điều tra có 100% những người được hỏi đều trả lời là “*Du cãm*” rất cần thiết và bắt buộc. Trong thời gian nằm lửa, gia đình thường tổ chức ngâm, đọc các loại truyện cổ dân gian, đánh bài, trai gái đến ca hát tạo không khí vui vẻ, tránh buồn tẻ hoặc sợ hãi. Cũng dịp này, bà con họ hàng, xóm giềng đến thăm hỏi tặng quà mừng như: hoa quả, váy áo, vòng cổ, lác tay để thể hiện tình cảm thân thiết đối với sản phụ và gia đình. Trong thời gian này, gia đình thường

cắm **“Tả lẻo”**(tắm đan bằng tre)[Xem ảnh 23] và một cành lá dưới chân cầu thang để ngăn chặn ma tà đồng thời là tín hiệu báo cho khách biết trong nhà đang có người phải kiêng giữ ý tứ trong giao tiếp (theo kết quả điều tra thì trước đây có 97.52% thực hiện). Chẳng hạn không nói chuyện dữ, tin không vui làm ảnh hưởng đến tư tưởng sản phụ.

Khi hết thời gian nằm lửa, gia đình làm lễ **“Ooc căm”**(lễ đầy tháng)[Xem ảnh 10] (99.50% phiếu trả lời) và tổ chức **“Su khoả”** (lễ buộc chỉ cổ tay) cho sản phụ; Bà con xóm giềng đến dự lễ và buộc chỉ cổ tay chúc mừng sản phụ sinh đẻ an toàn, bởi người Lào coi việc sinh nở rất hệ trọng, dễ nguy hiểm đến tính mạng cả mẹ lẫn con. Sau lễ **“Su khoả”**, sản phụ có thể tắm rửa bằng nước lạnh, ăn uống bình thường không phải kiêng như trước [Phụ lục 5, bảng 1].

Đối với trẻ sơ sinh, từ lúc lọt lòng đến khi được ẵm đến đặt nằm bên người mẹ tuy chỉ là thời gian ngắn nhưng cũng phải qua một số nghi lễ. Sau khi được bà đỡ cắt rốn trẻ sơ sinh được đặt xuống sàn nhà. Đây là thời điểm rất quan trọng được coi là giờ phút cất tiếng chào đời của trẻ sơ sinh. Cha mẹ phải ghi nhớ để sau này còn xem số tính tuổi đi tu, lấy vợ, lấy chồng. Theo tục lệ cổ truyền, lúc đặt xuống sàn nhà con trai phải nằm ngửa, con gái phải nằm sấp. Nếu đặt ngược lại thì coi như điều nghịch, sau này lấy vợ lấy chồng sẽ không có con hoặc con cái tàn tật. Ngay sau đó bà đỡ dùng dầu dừa hay sáp ong xoa toàn thân đứa trẻ rồi dùng khăn lau sạch. Tiếp theo đứa trẻ sơ sinh được tắm bằng một nồi nước lá đun sôi để nguội. Người tắm thường chú ý nắn chân tay cho trẻ. Tắm rửa, mặc áo, quần tã xong trẻ lại được nằm trong một cái nia có lót miếng vải trắng. Đây cũng là một tục phổ biến ở nông thôn Lào với quan niệm đứa trẻ sẽ khỏe mạnh, mập mạp. Sau khi nằm vào chiếc nia, người nhà mang chiếc nia ra đặt ngay ở ngưỡng cửa ra vào để cúng ma tà, người làm lễ đẩy miếng nia sát vào cửa đồng thời khấn đi khấn lại: “Nếu con mày thì lấy đi, qua ngày này, ngày mai là con tao”.

Tục cúng như trên nảy sinh và tồn tại do nhiều nguyên nhân khác nhau, song nguyên nhân quan trọng nhất có thể do lúc bấy giờ ở Lào tỉ lệ tử vong của trẻ sơ sinh khá cao do hình thức đỡ đẻ lạc hậu và nhiều tục lệ dị đoan thường xuyên đe dọa tính mạng trẻ sơ sinh. Làm lễ cúng ma tà xong trẻ sơ sinh mới được ẵm đến đặt cạnh người mẹ. Bình thường sau một, hai tuần trẻ được nằm nôi, lễ nằm nôi được tổ chức khá trang trọng, có đông đủ bà con xóm giềng đến tham dự. Một hình thức được nhiều địa phương quan tâm trong lễ nằm nôi là bỏ giấy bút vào nôi với niềm tin sau này lớn lên đứa trẻ sẽ học hành thông minh. Nếu con gái thì bỏ kim chỉ vào nôi để sau này trở thành cô gái giỏi công việc may vá, cán bông, dệt vải.

Trước đây người Lào không đặt tên ngay cho con sau khi sinh, điều quan trọng là cha mẹ nhớ kỹ ngày, giờ sinh (lúc đặt xuống sàn nhà). Ở nhiều nơi đứa trẻ đã biết chạy nhảy tung tăng dưới sân nhưng vẫn gọi bằng cái tên chung như **“Bặc e, i-nang”** (giống thằng cu, cái đĩ) bởi người Lào rất ngại đặt tên lúc mới lọt lòng cũng như ở tuổi nhi đồng vì sợ ma tà quấy rầy hoặc bắt mất. Có trường hợp đứa trẻ cạo đầu nhập tu làm chú tiểu mới đặt tên thật. Một số gia đình hiếm hoi hoặc khó nuôi con thường có tục làm lễ gửi gắm cho một nhà sư đỡ đầu với ý nghĩa ma tà sẽ kiêng nể những người tu hành. Trẻ em được nhà sư đỡ đầu trước tên thật của mình còn có thêm tiếng **“Khên”** nghĩa là dâng, cúng. Việc đặt tên cho đứa con theo tục lệ xưa ở Lào cũng không hoàn toàn theo ý muốn của ông bà, cha mẹ mà phải dựa vào ngày sinh là ngày **“Cứng hay mềm”**, chẳng hạn trẻ sinh vào ngày thứ 3 là ngày cứng thì tên con phải mềm cho dung hòa ví dụ như: Òn Xả, Òn Xi (Òn có nghĩa là mềm). Nếu sinh vào ngày thứ 2 là ngày mềm phải đặt tên cứng như: Thong Mi, Thong Khan (Thong có nghĩa là đồng). Để biết được ngày cứng hay mềm cha mẹ phải biết được ngày giờ sinh rồi nhờ sư thầy tính. Người Lào thường thích chọn cho con mình những cái tên rất đẹp gắn với âm thanh, màu sắc của núi rừng, sông suối hoặc những đức tính tốt của con người ví dụ như: con trai thường được đặt tên Thong Đắm, Thong Deng, Bun

Mi, Bun Ma (đồng đen, đồng đỏ, có phúc, phúc đến), còn con gái thường mang tên các loại hoa, ánh trăng, đá quý như: Bùa Khăm (sen vàng), Chăn Phênh (trăng rằm).

2.1.4. Ứng xử giữa vợ-chồng

Quan hệ hôn nhân trong xã hội Lào truyền thống thường được xây dựng trên cơ sở “Chọn voi hay xem đuôi, chọn nàng hãy xem mẹ” ý nghĩa tương đương câu “Lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống”, “Cơ duyên tương xứng” có đẳng cấp gần nhau, thậm chí vị trí trong dòng họ cũng phải tương xứng. Quan hệ vợ chồng có nghĩa là cùng nhau xây đắp một tổ ấm. Ở đó, sướng khổ vui buồn có nhau, không ai và không bao giờ cảm thấy cô quạnh, không hề có cảm giác lạ lẫm. Quan hệ này dù chỉ xuất hiện một vết rạn nứt nhỏ cũng đủ thu hút sự chú ý của hai người, để cùng chung tay hàn gắn cho đến khi hoàn toàn trở lại nguyên lành. Đạt được điều đó, thì mới đảm bảo quan hệ vợ chồng ở mức lý tưởng nhất. Quan hệ vợ chồng là sản phẩm của tình yêu- loại tình cảm trong sáng, cao cả nhất của loài người. “Quan hệ vợ chồng là cùng tìm cách hạn chế sự chia rẽ, không bao giờ được né tránh hoặc xem thường. Tình nghĩa vợ chồng có nghĩa là vun đắp để cùng hưởng thụ”[71, tr.72].

Khuôn mẫu ứng xử giữa vợ - chồng trong gia đình truyền thống của người Lào được nghiên cứu dựa trên nhiều nguồn tư liệu trong đó bao gồm: tư liệu thành văn, tiêu biểu là trong bộ qui định “*Hít xíp xoong Khoong xíp xí*”; những tư liệu phỏng vấn sâu đại diện cho người cao tuổi ở ba địa bàn nghiên cứu đó là bản: Done Keo, Thiêu và bản Long Ya; những câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ đã được đúc kết qua thực tiễn cuộc sống được cộng đồng chấp nhận và tuân theo từ xưa đến nay.

Trong bộ qui định “*Hít xíp xoong Khoong xíp xí*”. Tại điều 7 của bộ qui định “*Hít xíp xoong Khoong xíp xí*” [121, tr.62] đã qui định rõ về ứng xử giữa vợ chồng và vai trò của hai vợ chồng như sau: Trong vai trò là người trụ cột gia đình, chồng là đầu não và sức mạnh để tư duy kế hoạch và cách thức thực hiện vừa là chủ lực để gánh vác nhiệm vụ công việc quan trọng của gia đình, ví dụ

như: công việc xây nhà, làm ruộng, kiếm sống, buôn bán..., người vợ với vai trò là người chủ quản gia đình, là bạn đời vừa là người tư vấn, động viên tinh thần như là một người mẹ hoặc em gái của người chồng. Vợ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con con cái, người lo ăn uống, ăn mặc và các công việc sinh hoạt trong gia đình... [121, tr.126]. Ứng xử trong gia đình truyền thống của người Lào ở ba địa bàn nghiên cứu cũng tuân thủ theo bộ qui định **“Hít xíp xoong Khoong xíp xí”** và nó luôn được chấp hành nghiêm túc trong cuộc sống gia đình và xã hội, cụ thể là: trong kết quả điều tra của chúng tôi, những người được hỏi đều cho rằng 87.12% số phiếu trả lời chấp hành theo qui định về ứng xử giữa vợ chồng [Phụ lục 5].

Gia đình là đơn vị duy nhất được xã hội thừa nhận và cho phép tạo ra những công dân mới cho xã hội. Những qui định đối với hôn nhân trong xã hội cũ là rất ngặt nghèo, hiếm khi dựa trên cơ sở tình yêu mà mục đích chủ yếu là duy trì nòi giống và phát triển kinh tế. Gia đình Lào truyền thống được gắn kết một cách bền chặt là do tình nghĩa và trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình và dòng họ. Tính ưu việt của gia đình truyền thống đặc biệt trong mối quan hệ vợ chồng chính là sự chung thủy, hoà thuận trong gia đình.

Hiện nay, dù văn hóa ứng xử đã có nhiều thay đổi so với trước đây, nhưng những khuôn phép của mỗi gia đình vẫn duy trì giá trị ứng xử gia đình truyền thống và áp dụng linh hoạt cái mới trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Gia đình người Lào trong thời kỳ đổi mới là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển đất nước. Do đó vai trò của văn hoá gia đình trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là rất quan trọng và cần thiết. Trong gia đình hiện đại, quan hệ vợ chồng được xây dựng trên cơ sở tình yêu chân chính, sự bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Những giá trị đó được biểu hiện trong việc lựa chọn vợ (hoặc chồng) một cách tự do của người trong độ tuổi thành hôn, trong việc tham gia lao động, công việc xã hội, trong việc đóng góp và hưởng thụ tài sản gia đình, trong việc quyết định những vấn đề chung của gia đình (sinh

để có kế hoạch, ly hôn...) giữa vợ và chồng. Mỗi quan hệ vợ chồng mang sắc thái tốt đẹp: coi trọng giá trị lòng chung thủy, tình nghĩa vợ chồng, sự hoà thuận hơn nữa là sự bình đẳng, quyền tự do dân chủ của mỗi người, cùng quan tâm đến lợi ích riêng cũng như lợi ích của cả gia đình... Nền tảng của một gia đình hạnh phúc phải là mối quan hệ tốt đẹp, hiểu biết, thông cảm và thương yêu nhau giữa vợ và chồng, là cơ sở ngăn chặn bạo lực trong gia đình, là một mục tiêu nhằm hướng tới xây dựng gia đình đạt chuẩn gia đình văn hoá.

Ứng xử trong quan hệ vợ chồng ngày nay cần được củng cố trên nền tảng đạo nghĩa thủy chung, với phương châm “Vợ chồng đồng tâm đồng lực đào núi lấp biển cũng thành”. Sự biến đổi ở giá trị này đòi hỏi cả vợ và chồng cùng đồng tâm vì gia đình; cùng phấn đấu để cả vợ chồng cùng được nâng cao kiến thức, cùng tiến bộ; có việc làm và có thu nhập; cùng chia sẻ việc nuôi dạy con, công việc bếp núc trong nhà. Ngày nay để thuận vợ, thuận chồng khó khăn hơn nhiều so với trước đây vì trước đây có sự phân công rõ ràng, Hiện nay cả vợ chồng cùng song hành với hai trách nhiệm: vừa tạo thu nhập, vừa chu toàn việc nhà. Và cả vợ chồng cùng nâng cao kiến thức, những quan hệ xã hội... để dẫn tới xu hướng không ai phục tùng ai. Điều này đòi hỏi hai vợ chồng phải hết sức cảm thông với nhau, mỗi người phải hy sinh một phần lợi ích cá nhân của mình cho gia đình và vì gia đình.

Để làm rõ mối quan hệ ứng xử giữa vợ và chồng NCS đã tiến hành phỏng vấn đại diện người cao tuổi ở ba bản: Done Keo, Thiêu và Long Ya; Theo ông Thong Vãn, 80 tuổi ở bản Done Keo, huyện Xay, tỉnh Oudomxay cho biết: Tôi và vợ tôi đã sống với nhau hơn 57 năm, chúng tôi sinh được 8 người con. Vợ chồng chúng tôi luôn coi trọng sự bình đẳng, chung thủy, tôn trọng lẫn nhau, vợ tôi là một người phụ nữ đảm đang, luôn chăm lo mọi công việc nội trợ gia đình và giáo dục con cái. Theo bà Phummy Chanthoong, 54 tuổi, bản Long Ya, huyện Xay tỉnh Oudomxay cho biết: Vợ chồng tôi sống ở bản này từ bé, công việc của chúng tôi là làm nông nghiệp vất vả lắm, nhưng chúng tôi sống với nhau rất hạnh phúc, bây giờ con cái lớn hết rồi, họ cũng ra ở riêng, chỉ còn con gái út là đang

sống cùng nhà với chúng tôi. Từ khi chúng tôi lấy nhau đến nay, chúng tôi có cãi vã nhau nhiều lần nhưng chưa bao giờ đánh nhau. Từ những tư liệu phỏng vấn trên đây có thể nhận thấy rằng mối quan hệ ứng xử vợ chồng qua tư liệu phỏng vấn hỏi cố là mối quan hệ tốt đẹp trong cuộc sống gia đình người dân bản, cho dù kinh tế gia đình của họ còn khó khăn nhưng họ chung sống hòa thuận và giúp đỡ chia sẻ mọi việc khó trong cuộc sống. Họ đều hướng đến giá trị cao cả của gia đình, hạnh phúc gia đình và tương lai của con cháu và dòng họ.

Thông qua những nội dung trong ca dao, thành ngữ của người Lào đã được đúc kết trong cuộc sống đã phản ánh khá sâu sắc những khuôn mẫu ứng xử giữa vợ và chồng. Những khuôn mẫu này đã được các gia đình và xã hội tuân thủ và cố gắng hướng theo chuẩn mực khuôn mẫu ấy, “Thiếu cơm bữa tôi nòi không canh vợ chồng sẽ chia ly, lúa không có ruộng cá không có nước, bản mường sẽ sụp đổ”. Từ xa xưa quan hệ vợ chồng có ý nghĩa đặc biệt, gia đình hạnh phúc hay không cần có đầy đủ cả hai mặt vật chất và tinh thần, bữa cơm tối không chỉ có ý nghĩa về sự đoàn kết và xum họp gia đình mà nó còn thể hiện sự gắn bó giữa vợ chồng, nếu vợ chồng không gắn gũi mà thường xuyên xa nhau thì khả năng chia ly rất cao, giống như lúa mà không có ruộng để cấy thì làm sao mà có thóc được, cá không có nước thì sẽ sống thế nào. Câu tục ngữ Lào “Mười miếng thịt không bằng miếng cá, mười cô dì chú bác không bằng bố mẹ, mười bố mẹ không bằng vợ chồng”. Ở đây người xưa muốn nói sự gắn bó và gắn gũi của vợ chồng là người bạn đi cùng mình cả cuộc đời, là người có thể tâm sự và chia sẻ mọi điều trong tâm tư tình cảm.

Cách ứng xử trong gia đình truyền thống của người Lào có sự ảnh hưởng của nền nông-lâm nghiệp và sự ảnh hưởng của Phật giáo, môi trường sinh tồn trong khu vực có nhiều tự nhiên ưu đãi trong cuộc sống như nguồn nước, rừng và lâm sản. Ưu điểm của Phật giáo là hướng mọi người vào việc tu dưỡng đạo đức làm cho xã hội ngày càng phát triển văn minh hơn, mà còn góp phần xây

dựng mối quan hệ gia đình bền chặt hơn. Chính vì thế, văn hóa ứng xử truyền thống trong gia đình của người Lào là có tính thân thiết.

Có thể nói ứng xử giữa vợ chồng là cả một nghệ thuật, vì vậy vợ chồng ứng xử giao tiếp với nhau như thế nào để giữ gìn được hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng. Quan hệ vợ chồng là mối quan hệ cơ bản, chủ yếu trong việc xây dựng, gìn giữ, bồi đắp hạnh phúc gia đình. Cả hai người đều quan trọng, ngày xưa tục ngữ có câu “Phua keo mia thip, Phua nhíp mia xéo” (chồng là viên ngọc vợ là nước phép màu, chồng may thì vợ thêu), ý nghĩa tương đương với câu “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm”. Vợ chồng có quyền lợi, vai trò và nghĩa vụ ngang bằng nhau, người chồng quý như viên ngọc còn người vợ sánh như nước phép màu, có thể giúp đỡ quản lý lo toan cuộc sống gia đình và là động lực cho các thành viên trong gia đình, tạo sự đoàn kết và tình cảm ấm áp trong mái nhà chung.

Sự tiến bộ trong nhận thức xã hội về quyền bình đẳng giới khiến cho địa vị người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội đã thay đổi rất nhiều. Người chồng cần tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ gánh nặng công việc gia đình với vợ nhiều hơn, tạo điều kiện cho vợ tham gia các hoạt động xã hội, học tập, phát triển. Vợ chồng mong muốn thuận ý, thuận tình cần lưu ý những điều rất đáng quan tâm trong ứng xử như: Thấu hiểu, cảm thông và hỗ trợ lẫn nhau, trong công việc cũng như đời sống, quan hệ gia đình và kinh tế xã hội... Nhằm giải tỏa cho nhau những áp lực về tâm lý. Chia sẻ việc nhà để giữ gìn sức khỏe, sự thanh thản ở người bạn đời, nhờ đó gia đình êm ấm, tránh những xung đột, đôi khi dẫn đến bạo lực giữa vợ chồng. Thấu hiểu, cảm thông nhiều bao nhiêu thì phải sẵn lòng tha thứ nếu có những sự cố xảy ra giữa vợ chồng. Thành ngữ có câu: “Một trăm cái lý, không bằng một tí cái tình” với ý muốn chỉ ra rằng ai cũng có lý lẽ, tuy nhiên nếu cố chấp dễ dẫn đến đối kháng. Trên hết vẫn là sự thấu hiểu, cảm thông nhau. Vợ chồng nếu lấy sự hòa thuận để đối xử sẽ tìm được tiếng nói chung “Có chồng hãy biết khen, có em hãy biết nịnh”. Tuy nhiên, có những bất đồng cần có thời gian để người kia thuyết phục bạn đời của mình về một vấn đề chính đáng,

có ích lợi cho gia đình. Tình yêu được biểu lộ bằng một ánh mắt, cử chỉ yêu thương hay một không gian, thời gian riêng cho vợ chồng... Cần thể hiện tình yêu của mình với người bạn đời. Cuộc sống gia đình bộn bề công việc, nỗi lo toan, tuổi tác... Tạo ra rào cản tâm lý của tình yêu giữa vợ chồng. Việc biểu lộ tình yêu là rất cần thiết để đôi bên cảm nhận hạnh phúc và giữ gìn sự chung thủy với nhau ngay cả trong những hoàn cảnh ngặt nghèo. Vợ chồng là một đôi nhưng là hai cá thể, có khi rất tâm đầu ý hợp nhưng có khi có những khác biệt về vốn sống, sở thích. Không vì sống chung mà buộc có sự thay đổi hoặc lệ thuộc hoàn toàn, như vậy sẽ dẫn đến mâu thuẫn, xung đột và dần sẽ làm mất mát tình cảm vợ chồng. Cần dành cho nhau những phút giây, khoảng trời riêng để thỏa mãn sở thích, tâm tình riêng. Luôn dành cho nhau những lời ngọt ngào. Ngay cả lúc bất đồng quan điểm cũng phải thận trọng suy nghĩ kỹ trước khi nói. Lời nói cay nghiệt tạo sự tổn thương cho bạn đời và mất mát tình cảm, đôi khi khó nhìn mặt nhau, “Đã là vợ chồng đừng nói mày tao, hãy xưng anh xưng em mãi mãi cả đời” Nếu có lúc nóng giận, lỡ lời hãy chân thành xin lỗi và không nên lặp lại lỗi lầm đó. Ngược lại vợ hoặc chồng nên cần rộng lòng tha thứ cho người bạn đời của mình vì tình yêu, vì gia đình của mình. Cần chủ động giải quyết mâu thuẫn. Trong gia đình có nhiều nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như: cách nuôi dạy con cái, kinh tế gia đình khó khăn, ứng xử chưa tốt với bạn đời hay cha mẹ hai bên, không hiểu công việc, mối quan hệ xã hội của nhau... dẫn đến bất đồng quan điểm, ngờ vực, hiểu lầm... Nếu muốn gìn giữ tình yêu, mối quan hệ vợ chồng tốt đẹp, gìn giữ mái ấm gia đình mà vợ chồng đã dày công xây dựng và vì con cái thì phải chủ động giải quyết mâu thuẫn. Trên thực tế trong gia đình truyền thống của người Lào về cơ bản quyền của người chồng, người cha, người đàn ông được đề cao. Thông thường vợ phải phục tùng sự chỉ đạo về các mặt của người chồng; con cái phải tuyệt đối tuân theo sự chỉ bảo của cha mẹ, phải có hiếu với cha mẹ. Người chồng, người cha thường là đại diện cho gia đình về mọi mặt trước cộng đồng làng xã và ngoài làng cũng như đối với Nhà nước. Tuy

nhiên, tính chất gia trưởng trong gia đình người Lào không qui định chặt chẽ như trong gia đình của các quốc gia chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo [113, tr.63].

Quan hệ vợ chồng của người Lào về cơ bản là đảm bảo sự bình đẳng: ví dụ như trong hoạt động kinh tế gia đình, người vợ và người chồng đều cùng tham gia sản xuất, làm việc để đảm bảo sự ổn định của kinh tế gia đình. Tuy nhiên trong lĩnh vực này, người chồng vẫn thể hiện vai trò và trách nhiệm quan trọng hơn. Đặc biệt là trong những công việc nặng đòi hỏi sức khỏe như: đi lấy gỗ trong rừng để xây nhà và xây các công trình của làng, cày ruộng, gặt lúa... ngoài ra trong hoạt động thương mại như là buôn bán thì người chồng vẫn là lực lượng chính. Trong lĩnh vực kinh tế cũng có những gia đình người chồng đi làm việc công sở, người vợ làm nông nghiệp, người chồng vẫn tích cực tham gia trong lĩnh vực nông nghiệp hỗ trợ gia đình cùng với người vợ khi có thời gian. Trong lĩnh vực nuôi dạy con cái vai trò của người vợ và chồng đều có trách nhiệm trong việc giáo dục và hướng dẫn cho các con trong các lĩnh vực xã hội và gia đình. Tuy nhiên do trách nhiệm của người chồng đối với các hoạt động chung của gia đình và xã hội, vì vậy trong lĩnh vực này vai trò của người phụ nữ thể hiện rõ hơn và thường xuyên hơn. Để làm rõ hơn vấn đề này NCS đã thực hiện chương trình phỏng vấn cộng đồng tại ba địa bàn nghiên cứu. Ông Kham Seng cho biết:

Gia đình tôi luôn đảm bảo chế độ bình đẳng vợ chồng, tôi làm việc ở Huyện vợ tôi thì làm nông nghiệp, tôi luôn có ý thức tham gia các công việc gia đình (như: làm ruộng, chăn nuôi...). Bà Phonsavanh cho biết: gia đình tôi có ông bà, vợ chồng tôi và 4 người con, vợ chồng chúng tôi đều làm nông nghiệp và luôn bình đẳng trong mọi hoạt động của gia đình: hoạt động kinh tế và giáo dục con cái.

Người vợ là một phần không thể thiếu được của mỗi gia đình và sự hoà hợp vợ chồng là yếu tố quyết định niềm tin yêu và hạnh phúc của từng tổ ấm đó.

Trong nhiều trường hợp, sự thành công còn có sự đóng góp và phấn đấu hy sinh hết lòng của người vợ.

2.2. Khuôn mẫu ứng xử giữa cha mẹ-con cái

2.2.1. Giáo dục con cái

Gia đình người Lào là môi trường nuôi dưỡng, giáo dục lòng nhân văn đầu tiên cho mỗi con người từ tấm bé, vì vậy ứng xử của con cái với cha mẹ là thể hiện đạo lý trước sau giữa hai thế hệ. Cha mẹ hết sức vun vén cho con, nuôi con khôn lớn, ăn học thành đạt hoặc có một nghề nghiệp để lo toan cuộc sống, dựng vợ gả chồng thành gia thất cho tất cả các con. Ngược lại, con cháu lo tròn đạo hiếu, phải gắng công tu thân lập nghiệp để báo đáp công ơn dạy dỗ của cha mẹ, ông bà. Khi cha mẹ ông bà già yếu phải hết lòng phụng dưỡng, coi việc có bố mẹ già là điều may mắn, vinh hạnh. Khi bàn đến vấn đề ứng xử của cha mẹ và con cái trong gia đình truyền thống nhiều thế hệ/ba thế hệ thì mối quan hệ này cần nhìn nhận đa lớp, đa chiều, trong đó là mối quan hệ của ông bà đối với con cái của ông bà-tức là cha mẹ của thế hệ thứ ba, cha mẹ đối với con cái-thế hệ thứ ba. Cho dù ở thế hệ nào thì mối quan hệ này cần phải quan tâm đến cặp phạm trù qua lại giữa hai nội dung. Thứ nhất là cha mẹ đối với con cái, trước hết thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm, nghĩa vụ và tình thương yêu. Thứ hai là con cái đối với cha mẹ được thể hiện đạo hiếu đền ơn đáp nghĩa đối với công lao sinh thành dạy dỗ của cha mẹ. Nhìn chung, mối quan hệ ứng xử trong gia đình người Lào đã được tuân thủ khá tốt. Trong quan niệm của người Lào, con trai khi đi tu học ở chùa trước hết là rèn luyện bản thân theo tư tưởng Phật giáo-lời dạy của Đức Phật, sau đó là để đền đáp công ơn sinh thành của cha mẹ. Để làm rõ hơn mối quan hệ ứng xử này NCS đã phỏng vấn 2 gia đình ở hai bản: Done Keo và bản Thiêu. Ông Pheng phẫn ở bản Done Keo cho biết:

Ở bản chúng tôi hầu như trong các gia đình, ứng xử giữa cha mẹ và con cái rất tốt, cha mẹ có trách nhiệm với con cái và con cái hiếu thảo với ông bà cha mẹ. Cá biệt rất ít những năm gần đây do sự ảnh hưởng

chung của xã hội cũng có những gia đình, mối quan hệ ứng xử đã không giữ được truyền thống tốt đẹp, tôi nói như vậy có nghĩa là, bố mẹ chưa thực hiện tốt trách nhiệm đối với con cái và ngược lại con cái cũng không có lòng hiếu thảo với cha mẹ...

Ông Xi Pheng ở bản Thiêu cũng cho biết những ý kiến tương tự như đại diện của bản Done Keo, huyện Xay tỉnh Oudomxay. Từ hai ý kiến phỏng vấn trên có thể nhận thấy rằng ứng xử giữa cha mẹ và con cái của người Lào ở huyện Xay về cơ bản vẫn giữ được những nét truyền thống tốt đẹp. Tuy nhiên, một phần rất nhỏ trong xã hội, gia đình đã có những biểu hiện của sự biến đổi.

Để minh chứng và làm rõ thêm mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, NCS dẫn số liệu điều tra của Viện khoa học xã hội Quốc gia Lào đã được xuất bản thành sách với tiêu đề: *Sự thay đổi từ quá khứ đến tương lai của các thế hệ ở đất nước Lào.*

Bảng 2: Sự thể hiện tình yêu thương của bố mẹ đối với con cái

Sự thể hiện tình yêu thương của bố mẹ	Số người được hỏi	Tỉ lệ phần trăm (%)
- Khuyến khích cho con có sự giáo dục, học tập	102	18.2
- Cho con mọi thứ con cần	71	12.7
- Dạy con làm người tốt và gương mẫu	265	47.3
- Động viên tinh thần	47	8.4
- Lắng nghe ý kiến của con cái	20	3.6
- Không có ý kiến	54	9.1
Tổng số người phỏng vấn	560	100

Nguồn: [92, tr 74-75]

Căn cứ vào bảng số liệu trên có thể khẳng định trong sự thể hiện tình yêu thương của bố mẹ đối với con cái thì việc dạy con làm người tốt và gương mẫu được các gia đình truyền thống Lào chú trọng chiếm 47,3%, tiếp đến là sự khuyến khích cho con có sự giáo dục với 18,2%. Nhưng trong việc lắng nghe ý

kiến của con cái chưa được các gia đình người Lào chú trọng nên chiếm tỉ lệ ít nhất với 3,6%.

Bảng 3: Sự thể hiện tình yêu thương của con cái đối với bố mẹ

Sự thể hiện tình yêu thương của con cái đối với bố mẹ	Số người được hỏi	Tỉ lệ phần trăm (%)
- Nghe lời bố mẹ	199	35.5
- Giúp đỡ về mặt tài chính	33	5.9
- Tặng quà dịp ngày đặc biệt, ngày lễ	53	9.5
- Làm việc gia đình giúp bố mẹ	80	14.3
- Chăm sóc lúc bố mẹ già yếu	98	17.5
- Mua đồ ăn, đồ dùng cho bố mẹ	32	5.7
- Không có ý kiến	65	11.4
Tổng số người phỏng vấn	560	100

Nguồn: [92, tr.75]

Về sự thể hiện tình thương của con cái đối với cha mẹ trong gia đình được biểu hiện rõ nhất thông qua việc nghe lời cha mẹ chiếm đến 35,5%, việc giúp đỡ cha mẹ trong công việc hàng ngày hay chăm sóc cha mẹ lúc về già chiếm từ 14-17%. Việc mua đồ ăn, đồ uống cho bố mẹ chiếm số lượng ít nhất với 5.7%.

Cũng như ở tất cả các tộc người khác trên thế giới, đối với người Lào, gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên. Trong điều kiện gia đình là đơn vị tổ chức sản xuất, đơn vị kinh tế tự chủ, đơn vị thờ cúng, gia đình sống trong môi trường làng dựa trên nền kinh tế nông nghiệp ruộng nước, lâm nghiệp với cơ sở xã hội là hàng loạt các mối quan hệ huyết thống, xóm giềng, tuổi tác, vị thế xã hội... Với người Lào thì vai trò gia đình là đơn vị giáo dục càng trở nên quan trọng. Tiếp cận nghiên cứu giáo dục trong gia đình truyền thống, có thể nhìn nhận trên nhiều lĩnh vực khác nhau rất đa dạng, đa chiều. Tuy nhiên trong khuôn khổ luận án tập trung

vào ba nội dung chính: giáo dục đạo đức và nhân cách; giáo dục ứng xử: giáo dục kỹ năng lao động và kinh nghiệm sản xuất

2.2.1.1. Giáo dục đạo đức và nhân cách

Vấn đề giáo dục đạo đức và nhân cách luôn được đề cao và thực hiện trong các gia đình truyền thống của người Lào. Cha mẹ luôn hướng tới những khía cạnh đạo đức để nuôi dạy con cái, theo kết quả điều tra của chúng tôi 95.54% số phiếu trả lời đồng tình với giáo dục đạo đức, nhân cách cho con cháu trong gia đình [Phụ lục 5], điều đó được thể hiện qua những nội dung cụ thể như sau: biết quý trọng người lao động và sức lao động, đề cao tinh thần yêu lao động, chịu khó, chăm chỉ làm việc và làm việc cẩn thận. Đề cao tiết kiệm, chịu khổ, biết dự tính lo toan cho cuộc sống bản thân và gia đình. Đề cao tinh thần cộng đồng và ý thức vì cộng đồng (thể hiện ở việc biết quan tâm giúp đỡ người khác, coi trọng tình làng nghĩa xóm, đề cao tinh thần đoàn kết và cố kết trong cộng đồng bản làng; quan tâm đến các việc công ích, tích cực đóng góp xây dựng làng, hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ với làng, với đất nước...); Đề cao chữ tâm (trong mọi ứng xử phải xuất phát từ chữ tâm trong sáng, đặc biệt đối với gia đình người Lào chịu ảnh hưởng khá sâu sắc của tư tưởng Phật giáo, vì vậy chữ tâm theo giáo lý của đạo Phật đã được các thế hệ ông bà cha mẹ truyền dạy cho con cháu trong mọi hoạt động xã hội, quyền lợi xã hội, ứng xử giao tiếp xã hội đều cần phải lấy chữ tâm làm gốc). Bên cạnh đó các thế hệ ông bà cha mẹ đều dạy các con cái thực hiện chữ tín, tính trung thực, thủy chung và đạo hiếu - lễ - nghĩa, chú trọng giữ gìn vị thế và nhân cách cá nhân; làm điều thiện để tích đức, tránh điều ác, đây cũng là một trong những điều đề cập khá sâu sắc trong giáo lý của đạo Phật. Gia đình truyền thống luôn là đơn vị điều hòa tâm tư tình cảm, là chỗ dựa vững chắc về tinh thần để nâng đỡ mỗi thành viên trong gia đình. Mỗi con người từ tấm bé đã được sống trong môi quan hệ tình cảm thân thiết, thân thương nhất của gia đình. Trước hết, là lòng yêu thương vô hạn, chăm bẵm hết lòng của cha mẹ, nhất là của người mẹ. Từ khi còn là đứa trẻ mới sinh ra, đã được bố mẹ dồn sức nuôi nấng, từng ngày, từng giờ mong con lớn; quên ăn, bỏ

ngủ khi con trái gió trở trời, dỗi theo từng bước đi chập chững. Theo thời gian năm tháng, mỗi người dần lớn lên, nhưng dưới con mắt của cha mẹ, họ vẫn luôn là đứa trẻ bé bỏng, thơ ngây, nên vẫn luôn rộng vòng tay yêu thương chăm sóc, cùng tảo tần sớm hôm để nuôi con khôn lớn, cả về thể xác lẫn tâm hồn. Bố mẹ là chỗ dựa tinh thần, không ai, không gì có thể thay thế được. Cùng với cha mẹ, các anh chị em trong nhà cũng là chỗ dựa tinh thần lớn lao. Khi còn bé, mỗi người đều được các anh các chị lớn chăm bẵm, nâng niu; khi lớn lên, có các anh chị cùng chia sẻ miếng ngon - miếng nhạt, gánh vác các công việc nặng - nhẹ trong gia đình. Anh chị em quần quýt bên nhau, động viên nhau những khi gặp thuận lợi cũng như khó khăn trong cuộc sống.

Tóm lại, gia đình với quan hệ tâm lý, tình cảm đặc biệt, gắn bó các thành viên lại với nhau bằng tình máu mủ, thương yêu, bằng trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi người từ khi còn tằm bé, bằng sự nhường nhịn, hy sinh vô bờ, không tính toán thiệt hơn, không thể cân đong đo đếm. Tình cảm gia đình là công cụ chính để giải quyết hữu hiệu những bất đồng nếu có xảy ra trong gia đình. Tình cảm gia đình còn là hành trang để mỗi người luôn mang bên mình trong mỗi bước đi của cuộc sống. Gia đình là nơi nâng đỡ mỗi bước đi của con người, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, động viên lúc gặp khó khăn, cả khi sa ngã. Khi vấp vấp trước sóng gió của cuộc đời, mỗi người lại nhớ đến gia đình và nhờ đó lại gắng gượng đứng dậy để vượt lên sau những thất bại.

2.2.1.2. Giáo dục lối sống, ứng xử

Giáo dục lối ứng xử cho các thành viên trong gia đình truyền thống người Lào đang là vấn đề được quan tâm, đặc biệt là cho con em luôn được coi trọng. Xuất phát từ nhận thức mỗi con người khi lớn lên và trường học luôn sống trong hàng loạt mối quan hệ chằng chéo, phức tạp, buộc mỗi người phải có ứng xử đúng mới có thể tồn tại với tư cách là một con người của gia đình, làng xã.

Trước hết là *quan hệ huyết thống*. Đây là mối quan hệ đầu tiên, chủ đạo mà mỗi con người tiếp nhận và được trao truyền thế ứng xử. Ngay từ khi biết nói, mỗi người từng bước được dạy cách nhận biết những người thân quen trong

gia đình, thông qua các từ chỉ vai vế, quan hệ: bố mẹ, ông bà, anh, chị, em, sau đó, bắt đầu được nhận biết những người thuộc phạm vi ngoài gia đình mình, thuộc họ nội, tức họ bên bố (gồm chú bác ruột, cô ruột, anh chị em con chú, con bác và các bậc trên hơn, xa hơn ...); họ ngoại, tức họ bên mẹ (ông bà ngoại, cậu mợ ruột, dì ruột, anh chị em con cô con cậu, con dì con già và các bậc trên hơn, xa hơn...). Gắn với sự nhận biết từng người thuộc từng vai vế là cung cách xưng hô, lời ăn tiếng nói, dáng điệu và nhiều khi là cả các nghĩa vụ đối với mỗi bậc. Sau này, khi trưởng thành, lấy vợ lấy chồng, từng người còn phải nhận biết được đầy đủ các mối quan hệ của gia đình nhà vợ (hay nhà chồng) - cả bên nội và bên ngoại - để có một thái độ ứng xử đúng. Giáo dục gia đình truyền thống đặc biệt coi trọng sự nhận biết và thái độ ứng xử đúng các mối quan hệ huyết thống của mỗi con người, coi đó là một trong những chuẩn mực đạo đức quan trọng nhất.

Thứ hai là *quan hệ láng giềng*: Tiếp sau gia đình, mỗi con người trong làng xưa kia tiếp nhận quan hệ láng giềng. Cuộc sống dựa trên nền kinh tế tự cấp tự túc, mức sống thấp đã làm cho người nông dân rất coi trọng tình cảm láng giềng. Thái độ đối với láng giềng cũng là một tiêu chí để đánh giá tư cách của con người ở nông thôn xưa kia.

Thứ ba là *ứng xử theo quan hệ tuổi tác*: cũng là một nội dung của giáo dục gia đình. Xã hội nông nghiệp dựa trên tư duy kinh nghiệm, vì thế coi trọng tuổi tác, đề cao người có tuổi và người hơn tuổi, bởi càng nhiều tuổi càng có nhiều kinh nghiệm, tuổi tác là một giá trị biểu tượng. Kinh nghiệm được truyền tải không chỉ trong phạm vi gia đình, dòng họ mà còn trong làng, trong xã hội nói chung. Vì thế, con người trong xã hội truyền thống thông qua gia đình cũng sớm được giáo dục tư tưởng coi trọng, kính trọng người già, tôn trọng người hơn tuổi. Trong kết quả điều tra của chúng tôi, thấy rằng 98.01% số phiếu trả lời đều chú trọng về giáo dục truyền thống văn hóa gia đình. Ông May Vong ở bản Thiêu cho biết: “ông bà, cha mẹ và những người lớn tuổi trong bản phải là người gương mẫu trong các cách ứng xử trong sinh hoạt gia đình và thể hiện sự tôn trọng đối với người già làng và các thành viên trong gia đình, xóm giềng”.

2.2.1.3. Giáo dục kỹ năng lao động, kinh nghiệm sản xuất

Như đã trình bày, cuộc sống thường ngày của một gia đình người Lào ở nông thôn xưa cũng như nay có biết bao công việc phải làm, từ những việc tạo ra các sản phẩm để nuôi sống con người, (như sản xuất nông nghiệp: trồng trọt, chăn nuôi; nghề thủ công - mỗi nghề có hàng chục thao tác khác nhau), đến các việc bổ trợ (nhỏ, vặt như nấu ăn, quét dọn... lớn như làm hay sửa chữa nhà cửa...) đòi hỏi không chỉ nguồn lao động lớn mà còn kỹ năng làm việc của mỗi lao động. Thêm nữa, đặc điểm nổi bật của gia đình người Lào trước đây là ngay từ nhỏ, con cái luôn sống với bố mẹ và ở bên bố mẹ, ông bà, lớn lên thì đi học ngay trong làng.

Về giáo dục kỹ năng lao động cũng tùy thuộc vào lứa tuổi, ngay từ khi đứa trẻ còn nhỏ (từ 5 - 6 tuổi), các bậc cha mẹ đã chỉ bảo cách làm một số công việc đơn giản, chung cho cả bé trai, bé gái như quét nhà, quét sân, dọn dẹp các đồ đạc nhẹ; từ 7- 8 tuổi học cách đun nấu, băm bèo, thái rau; người lớn hơn một chút từ 9 - 11 tuổi bắt đầu học cách nấu ăn, cho lợn gà ăn, giã gạo; đan lát... và thực hiện những công việc đầu tiên của đồng áng như chăn trâu (hoặc bò), cuốc ruộng, đưa cơm trưa cho bố mẹ đi cày đi cấy (kết hợp đưa rơm cho trâu). Từ 12 tuổi trở đi, học các thao tác của các công việc nặng hơn trong việc nhà như xay lúa, việc đồng áng như gánh phân, nhổ mạ và các thao tác chuyên môn hóa theo giới tính như: cày (con gái), bừa, gieo mạ (con trai), lớn lên có sức khỏe một chút (từ 15 tuổi trở đi) bắt đầu học cày.

Quá trình trên đây được kết hợp giữa sự truyền bảo của các bậc cha mẹ, ông bà (truyền bảo các kỹ năng và kinh nghiệm) với sự tự quan sát, tự học hỏi, làm theo của đứa trẻ. Trên thực tế giáo dục lao động và kỹ năng lao động còn phụ thuộc vào nghề nghiệp của bố mẹ, nếu như bố mẹ làm nghề đi rừng, săn bắt, khai thác gỗ thì họ cũng sẽ dạy những kinh nghiệm nghề nghiệp gắn với lâm nghiệp. Nếu như bố mẹ hoạt động thương mại thì họ sẽ truyền dạy cho con kỹ năng giao tiếp buôn bán. Gia đình có nghề thủ công thì sẽ truyền dạy cho con cái kỹ năng

nghề nghiệp như: dệt vải, kéo sợi, làm gôm, làm mộc... Nhìn chung cho dù xuất phát từ nghề nghiệp nào thì vấn đề giáo dục kỹ năng lao động và kinh nghiệm nghề nghiệp luôn đặt ra trong chức năng giáo dục của gia đình. Trong truyền thống giáo dục lao động và kỹ năng lao động, đến khi 17-18 tuổi, cả con trai, con gái đã trở thành người lao động với những kỹ năng làm việc tương đối thuần thục, đáp ứng được các yêu cầu về lao động “tổng hợp” cho gia đình, và xã hội.

Kết quả điều tra tại 3 bản cho thấy các gia đình luôn coi trọng việc giáo dục kỹ năng lao động, kinh nghiệm sản xuất cho con cháu và điều này được thể hiện 86,13% số người được hỏi đồng tình với việc này [Phụ lục 5].

2.2.2. Ứng xử giữa cha mẹ và con cái

Trong bộ qui định “*Hít xíp xoong Khoong xíp xí*”. Tại điều 8 của bộ qui định “*Hít xíp xoong Khoong xíp xí*” đã qui định rõ về ứng xử giữa cha mẹ và con cái như sau: người cha coi con của mình như cục vàng bạc châu báu, con là máu mủ là trái tim, cha yêu con như đôi mắt, con là sự hạnh phúc và là hy vọng, là tương lai của dòng họ; người mẹ là người sinh thành con, mẹ cho con tình yêu và đùm bọc nâng niu, chăm sóc nuôi dưỡng, trong thành ngữ Lào có câu “Bố bón thịt mẹ bón cá”, dạy dỗ, giáo dục và tạo điều kiện để con được học tập, kiếm tiền bạc và đồ quý để có tài sản cho con cháu, tìm bạn đời cho con; con đối với bố mẹ là con phải có hiếu với cha mẹ bậc sinh thành “Công cha như núi cao, nghĩa mẹ như trời và đất”, con phải nghe theo lời cha mẹ “Con không nghe lời cha mẹ ma kéo xuống địa ngục”, con phải giúp bố mẹ làm việc gia đình, con phải chăm sóc cha mẹ khi về già, con có quyền thừa kế tài sản của cha mẹ để lại sau khi ra đi [121, tr.62-63]. Theo kết quả điều tra tại ba địa bàn nghiên cứu những người được hỏi cho thấy 83.66% số phiếu trả lời chấp hành theo qui định về ứng xử giữa bố mẹ và con cháu trong bộ qui định “*Hít xíp xoong Khoong xíp xí*”.

Để làm rõ mối quan hệ ứng xử giữa cha mẹ và con cái NCS đã tiến hành phỏng vấn đại diện thành viên gia đình tại ở ba địa bàn nghiên cứu như: bản Done Keo, Thiêu và Long Ya, huyện Xay tỉnh Oudomxay. Theo bà Phetsamon

51 tuổi, bản Thiêu, huyện Xay tỉnh Oudomxay cho biết: “Bà sinh được 5 người con, 3 nữ 2 nam, mặc dù gia đình bà chủ yếu làm ruộng và đi chăn nuôi qui mô nhỏ nhưng bà và chồng đã chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con lớn khôn và trưởng thành, 2 người đi học đại học ở thủ đô Viêng Chăn, còn mấy đứa kia thì tốt nghiệp phổ thông rồi và ở nhà làm việc giúp gia đình”. Trong cuộc phỏng vấn anh Phay Văn Inkham, 30 tuổi, bản Thiêu, huyện Xay tỉnh Oudomxay, cho biết:

Anh là người con thứ hai trong gia đình có 4 anh chị em, sau khi học xong anh lập gia đình với một người ở trong bản, và sống cùng gia đình nhà vợ (ở rể), anh thường xuyên về nhà giúp việc nặng nhọc cho gia đình như: công việc cày, cấy, sửa sang nhà cửa... vì là chúng tôi ở gần nhau nên hôm nào tôi đi săn bắt được thú rừng hoặc đánh cá được nhiều thì tôi cũng mang về cho bố mẹ tôi, cứ có gì ngon là chúng tôi chia một phần về nhà cho bố mẹ. Lúc bố mẹ ốm đau mấy anh em chúng tôi cũng ở bên chăm sóc và góp tiền để chữa bệnh cho bố mẹ. Hàng năm đến ngày tết năm mới Lào chúng tôi về dâng hoa và xin tạ lỗi với bố mẹ.

Hiếu thảo là một đạo lý sâu xa trong mô hình gia đình truyền thống thể hiện mối quan hệ chiều dọc giữa cha mẹ và con cái. Trong gia đình giáo dục sự tôn nghiêm, quy tắc của lễ giáo. Tình cảm và sự yêu thương của người mẹ, sự nghiêm khắc và răn đe của người cha. Người Lào có tín ngưỡng trọng Mẫu, tôn trọng phụ nữ. Những nét đẹp ứng xử trong gia đình đã hình thành nên nhiều giá trị văn hoá mang tính truyền thống của người Lào như: Sự hoà thuận, chung thuỷ, tình nghĩa, lòng yêu thương, hy sinh cho con cái, tôn trọng, hiếu đễ với cha mẹ, anh em... Văn hóa ứng xử trong gia đình Lào luôn là một đề tài được quan tâm và coi trọng. Các thế hệ cha ông luôn dẫn dạy các thế hệ tiếp nối cách giao tiếp ứng xử nhân văn từ trong truyền thống gia đình người Lào. Vì thế, những câu ca dao, tục ngữ đã đúc rút những kinh nghiệm, cách ứng xử quý báu trong quan hệ gia đình. Từ khi sinh ra, con người luôn gắn bó, biết ơn đấng sinh thành nuôi dưỡng với tình cảm quý trọng: “Tình mẫu tử không thể cắt đứt”...

Câu ca dao sau thể hiện sâu sắc lòng tri ân: “Công cha như núi cao, nghĩa mẹ như trời và đất”; “Chuột cắn vải thêu mới biết công mè, bé con nhỏ mới nhớ đến công cha mẹ”. Là con phải báo hiếu với cha mẹ, là niềm tự hào của cha mẹ. Từ chữ hiếu đã nâng lên thành đạo làm con. Đạo làm con luôn ơn sinh thành, tiếp nhận giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội để trở thành người có tài, có đức; là công dân tốt biết cống hiến sức lực, trí tuệ cho đất nước, xã hội; biết làm việc nhân, điều thiện, tích đức tâm; phụng dưỡng cha mẹ khi về già, thờ cúng cha mẹ đã khuất... Đó cũng là xuất phát của việc thờ cúng tổ tiên bày tỏ tấm lòng ghi ơn “Ăn cơm đừng quên công ruộng, ăn cá đừng quên công nước”. Quan hệ giữa cha mẹ- con cái là quan hệ tình cảm, bao gồm sự ứng xử của cha mẹ với con cái và thái độ ứng xử của con cái đối với cha mẹ. Mọi quan hệ này được biểu hiện trong các hình thái gia đình cũng khác nhau. Ở gia đình hiện đại, nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp đó được giữ gìn và phát triển, tinh thần thương yêu, sự hy sinh của cha mẹ vì con cái và sự kính trọng, biết ơn, hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ. Mọi quan hệ này là khuôn khổ cần thiết cho sự phát triển của trẻ. Thông qua các cách truyền đạt bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, cha mẹ đã truyền lại cho con cái những giá trị, niềm tin, thái độ và cả những tri thức về thế giới xung quanh. Có thể nói những giá trị mà cá nhân thu được từ gia đình là rất đáng kể, một trong những khía cạnh thể hiện bản chất của mối quan hệ này là chức năng xã hội hóa của bố mẹ đối với con cái, bằng mối quan hệ, tình cảm ruột thịt, máu mủ giữa cha mẹ và con cái góp phần hạn chế đi những mâu thuẫn hằng ngày, phòng chống bạo lực gia đình đối với trẻ em.

Văn hóa gia đình truyền thống người Lào lấy “đạo hiếu” làm trọng. Vì thế cho nên trong gia đình truyền thống Lào, con cái đối với cha mẹ phải kính trọng, vâng lời, tu dưỡng đạo đức, làm nên sự nghiệp để báo hiếu, đền đáp công ơn dưỡng dục, sinh thành. Việc phụng dưỡng cha mẹ là đạo lý mà con cái phải thực hiện thường xuyên trong suốt cuộc đời. Về phía cha mẹ có quyền quyết định mọi việc đối với con cái, đồng thời phải có trách nhiệm, nghĩa vụ nuôi dưỡng, bao

bọc, dạy bảo các con nên người với niềm mong ước và sự hãnh diện khi “Tương lai con cái hơn cha mẹ”. Người làm cha mẹ phải biết hy sinh, sống bao dung, tu dưỡng bản thân, làm việc thiện và xây dựng nề nếp gia đình để truyền lại cho con cháu. Mối quan hệ cha mẹ - con cái luôn thấm nhuần trong tâm thức mỗi người.

2.3. Khuôn mẫu ứng xử giữa anh chị em

Trong bộ qui định “*Hít xíp xoong Khoong xíp xí*”. Tại điều 9 đã qui định rõ về ứng xử giữa anh chị em như sau: Làm anh, làm chị thì phải rộng lượng, dung thứ, không so đo hơn thiệt với em. Anh, chị không sai phái, nạt nộ em. Điều gì em chưa hiểu hoặc chưa ngoan thì lựa lời giảng giải, khuyên bảo, không cáu gắt, phỉ nhổ, mạt sát. Làm em thì phải biết kính trọng anh chị, phải biết giúp đỡ anh chị những việc trong nhà vừa sức với mình. Ngoài ra, em phải biết nhường nhịn, không hỗn láo, ích kỷ, nạnh hẹ với anh chị. Anh chị em không được nói xấu lẫn nhau, gây gổ nhau. Điều gì anh chị chưa đúng, em lựa lời góp ý một cách nhẹ nhàng. Anh chị em cùng cha, khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha cũng phải thương yêu đùm bọc nhau, thông cảm nhau, không phân biệt kỳ thị nhau. Anh chị em trong gia đình phải xưng hô để thể hiện tôn ti trật tự. Em không được xưng hô với anh chị bằng mày tao mi tớ. Tục ngữ có câu “Anh em nhờ vả lẫn nhau, nước chảy cá mới lên”. Tóm lại anh chị em phải cùng nhau giữ gìn hạnh phúc gia đình, sao cho trên thuận dưới hòa, gia đình thực sự là tổ ấm của mọi thành viên trong cuộc đời[111, tr.56].

Để làm rõ thêm quan hệ giữa anh chị em trong gia đình truyền thống của người Lào tại địa bàn nghiên cứu, NCS đã thực hiện phỏng vấn anh Ta Wan Vongmani, 34 tuổi, bản Done Keo, huyện Xay, tỉnh Oudomxay, anh Ta Wan cho biết:

Gia đình tôi là gia đình lớn, có ông bà, bố mẹ tôi và chúng tôi có 7 anh chị em, 4 nam, 3 nữ, tôi là người con thứ 4. Gia đình tôi có nhiều ruộng và vườn cây, công việc chính của gia đình là trồng lúa. Từ khi

còn nhỏ chúng tôi sống cùng nhau, không ai đi xa, đến nay mấy người đã lập gia đình ở gần đây, hai em còn nhỏ đang sống cùng bố mẹ tôi. Chúng tôi rất thương nhau, luôn giúp đỡ nhau trong mọi việc của gia đình cũng như học tập và làm ăn. Ngày lễ, ngày tết năm mới chúng tôi hay họp mặt gia đình, trao đổi về tình hình sức khỏe, công việc của từng người. Anh chị em chúng tôi rất ít mâu thuẫn.

Ngoài mối quan hệ ứng xử giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, thì mối quan hệ ứng xử giữa anh chị em trong gia đình truyền thống cũng luôn được đề cao, người Lào quan niệm anh chị em là “Anh em đạp đầu nhau ra không thể chia cắt” trong câu thành ngữ Lào trước đây nói về quan hệ giữa anh chị em như: “Tình cảm anh em rơi xuống nước không trôi, rơi xuống lửa không cháy”. Mối quan hệ máu mủ ấy không gì có thể sánh bằng, không gì có thể chia cắt. Anh chị em phải thương yêu, đùm bọc nhau. Đây mãi là giá trị cao đẹp cần được gìn giữ của văn hóa gia đình truyền thống của người Lào tại huyện Xay, tỉnh Oudomxay. Trong gia đình truyền thống của người Lào, ngoài việc ăn ở hiếu với cha mẹ, mỗi người phải ứng xử chân thành, thương yêu, tôn kính, nhường nhịn với anh chị em, coi cái tình cảm với anh chị em ruột quý hơn cả tài sản có giá trị, là tình cảm thiêng liêng sau tình cảm cha mẹ, có khi hơn cả quan hệ vợ chồng. Vì vợ chồng không hợp nhau thì có thể chia ly, còn mối quan hệ anh em ruột thì mãi mãi vẫn là anh em cùng một huyết thống. Đạo hiếu đòi hỏi anh chị em không chỉ phải hòa thuận với nhau (anh, chị phải thương yêu em; em phải kính nhường anh, chị) mà còn phải lo toan, giúp đỡ cho nhau trong lúc khó khăn hoạn nạn.

Trước đây trong xã hội Lào nói chung và những gia đình truyền thống ở huyện Xay tỉnh Oudomxay nói riêng, hầu hết đều đông con, thậm chí còn có nhiều gia đình một người cha mà có đến hai, ba người mẹ, nên quan hệ giữa anh, chị, em với nhau phức tạp hơn ngày nay rất nhiều. Ngày nay, mỗi gia đình chỉ thường có từ hai đến ba con, hoặc nhiều lắm là 5 con tất nhiên vẫn còn một số ngoại lệ thì quan hệ giữa anh, chị, em trong gia đình trở nên đơn giản hơn rất

nhieu. Người Lào có truyền thống xem trọng quan hệ huyết thống, người xưa có câu “Em hãy nhìn theo anh, anh thì hãy để ý em”. Làm anh, chị thì bao giờ cũng phải biết nhường nhịn các em. Tuy có “quyền” hơn nhưng đồng thời trách nhiệm cũng lớn hơn, phải biết lo lắng cho các em và nhiều khi thay thế cha mẹ trong nhiều công việc có thể được. Ngược lại, làm em thì phải tôn kính anh chị, biết giữ bổn phận của mình. Những điều đó tạo thành một khuôn mẫu chung hầu như có thể thấy ở tất cả mọi gia đình truyền thống Lào tại huyện Xay, tỉnh Oudomxay. Sau này trưởng thành, khi mỗi người đều đã lập gia đình riêng của mình, mối quan hệ đó được gìn giữ, khi có điều gì đó bất thường xảy đến. Một tai nạn, một cơn bệnh nặng, hoặc thậm chí một sự thất bại nặng nề, suy sụp trong công việc... thì những người đầu tiên mà chúng ta nhớ đến chính là các anh, chị em của mình. Hơn thế nữa, họ cũng thường chính là những người đầu tiên quan tâm tìm đến với chúng ta. Đó là những người mà chúng ta có thể tin cậy, chia sẻ, dựa dẫm trong bất cứ trường hợp nào. Ngoài mối quan hệ huyết thống bao giờ cũng được xem trọng trong truyền thống dân tộc Lào, thì suốt một thời thơ ấu gắn bó bên nhau dưới mái gia đình cũng là một yếu tố khiến cho chúng ta không thể nào tìm được một quan hệ tương đương ở bất kỳ ai khác. Lời xưa nói “Mắt họ hàng đau lòng, mắt em đau trái tim”. Tuy nhiên, mối liên hệ huyết thống cũng chưa phải là yếu tố tuyệt đối để đảm bảo một quan hệ tốt đẹp. Mối quan hệ anh chị em với nhau là “tình”, còn có gắn bó với nhau đến mức nào cũng còn tùy nơi cái “nghĩa” nữa. Tình nghĩa có quân bình, đầy đủ thì quan hệ mới có thể tốt đẹp bền vững. Cái “nghĩa” ở đây chính là cung cách đối xử với nhau qua thời gian. Nhận thức được tầm quan trọng của mối quan hệ tốt đẹp với anh, chị em, người đó sẽ biết cách làm thế nào để củng cố tốt mối quan hệ ấy. Ai có được những người anh, chị em gắn bó tốt thì người đó sẽ có được những chỗ dựa tinh thần rất quan trọng, cần thiết trong những lúc sóng gió của cuộc đời. Trong thực tế thì quan hệ giữa anh, chị, em một nhà với nhau không phải bao giờ cũng hoàn toàn êm đẹp. Đôi khi, vì cuộc sống khó khăn, chúng ta rất dễ có những đụng

chạm, xích mích với nhau. Tuy nhiên, nếu hiểu được tầm quan trọng của một mối quan hệ tốt và lâu dài cho bản thân cũng như con cái mình về sau, chúng ta có thể cởi mở hơn, dễ cảm thông hơn và cũng nhẫn nhục hơn. Chỉ cần như vậy là không có xích mích nào không thể hàn gắn, hoà giải được. Người xưa nói “Một cây tre khác nhau từng khúc, anh em khác lòng dạ” ý nghĩa tương đương với câu “Bố mẹ sinh con trời sinh tính”. Anh em cùng cha cùng mẹ nhưng tính cách khác nhau, họ có thể rất giống nhau ở ngoại hình: màu da, khuôn mặt, kiêu dáng... Nhưng bên trong con người họ là tâm tình, ứng xử, tư duy... có thể rất khác nhau, cho nên rất cần có sự thông cảm, chia sẻ và hiểu thấu lòng nhau thì mới giữ được tình đoàn kết giữa anh chị em trong gia đình.

2.4. Khuôn mẫu ứng xử giữa ông bà - con cháu

Trong bộ qui định “*Hít xíp xoong Khoong xíp xí*”. Tại điều 10 đã qui định rõ về ứng xử giữa anh chị em như sau:

Ông/bà có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, hướng nghiệp, truyền đạt bí quyết nghề truyền thống gia đình cho con cháu; con cháu phải kính trọng, có hiếu với ông bà, chăm sóc tận tình lúc ông bà già yếu, ốm đau, sau này khi ông bà mất thì con cháu phải đi tu để dẫn đường linh hồn ông/bà lên thiên đường, kiếp sau ông bà sẽ về đầu thai cùng gia đình của mình[121, tr.164].

Trong cuộc thực hiện khảo sát tại bản Long Ya, NCS đã thực hiện phỏng vấn ông May In, 82 tuổi, bản Long Ya, huyện Xay, tỉnh Oudomxay, ông cho biết:

Gia đình tôi có 4 đứa cháu ngoại, 2 nam 2 nữ, hàng ngày ông hay kể chuyện cổ tích cho các cháu nghe, tôi giáo dục cho các cháu biết về phong tục tập quán truyền thống như: cách đi đứng, cách ứng xử với bố mẹ, ông bà và người lớn tuổi trong bản và bạn bè, ngoài ra tôi hướng dẫn kĩ năng săn bắt thú và kinh nghiệm đi rừng hái rau, và truyền bí quyết nghề cho các cháu. Để sau này chúng nó biết tự kiếm sống nuôi bản thân.

Trong dân gian Lào có câu thơ “ông dạy cháu” từ xa xưa và được truyền miệng qua nhiều thế hệ trong xã hội Lào hàm chứa nhiều ý hay, NCS xin nêu một đoạn có nội dung như sau:

*Nếu đã có kim rồi hãy hỏi chỉ trước nhé
 Nếu không có chỉ luôn đuôi kim thêu cũng chẳng đẹp!
 Cháu đừng kiêu ngạo thể hiện mình hơn thầy
 Hãy thể hiện mình như thuyền đua
 Thợ người ta khắc đục đẽo sửa nó mới đẹp!
 Nếu đi đường thủy mong có thuyền lớn
 Nếu vào rừng già hãy mang theo gậy nhé cháu!
 Nếu sẽ làm ruộng hãy hỏi con trâu trước đã
 Nếu là trâu chưa sẵn sàng đừng kéo ra đồng!
 Nếu cháu có tư lự đừng quên công tằm
 Đã là loại cây hãy hỏi gốc trước
 Nếu rễ không có sao thành thân cây!*

.....

*Làm vua chúa nên có quan che chở
 Thuyền không có lái sẽ hỏng giữa kênh
 Nói không biết nói sẽ làm mất uy chúa
 Làm vua chúa có lắm vợ chớ vui mừng
 Có khi vợ yêu mình là chân tay của kẻ thù
 Có nên vợ nên chồng đừng bao giờ chia ly
 Dân bản mừng sẽ chế nhạo mất uy cháu!...[121, tr.165].*

Quan hệ giữa ông bà - con cháu trong gia đình truyền thống Lào tại huyện Xay, tỉnh Oudomxay có kế thừa văn hóa truyền thống thời phong kiến, người cao tuổi nhất bao giờ cũng được tôn vinh, sự ảnh hưởng của Phật giáo cũng chỉ cho thấy sự tôn trọng người cao tuổi trong gia đình và bản mừng thông qua các hình thức tổ chức các lễ hội, lễ gia đình như: buộc chỉ cổ tay, lễ giải hạn... Vai

trò của người cao tuổi trong bản rất lớn trong những sự kiện như vậy. Thông thường người đàn ông cao tuổi nhất trong gia đình có tiếng nói quan trọng chỉ đạo gia đình, phát triển kinh tế và nuôi dạy con cháu. Trong bản thì có già làng là người có uy tín và được tin tưởng là người hòa giải các mâu thuẫn giữa các thành viên gia đình trong bản. Trong gia đình truyền thống Lào sự trợ giúp và chăm sóc người cao tuổi đã tồn tại trong tâm thức các gia đình, đặc biệt là đối với người con đã trưởng thành. Chính những quan niệm trong văn hóa gia đình truyền thống, phong tục văn hóa gia đình người Lào đã làm cho mối quan hệ giữa người cao tuổi và các thành viên trong gia đình ngày càng mật thiết hơn, gắn bó với nhau gần gũi hơn, người trẻ kính trọng người già.

Gia đình truyền thống Lào gồm nhiều thế hệ cùng chung sống, khi con cháu trưởng thành đã có vợ, chồng, sinh con đẻ cái vẫn tiếp tục chung sống với ông bà, cha mẹ. Qui mô lớn của gia đình thể hiện quan niệm có “phúc” là đông con, nhiều cháu; phù hợp về nguồn nhân lực lao động của gia đình trong xã hội nông - lâm nghiệp nhỏ với nền kinh tế sản xuất tự cung tự cấp. Điều này ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức của người Lào với mục đích duy trì các mối quan hệ gia đình, ngay cả khi không còn sống chung dưới một mái nhà.

Văn hóa gia đình truyền thống Lào còn đề cao nhân nghĩa trong quan niệm “phúc - đức”. Đức, trước hết đó là lòng nhân ái, là tình thương yêu con người và “nhân đức” là tiêu chí cơ bản để xác định tính người trong con người. Người Lào quan niệm mọi ứng xử của con người xuất phát từ lương tâm. Người có lương tâm thì ngay trong việc làm bình thường nhỏ nhất cũng bộc lộ lòng nhân ái. Người có lương tâm thì không làm việc gì để lương tâm phải cắn rứt, tự xấu hổ với chính bản thân. Văn hóa tâm linh Lào cũng nêu cao niềm tin về nhân đức, tin vào luật nhân quả: người xưa có câu “Làm tốt có phúc” có ý nghĩa tương đương với câu “Ở hiền gặp lành” của Việt Nam. Luật nhân quả không chỉ chi phối đến bản thân người hành xử mà còn ảnh hưởng đến con, cháu. Dân gian Lào có câu: “Làm phúc kiếp này kiếp sau gặp lành”. Vì vậy, người Lào rất coi trọng việc hướng con người tới tu nhân, tích đức, để đức lại cho con, cháu. Đây

là một giá trị văn hóa hết sức cao đẹp của người Lào. Người làm cha mẹ không chỉ nghĩ đến mình, không chỉ cố sống cho sung sướng đời mình mà phải sống vì tương lai của gia đình, con cháu.

Văn hóa ứng xử trong mối quan hệ ông bà -con cháu là mối quan hệ có tính chất tiếp nối về huyết thống. Bên cạnh sự thương yêu, kỳ vọng, những khác biệt về tuổi tác, quan niệm sống, đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi tạo nên giữa thế hệ ông bà với thế hệ cháu có những khác biệt nhất định. Hoàn cảnh sống cũng tác động đối với quan hệ ông bà và cháu. Xu hướng tách hộ, hình thành gia đình hạt nhân ngày càng mạnh và ông bà thường ở riêng nên ít tiếp cận với con cháu. Điều này làm hạn chế sự chăm sóc về tinh thần, hỗ trợ giáo dục lớp con cháu của ông bà. Ngược lại, sự chăm sóc đối với ông bà của con cháu, đặc biệt là sự nâng đỡ về tinh thần cũng hạn chế. Về đạo lý, việc chăm sóc phụng dưỡng ông bà, cha mẹ là bổn phận, trách nhiệm của con cháu. Những điều lưu ý về ứng xử của cháu đối với ông bà: tôn trọng, có thái độ đúng mực, lễ phép, kính trọng, biết ơn đối với ông bà; thăm viếng, chăm sóc, hỏi han, thông báo về sự tiến bộ của bản thân mình để tạo niềm vui, sự hãnh diện cho ông bà. Trực tiếp tham gia chăm sóc ông bà khi ốm đau, bệnh tật. Đối với cháu đã thành niên, lập gia đình phải đưa cháu chắt đến thăm các cụ, để ông bà được vui mừng khi biết rằng con cháu ổn định, ăn nên làm ra nhờ phúc đức tổ tiên, mà ông bà an lòng vui sống.

Tục ngữ Lào có câu “Yêu con bằng mười thương cháu bằng vạn”. Trong gia đình truyền thống Lào tại huyện Xay, tỉnh Oudomxay có những mẫu ông bà hàng ngày chăm sóc và vui chơi cùng cháu lúc tuổi già. Ông bà là nguồn kinh nghiệm, có quyền uy với con cháu, nhất là ông, có nhiều tài năng, kinh nghiệm, muốn con cháu phụ thuộc vào mình, còn mình thì sẵn sàng giúp đỡ, khuyên nhủ, gửi gắm bạn bè, chỗ quen biết để tương lai con cháu khá hơn. Ông bà rất nguyên tắc, đòi hỏi ở con cháu một tinh thần tự lập, lòng lương thiện danh dự, và ý thức trách nhiệm. Ông bà được gặp các cháu trong những ngày quan trọng như tốt nghiệp ra trường, sinh nhật, để chung vui, chúc mừng. Ông bà còn thay thế cho

cha mẹ hoặc lãnh một phần lớn trách nhiệm trong việc nuôi nấng, dạy dỗ các cháu...

2.5. Khuôn mẫu ứng xử giữa họ hàng

Ngoài mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình người Lào cũng rất coi trọng mối quan hệ giữa gia đình và anh em họ hàng, coi trọng sự đối xử trên tinh thần của những người cùng máu mủ, họ ý thức gia đình mạnh thì dòng họ mới mạnh. Văn hóa gia đình truyền thống của người Lào có rất nhiều nghi lễ được tổ chức tại nhà, trong đó nổi bật là lễ “Su Khoăn” (buộc chỉ cổ tay), khi nào có người trong gia đình khỏi ốm đau, có người được thăng chức, thành viên trong gia đình sẽ đi công tác xa lâu ngày hoặc đi học xa nhà, cưới xin ... hay gia đình có họp mặt đều tổ chức lễ “Su khoăn” (buộc chỉ cổ tay) tại nhà. Đây là một tục lệ mang nhiều ý nghĩa sâu sắc, là dịp quy tụ anh em họ hàng và con cháu trong họ tộc có dịp trao đổi, giao lưu với nhau thường xuyên hơn. Người Lào xưa nói “Viên ngọc 3 năm không lau thì sẽ biến thành sỏi đá, họ hàng 3 năm không thăm hỏi trở thành người khác”. Ý nghĩa nhắc chúng ta rằng họ hàng cần có sự quan tâm đến nhau, không kể lúc vui buồn hay có công có việc cũng nên giúp đỡ. Họ hàng mà không thường xuyên thăm hỏi tình hình cuộc sống vật chất hoặc tinh thần, không giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn, qua thời gian sự gấn bó, tình cảm sẽ giảm dần cuối cùng mối quan hệ này cũng sẽ biến thành người xa lạ với anh em họ hàng. Sự đoàn kết trong gia đình và dòng họ là yếu tố dẫn đến sự thành công và tạo uy thế cho họ tộc, tục ngữ Lào có câu “Rào nhiều cột mới vững họ hàng nhiều thế hệ mới tốt”. Dòng họ nào đông thành viên và có sự đoàn kết là sức mạnh lớn để phát triển kinh tế, vì xã hội truyền thống chủ yếu làm nông-lâm nghiệp nên rất cần nhiều sức lao động. Họ đông thành viên còn thể hiện sức khỏe sinh sản và sự chăm sóc, giáo dục con cái, hướng nghề cho con cháu đảm bảo được cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Trong khi thực hiện điều tra tại bản Thiêu, NCS đã phỏng vấn anh Som Văng Indara, 35 tuổi, bản Thiêu, huyện Xay, tỉnh Oudomxay, anh cho biết:

Gia đình tôi thuộc dòng họ lớn ở trong bản này, tính cả ông bà, con cháu thì có hơn 10 nhà, chúng tôi thường gặp nhau khi cần bàn các công việc của dòng họ, như là tổ chức cúng và dâng đồ lễ vật cho người đã khuất (thường tổ chức vào tháng 3 dương lịch hàng năm tại chùa trong bản với qui mô khá lớn), tổ chức đám cưới cho các cháu...Khi đến mùa cấy lúa chúng tôi cũng góp sức giúp nhau làm cho nhanh, nếu chậm sẽ không kịp vụ mùa. Ngày năm mới thì chúng tôi thường tổ chức lễ buộc chỉ cổ tay chúc phúc cho nhau.

Trong các mối quan hệ trong họ tộc không phải lúc nào cũng có sự đoàn kết, có những trường hợp vì lý do nào đó làm cho anh em họ hàng không thể xích lại gần nhau như tục ngữ “Họ hàng không trọng nhau đừng thăm hỏi, thăm các cụ già tốt hơn, bạn bè không tôn trọng đừng qua lại” thì việc qua lại thăm hỏi nếu không được tôn trọng thì nó chẳng còn ý nghĩa gì đối với mối quan hệ như vậy.

Ngoài ra, người Lào cũng rất coi trọng nguyên tắc sống tình nghĩa, quan tâm tình làng nghĩa xóm “Anh em ở xa không bằng hàng xóm”. Không chỉ gần nhau về không gian sinh hoạt mà còn do đặc điểm sản xuất nông nghiệp, nên các gia đình đã tự nhiên xích lại gần nhau. Bản làng từ đó mà hình thành rồi sau này, làng trở thành các đơn vị hành chính.

2.6. Khuôn mẫu ứng xử giữa người sống với người chết

Người Lào có rất nhiều phong tục, tập quán được hình thành trong quá trình lịch sử. Những phong tục, tập quán này từ lâu đã trở thành lệ làng và được mọi người tự giác thực hiện. Một trong những phong tục tiêu biểu của người Lào là các nghi lễ trong đám tang, thể hiện rõ ứng xử giữa người sống với người chết, cũng cần phải đi kèm qua những nghi lễ được tổ chức trong đám tang.

2.6.1. Nghi lễ trong đám tang của người Lào ở huyện Xay

*** Nghi lễ thực hiện trước khi chết**

Khi trong nhà có người ốm nặng và đang hấp hối thì thành viên trong gia đình gọi con cháu họ hàng, xóm giềng nhanh chóng soạn mâm lễ đơn giản (có gạo, nến, hương, hoa) để người sắp vĩnh biệt kiếp này làm lễ cầu Phật lần cuối

cùng trong đời. Có địa phương, con cháu mang hương hoa đến lễ và nhận mọi tội lỗi mà mình đã gây ra đối với người sắp qua đời. Người Lào cho rằng việc làm ấy sẽ khiến cho người đang hấp hối tự tin hơn ở cuộc sống kiếp sau và khi chết sẽ góp phần đem lại sự bình yên, phúc lộc và may mắn cho các thành viên trong gia đình.

*** Lễ khâm liệm**

Trong nhà có người thân mới tắt thở, con cháu báo tin ngay cho họ hàng gần xa. Tuy đau thương nhưng người Lào không khóc lóc thảm thiết mà thường nén lòng chịu đựng, chỉ có người thân: con cái, anh, em ruột, vợ, chồng của người chết ngồi xung quanh người chết khóc thể hiện sự thương nhớ, đau buồn, mất mát. Còn họ hàng gần xa đến viếng thì chỉ khóc lúc xem mặt. Chủ tang lễ là người thân trong gia đình, anh em thân thiết hoặc một thầy pháp có uy tín trong bản. Khi anh em, bà con đến đầy đủ, người thân bắt đầu tắm cho người chết bằng nước nóng hay nước lạnh. Một số địa phương có tục tắm bằng cả nước nóng lẫn nước lạnh, sau đó rửa lại bằng nước thơm (trước kia thường là nước được ngâm các loại hoa). Con cháu thường dùng nước dừa non để rửa mặt cho người chết nếu đó là ông bà, cha mẹ. Những gia đình quyền quý còn có tục dùng giấy in dấu tay, chân để thờ cúng. Tắm rửa xong, người thân lấy một cái lược mới, bẻ gãy rồi chải đầu, một mái tóc chải ngược về phía sau, một mái chải xuôi về phía trước. Chải xong, chiếc lược đó phải đem vứt bỏ, người sống kị không được dùng. Về khâm liệm, nếu mặc quần áo cho người chết thì phải mặc hai bộ, bộ bên trong lộn trái, bộ bên ngoài mặc bình thường. Nếu liệm bằng vải thì phải dùng vải trắng cũng quần hai lớp, lớp bên trong, đuôi vải liệm gài phía trước bụng người chết và lớp bên ngoài, đuôi vải liệm gài phía sau lưng. Những tục trên, theo người Lào là thể hiện tính kế tục giữa cái chết và sự sống.

Khâm liệm xong, thi hài được đặt lên giường, chân tay duỗi thẳng. Con cháu lấy hương hoa để trong cái đĩa hoặc đặt lên một cái gối để bên cạnh rồi lấy nước thơm vẩy lên thi hài. Sau khi vẩy nước thơm, người thân lấy đồng tiền được mài sáng cho vào miệng người chết. Nhiều vùng ở Lào thường dùng đồng

hào bằng bạc với ý nghĩa để người chết tiêu pha trên đường chuyển sang kiếp khác. Gia đình giàu sang thường dùng vàng sống để làm lễ này. Nếu người lúc sống nghiện trầu cau thì khi chết con cháu giã trầu cau cho vào miệng. Tiếp đó, người thân cầu khẩn và lấy chỉ trắng buộc một vòng vào cổ, hai tay, hai chân người chết rồi thắt ba nút. Người Lào kỵ không cắt chỉ thừa sau khi buộc. Sau đó người thân dùng sáp ong gắn mắt, mũi, miệng, hai lỗ tai người chết. Tục đồ sáp ong gắn liền với niềm tin là làm cho người chết được thanh thản khi chuyển sang kiếp khác, rũ bỏ mọi vấn vương của kiếp trước và dù muốn cũng không thể quay lại kiếp cũ vì đã mất hết cảm giác, không nghe, không thấy, không biết đường cũ quay về. Ngoài ra, tục buộc chỉ còn xuất phát từ quan niệm cho rằng cuộc đời mỗi con người đều bị ràng buộc bởi ba điều là vợ, con và của cải. Tục ngữ Lào đã đúc kết: “Quý con như dây buộc cổ, quý vợ như dợ buộc tay, quý của cải như vòng trói chân”.

Ở Lào, người chết dù chôn hay thiêu cũng đều dùng áo quan. Áo quan thường là thân cây gỗ đục hoặc bằng gỗ ghép. Dưới áo quan thường được lót lá chuối khô, thuốc lá sợi, gạo rang hoặc lá ớt sấy khô. Một số địa phương còn có tục làm một chiếc cầu thang nhỏ có ba bậc để trong quan tài với ý nghĩa giúp người chết lên xuống được dễ dàng. Đến ngày giờ đẹp đã chọn trước, con cháu tập trung đông đủ, sau khi các nhà sư tụng kinh, người chết được đặt vào áo quan rồi dùng nhựa cây gắn nhiều lớp thật kín và được để trong nhà từ ba đến bảy ngày. Con cháu, người thân thay nhau túc trực bên quan tài. Ở hai đầu quan tài thường xuyên thắp nến hoặc đèn dầu. Hàng ngày, đến bữa ăn, con cháu đem cơm, thức ăn, thậm chí thuốc lá, trầu cau đặt trên quan tài để cúng. Trong thời gian để quan tài trong nhà, hàng ngày đến giờ quy định, con cháu mời sư sãi đến tụng kinh cầu nguyện và tổ chức dâng cơm cho sư. Số lượng sư tùy theo khả năng, yêu cầu của mỗi gia đình, nhưng trong một đám tang, thường ít nhất cũng có năm nhà sư đến tụng kinh cầu nguyện cho linh hồn người chết được siêu thoát.

Người Lào rất xem trọng hướng đặt thi hài. Trước đây người Lào thường ở nhà sàn, là ngôi nhà truyền thống, có mặt bằng sàn hình chữ nhật. Trên sàn có

nhiều thanh ván gỗ ghép lại gọi là thanh lát sàn. Những thanh này thường nằm theo chiều ngang hình chữ nhật của sàn nhà. Ngay sau khi tắt thở, dù chưa nhập quan, hay khi đã nhập quan thì người chết luôn được đặt nằm theo chiều dọc của sàn nhà, nghĩa là nằm vuông góc với các thanh lát sàn. Người Lào kiêng không đặt người chết nằm cùng chiều với giát sàn nhà vì đó là chiều nằm của người sống. Sau này, khi có nhiều người Lào ở nhà xây thì tục kiêng kị trên được thay đổi. Người chết, nếu trong nhà xây thì được đặt nằm, đầu theo hướng Tây, chân theo hướng Đông. Tuy vậy, tục này không được thực hiện nghiêm ngặt. Không ít gia đình người Lào ở nhà xây, khi có người chết, chỉ quan tâm đến việc đặt thi hài sao cho thuận tiện lúc chuyển cữu chứ không quan tâm đến hướng Tây hay Đông. Khi có tang, người Lào thường ngăn nhà: phòng đặt quan tài để bà con xóm giềng, bè bạn đến phúng viếng gọi là **“huon đi”** (nhà tang); phòng kê bên là nơi ăn uống, ngâm vịnh thơ ca, đọc (hoặc kể) truyện dân gian, đánh bài, vui chơi thâu đêm để động viên, an ủi, mừng cho gia chủ có người được siêu thoát, đưa tiễn một thành viên trong bản làng chuyển sang kiếp khác tốt đẹp hơn. Từ lúc trong nhà có người chết cho đến khi chuyển quan tài ra nơi hỏa táng, phòng này dường như không bao giờ thiếu không khí tươi vui rộn ràng. Bởi vậy cho nên ở Lào, người đi dự tang lễ không chỉ tỏ thái độ buồn đau, thương cảm mà sau khi vào viếng và chia sẻ tình cảm cùng tang gia, còn sang phòng bên để hòa nhập cùng bà con ăn uống, hát ca. Việc tổ chức tang lễ lớn hay nhỏ tùy theo khả năng kinh tế của từng gia đình: nhà khá giả có khả năng tổ chức ăn uống linh đình thì có thể để quan tài trong bảy ngày; gia đình nghèo thì thường chỉ để trong hai ba ngày là đem hỏa táng. Để minh chứng thêm, kết quả điều tra tại ba bản cho thấy 99% số phiếu trả lời đều cho rằng họ vẫn tổ chức lễ khâm liệm theo truyền thống [Phụ lục 5].

*** Lễ đưa tang và hỏa táng**

Trong nhiều lần tham dự lễ đưa tang và hỏa táng tại quê hương chính là bản Done Keo và gần đây nhất NCS đã tham dự lễ hỏa táng tại bản Long Ya và rút ra được những nét truyền thống trong tang lễ của người Lào nơi đây vẫn luôn

giữ gìn được các phong tục từ xa xưa. Sau mấy ngày, anh em, bà con xóm giềng đến viếng người qua đời, chia buồn cùng tang gia và dự vui chơi, người thân chuẩn bị đưa tang. Đây là nghi lễ quan trọng nhất của đám tang. Ngoài con cháu họ hàng còn có tăng lữ và xóm giềng đến dự. Nếu ông bà, cha mẹ qua đời thì thông thường con trai, cháu trai từ bảy tuổi trở lên sẽ cạo đầu đi tu năm bảy ngày hay một tháng. Theo quan niệm của người Lào, con cháu đi tu là để dẫn linh hồn người đã khuất lên thiên đàng. Con gái, cháu gái hoặc con trai không có điều kiện đi tu thì mặc áo váy màu trắng. Con cháu đi tu càng đông thì càng tích được nhiều phúc đức cho người đã khuất. Bà con, họ hàng gần, khi đi đưa tang cũng mặc quần áo trắng.

Trước kia ở nông thôn có tục người chết ở buồng nào thì đặt quan tài ở buồng ấy. Khi chuyển quan tài ra khỏi nhà, phải dỡ liếp hay ván thung, tránh khiêng qua kèo nhà. Người Lào cho rằng, khiêng quan tài qua kèo nhà sẽ ảnh hưởng xấu đến đời sống, lao động sản xuất của con cháu. Tục kiêng kỵ này ngày càng giảm dần và ngày nay hầu như không còn nữa.

Trước khi đưa quan tài ra nơi hỏa táng, người thân mời sư tụng đến tụng kinh, mời thầy pháp đến nhà làm phép đuổi ma tà, bệnh tật. Gia chủ vẩy nước phép từ chỗ đặt quan tài ra đến hiên đầu cầu thang, ném các khăn lau bản lên bàn ghế, đổ hết nước trong các chum vại rồi úp miệng xuống đất. Sư tụng kinh xong, con cháu tắt tắt cả đèn nến đang cháy trên quan tài, sau đó thắp lại. Theo người Lào, tục này tượng trưng cho việc chấm dứt cuộc đời của một kiếp và sự sống của một kiếp mới sẽ bắt đầu. Để chuẩn bị chuyển quan tài ra khỏi nhà, con cháu, người thân lần lượt đến vái lễ một lần nữa. Bạn bè, xóm giềng tập trung ở chân cầu thang, chờ tiễn đưa người đã khuất ra nơi hỏa táng. Đi đưa đám ma, người Lào thường mang theo hương, hoa, bó củi, cà - bong, dầu hôi... Khi quan tài được chuyển xuống dưới đất, gia chủ liền đảo cầu thang, mặt trong chuyển ra ngoài và lấy một cành cây có gai buộc vào chân cầu thang trong bảy ngày. Ở cửa ra vào, gia chủ cũng dặt hai cành cây nhỏ cài vào nhau và khi khiêng quan tài ra

khỏi nhà mới tháo bỏ. Tục này có ý nghĩa ngăn chặn không cho ma quỷ lên nhà quấy rầy, đồng thời để người chết không thể quay trở lại mà phải chuyển sang một kiếp khác.

Một tục lệ quan trọng không thể thiếu là con cháu đi tu cho người qua đời sẽ dẫn linh hồn và dẫn đường đưa người chết ra nơi thiêu. Con cháu đi tu trong bộ quần áo màu vàng giống như sư sãi, một tay cầm dây vải trắng, đi trước, một đầu dây buộc vào quan tài, tay kia cầm đồ lễ (gồm cây chuối non, nến, hương hoa...); hai bên vai: một bên đeo kiếm với ý nghĩa dẹp đường cho linh hồn người chết, bên kia đeo túi đồ với ý nghĩa để cho linh hồn người chết mang theo sang thế giới bên kia, sẽ dùng.

Ở nông thôn, người Lào thường khiêng quan tài từ nhà ra nơi hỏa táng hay chôn cất. Ở đô thị có thể dùng xe do người đẩy hoặc xe hơi. Dù bằng phương tiện nào, người Lào cũng luôn chú ý để chân ra phía trước. Nếu khiêng thì ky không được đổi vai hoặc dừng chân ở dọc đường. Thông thường bà con xóm giềng ghé vai khiêng một mạch, từ nhà ra địa điểm hỏa táng. Dẫn đầu đám tang là các nhà sư tay cầm sợi chỉ trắng nối liền với quan tài. Tiếp sau là con cháu tay nắm vào sợi dây để cùng dẫn người đã khuất ra nơi hỏa táng. Xóm giềng, bạn bè đi sau quan tài. Đám tang từ nhà ra bãi tha ma, con cháu thường không khóc lóc than vãn mà chỉ sụt sùi để còn lắng nghe các nhà sư tụng kinh cầu nguyện. Khi đưa tang, người Lào có rắc gạo, rắc bông, đồng thời rải các cành cây dọc đường hoặc bẻ gãy các cành cây trên đường đi để rải.

Chọn vị trí chôn cất hay hỏa táng ở bãi tha ma, người Lào thường dùng một nắm xôi hay quả trứng tung lên, nếu rơi xuống chỗ nào thì chọn chỗ ấy làm nơi hỏa táng hay chôn cất với quan niệm thần chủ chỗ đất ấy đã chấp nhận. Trước ngày hỏa táng, con cháu, họ hàng vào rừng chặt củi chất thành đống lớn, bốn góc đóng bốn cái cột gọi là **“Koong phon”**[Xem ảnh 20]. Trước khi đặt quan tài lên giàn thiêu, quan tài được khiêng đi quanh ba vòng từ trái qua phải. Có địa phương còn có tục lấy đòn khiêng gõ vào quan tài ba lần trước lúc đặt lên giàn thiêu. Để

giữ cho quan tài không bị đổ xuống lúc hỏa thiêu, người ta dùng hai cái cột lớn, dài chôn sâu dưới đất để nẹp hai bên quan tài gọi là “mạ khôm hêng”.

Mở đầu lễ hỏa táng, các nhà sư đọc kinh cầu nguyện, vẩy nước phép rồi tháo sợi chỉ trắng buộc quan tài. Vải vóc, áo quần để trên quan tài cũng được bỏ ra. Con cháu, bà con xóm giềng dự lễ đều kính cẩn chấp tay trước ngực nghe nhà sư tụng kinh. Chủ tang lễ, một tay đặt xuống trước ngực, một tay cầm bình nước phép giở xuống đất để dâng phúc đức cho người chết. Đây là nghi lễ có không khí trang nghiêm nhất trong các bước tổ chức đám tang ở Lào. Trước lúc vị sư châm môi lửa vào giàn thiêu, chủ tang lễ cho tung tiền bố thí (đó là những quả “mạc khự”- giống quả chấp dùng để gội đầu nhưng vỏ xù xì - những bẹ chuối cắt nhỏ thành hình thù khác nhau, bên trong nhét tiền). Trẻ em, cả người lớn đi dự đám tang đều xông vào nhặt. Họ tranh giành, xô đẩy nhau, tạo không khí hết sức ồn ào náo nhiệt. Vào lúc này, những gia đình khá giả thường làm lễ dâng tiền bạc, vải vóc cho các nhà sư dự tang lễ và tổ chức tung tiền bố thí suốt từ nhà ra nơi hỏa táng. Khi ngọn lửa trên giàn thiêu bốc cháy, những người đi dự đều góp thêm lửa nhưng không được châm lửa của nhau. Họ tự đánh diêm hoặc tự châm từ một đồng lửa đã đốt sẵn ở bên ngoài. Lễ hỏa táng kết thúc sau khi củi đã cháy hết và ngọn lửa đã tắt.

Khi về nhà, con cháu thường tắm rửa, gội đầu, hơ lửa để xua đuổi tà khí hay làm lễ buộc chỉ cổ tay. Có gia đình thỉnh sư sãi đến đọc kinh cầu nguyện cho gia chủ bớt nỗi nhớ thương, tránh mọi ốm đau, bệnh tật, ma quỷ quấy rầy. Tục thiêu xác trở thành phổ biến ở Lào đối với người chết bình thường (chết “lành”) nhưng không phải ngày nào cũng có thể làm lễ hỏa táng. Xưa nay người Lào không làm lễ hỏa táng vào các ngày kiêng kỵ (ngày ba mươi và mùng một) hoặc vào ngày thứ ba trong tuần. Theo người Lào, hỏa thiêu vào những ngày ấy sẽ ảnh hưởng không tốt đến con cháu. Ngày giờ thiêu thường do các già làng hoặc thầy pháp tính toán, quyết định. Ba ngày sau khi thiêu xác, người thân mời bà con, xóm giềng và các nhà sư ra làm lễ nhặt xương. Cùng với tiểu đất nung, nước rửa

xương, tang gia còn chuẩn bị cơm nước, bánh trái để cúng hồn người chết. Chủ tang lễ khẩn báo cho linh hồn người chết rằng ngày mai con cháu sẽ làm lễ “khậu chęc” (lễ mời linh hồn về dự trước khi đi đầu thai sang kiếp khác). Khẩn xong, những người thân nhậ xương xếp thành hình người nằm quay đầu về hướng Tây, các nhà sư đọc kinh để tiễn linh hồn. Sau đó, người thân lại xếp bộ xương thành hình người nằm quay đầu về hướng Đông, tượng trưng cho sự sống trong kiếp sau của người chết, các nhà sư lại tiếp tục đọc kinh. Tang lễ kết thúc sau khi các nhà sư tụng kinh cầu nguyện xong. Con cháu gặt than, tro xuống một cái hố gần nhất để chôn. Cốt của ông bà hay cha mẹ được rửa sạch cho vào tiểu sành đem về chùa chôn và có thể dựng một tháp nhỏ [Xem ảnh 21] ở trên. Vào những ngày kiêng kỵ hoặc lễ hội, mỗi khi lên chùa nghe tụng kinh, niệm Phật, người thân thường ghé qua phần mộ này để đặt hoa, thắp nhang tưởng nhớ người đã khuất.

Ngày nay cùng với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, mặt bằng dân trí ngày càng được nâng cao, đặc biệt thế hệ trẻ có điều kiện học tập, tiếp cận khoa học, kỹ thuật, dù còn nhiều tồn tại những nếp nghĩ, thói quen của tập tục cũ, việc tổ chức tang lễ ở Lào đã có xu hướng tiến bộ rõ rệt, những hủ tục rườm rà tồn kém bị giảm dần, những tục lệ tốt đẹp được kế thừa và phát huy.

Theo kết quả điều tra về phong tục trong tổ chức tang ma tại địa bàn nghiên cứu cho chúng tôi biết rằng 100% những người được hỏi đều trả lời rằng họ vẫn giữ phong tục truyền thống trong đám tang là hỏa thiêu người đã khuất là một phong tục tốt đẹp [Phụ lục 5].

2.6.2. Thờ cúng tổ tiên

Xuất phát từ nhận thức về công cha nghĩa mẹ, hướng về cội nguồn, trong tục ngữ Lào có câu “công cha như núi cao, nghĩa mẹ như trời và đất”. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là một hiện tượng xã hội xuất hiện từ xa xưa và tồn tại ở nhiều cộng đồng trên thế giới và trong đó có cộng đồng dân tộc Lào nói chung và dân tộc Lào ở huyện Xay tỉnh Oudomxay nói riêng. Đến nay, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của nhiều tộc

người, quốc gia dân tộc. Ở Lào đã và đang dung dưỡng một đời sống tâm linh dân gian rất đa dạng, nhưng tiêu biểu vẫn là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Tín ngưỡng này trải dài qua các thời kỳ lịch sử, tồn tại ở nhiều cộng đồng trong đất nước Lào. Xuất phát từ nỗi lo lắng trước cuộc sống vốn không ít rủi ro, bất hạnh, sa cơ, lỡ vận, bệnh tật hiểm nghèo... Con người có nhu cầu được che chở, giúp đỡ bởi các lực lượng siêu nhiên, trong đó có linh hồn tổ tiên. Người Lào tin rằng, tổ tiên sau khi rời khỏi thế giới hiện hữu sẽ trở thành vị thần che chở, bảo vệ gia đình của họ, giúp con cháu gặp nhiều may mắn và tránh được rủi ro. Do vậy, cần phải thờ phụng tổ tiên một cách cẩn trọng, chu đáo. Cùng với quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ngày càng phát triển, được củng cố bền vững do chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi Phật giáo. Cũng giống với các tín ngưỡng dân gian khác, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc những quan niệm của Phật giáo về tổ tiên. Nói cách khác, Phật giáo cũng ảnh hưởng nhiều đến nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Lào. Đặc biệt là, các nghi lễ trong tang chế và nghi thức thờ cúng trong dịp tết năm mới của Lào hay còn gọi là lễ hội **“Té nước”** (Bun Pi May), ý nghĩa đầu tiên và là nguyên nhân chính góp phần hình thành nên lễ hội Té nước, đó chính là bắt đầu từ câu chuyện ngày xưa ngày xưa có một ông vua rất tinh thông và biết nhiều phép màu, ông có 7 đứa con gái, sau khi ông vua ra đi thì ông đã dặn những đứa con của mình rằng: “sau khi bố mất, các con không được thả đầu bố xuống sông vì nước sẽ cạn, không được tung đầu bố lên trời vì sẽ không có mưa, không được chôn xuống đất vì sẽ làm cháy hết cả rừng, các con hãy để đầu bố ở trên đỉnh núi cao và mỗi ngày các con hãy thay phiên nhau lên tưới nước vào đầu bố thì đất nước mới yên bình”. Từ đó đến nay hằng năm nhân dân Lào vẫn tổ chức lễ hội “Té nước” truyền thống và cầu mong giữ sự yên bình cho muôn dân. Ảnh hưởng của Phật giáo đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn thể hiện trong các bài văn khấn cúng tổ tiên của người Lào. Có thể thấy, Phật giáo rất coi trọng tình cảm biết ơn của con cháu đối với tổ tiên, nhất là các đấng sinh thành và khuyến khích con cháu thể hiện tình

cảm đó qua việc thờ phụng. Quan niệm này rất phù hợp với đạo đức truyền thống của người Lào, nên Phật giáo nhanh chóng dung hợp được với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và có ảnh hưởng đến tín ngưỡng này ngày một sâu sắc.

Tháng 9 hàng năm là ngày hội “Khau Pạ Đắp Đin” (lễ cúng vong hồn người đã khuất), là cái tết gắn liền với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Lào. Đây là ngày lễ báo hiếu cha mẹ, là ngày xá tội vong nhân, cúng tế cô hồn, trong ngày này, người dân bản làng dâng các vật phẩm lên chùa để cúng cho linh hồn tổ tiên tại chùa thông qua sự hành lễ của nhà sư để những vật phẩm cúng có thể đến được với người đã mất với mục đích cầu xin cho linh hồn người chết thoát khỏi địa ngục, siêu thoát, về đến cõi cực lạc. Người Lào không có khu mộ riêng mà chỉ có khu rừng gọi là “pa sa hoặc pa heo” (khu rừng tổ chức hỏa thiêu). Mỗi người Lào khi ra đi đều hỏa thiêu và chôn cất tro hài cốt vĩnh viễn tại tháp nhỏ (mộ) [Xem ảnh 21] được xây xung quanh ngôi chùa của bản. Khi người nhà muốn cúng cho tổ tiên thì cũng đều lên hành lễ ở chùa và tại chính ngôi tháp nhỏ chứa hài cốt của tổ tiên. Hằng năm, người Lào có nhiều dịp thực hiện nghi lễ thờ cúng tổ tiên. Ngoài việc thờ cúng vào ngày lễ “Khau Pạ Đắp Đin” theo truyền thống, thì người Lào còn thường xuyên thờ cúng tổ tiên vào ngày rằm, ngày 30 Phật lịch theo truyền thống Phật giáo. Người Lào quan niệm rằng chỉ có thông qua nhà sư có tâm đức thì các vật phẩm cúng lễ và các điều cầu mong của con cháu dành cho các tổ tiên mới đến được thế giới trên thiên đường, việc thực hành nghi lễ chỉ có thể diễn ra tại chùa, cầu cho linh hồn tổ tiên được siêu thoát và sang đầu thai ở kiếp sau. Sự ảnh hưởng của Phật giáo đến thờ cúng tổ tiên trong tất cả những dịp này được thể hiện trong các bài văn khấn. Mở đầu bài văn khấn, chủ thể tiến hành nghi lễ thờ cúng thường đọc: “Na mô ta xa” (Nam mô A di đà phật) Kính lạy tổ tiên...”. Qua đó cho thấy, người Lào quan niệm Phật là đáng cứu độ chúng sinh, cứu độ tổ tiên, hướng đường cho tổ tiên về cõi Tây phương cực lạc, cầu mong sự siêu thoát cho tổ tiên và sự độ trì cho con cháu nơi

trần thế. Trong kết quả điều tra có 98.01% những người được hỏi đều thực hiện thờ cúng tổ tiên của mình rất nghiêm túc [Phụ lục 5].

Ông Khăm mẫn ở bản Done Keo cho biết: “Gia đình tôi hay lên chùa vào dịp ngày 30 (ngày mặt trăng tối nhất, nghĩa là trước ngày mồng một), tôi không bao giờ quên ngày này, vì chúng tôi sẽ mang đồ ăn lên chùa nhờ nhà sư làm lễ và mời tổ tiên xuống ăn và nhận đồ cúng của các con cháu, và chúng tôi cầu cho ông bà tổ tiên phù hộ, giúp cho cuộc sống gia đình bình yên”.

Tiểu kết

Trong chương 2 luận án tập trung nghiên cứu một trong ba hợp phần của văn hóa gia đình đó là: chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình của người Lào ở huyện Xay với các nội dung cụ thể: 1/ Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử giữa vợ - chồng; 2/ Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử giữa cha mẹ và con cái; 3/ Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử giữa anh chị em; 4/ Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử giữa ông bà và con cháu; 5/ Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử giữa họ hàng; 6/ Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử của người sống với người chết. Những nguồn tư liệu viết về đám cưới gồm có các quan niệm về hôn nhân, các nghi lễ và phong tục trong tổ chức đám cưới. Có thể nhận thấy sự ảnh hưởng của đạo Phật trong việc nhắc nhở các đôi vợ chồng trẻ cần phải tuân thủ những điều cơ bản về đạo đức được qui định trong ngũ giới (5 điều cấm của Phật tử): 1/ Không được giết hại; 2/ Không được trộm cướp; 3/ Không được tà dâm; 4/ Không được nói sai sự thật; 5/ Không được uống rượu. Tư liệu viết về giáo dục con cái như: giáo dục đạo đức và nhân cách, lối sống và ứng xử, kỹ năng và kinh nghiệm trong lao động sản xuất. Trước đây đào tạo tại chùa là một phần trong hệ thống giáo dục của Lào và ngày nay tại nhiều bản mường ngôi chùa vẫn còn là nơi tham gia đào tạo tích cực cho thế hệ trẻ. Nguồn tư liệu về tang ma trong đó có các nghi lễ như: khâm liệm, đưa tang và hỏa táng, thờ cúng người chết. Trong hầu hết các nghi lễ, từ sinh đẻ, cưới xin cho đến ma chay đều có sự tham gia của các nhà sư. Việc đi tu để dẫn đường cho

linh hồn người chết lên thiên đường, cúng cho ông bà tổ tiên thì phải thực hiện ở chùa.

Để làm rõ 6 chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình, luận án đã dựa vào các nguồn tài liệu khác nhau, trước hết là nguồn tư liệu thành văn của các tác giả người Lào tiêu biểu là bộ qui định ứng xử “*Hít xíp xoong khoong xíp xi*” là một qui định rất phổ biến đã được xã hội Lào hướng tới và tuân theo từ xưa đến nay. Sau đó là các thông tin phỏng vấn hồi cố những người cao tuổi ở ba bản lựa chọn nghiên cứu: bản Done Keo, Thiêu và bản Long Ya. Để làm minh chứng cho nhận định về khuôn mẫu ứng xử là những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ đã được cộng đồng người Lào hướng tới và tuân theo các chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử. Có thể gọi tên một số khuôn mẫu tiêu biểu như sau: *Chồng là viên đá quý vợ là nước phép màu, chồng may vợ thêu; Đã là vợ chồng đừng nói mày tao, hãy xưng anh xưng em mãi mãi cả đời; Công cha như núi cao nghĩa mẹ như trời và đất; Chuột cắn vải thêu mới biết công mào, bé con nhỏ mới nhớ đến công cha mẹ; Mắng họ hàng đau lòng, mắng em đau trái tim; Thương con bằng mười, yêu cháu bằng vạn; Viên ngọc 3 năm không lau thì sẽ biến thành sỏi đá, họ hàng 3 năm không thăm hỏi trở thành người khác.*

Chương 3
VĂN HÓA GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG
CỦA NGƯỜI LÀO Ở HUYỆN XAY TRONG
BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

3.1. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

3.1.1. Toàn cầu hóa

Toàn cầu hoá là một khái niệm xuất hiện khá nhiều trên các phương tiện truyền thông thế giới trong mấy thập niên qua. Cho đến nay, nhân loại thừa nhận rằng toàn cầu hóa trở thành một xu thế khách quan không thể cưỡng lại của lịch sử phát triển nhân loại.

Có rất nhiều cách hiểu khác nhau về nội dung của toàn cầu hóa, điều này phụ thuộc vào góc nhìn, mục đích khai thác khái niệm cũng như cách thức tiếp cận vấn đề của nhà nghiên cứu. Nhìn chung có thể khái quát thành những quan điểm chủ yếu sau: Quan điểm thứ nhất cho rằng toàn cầu hoá là một quá trình có tính nhiều mặt, bao gồm tăng trưởng thương mại quốc tế, các luồng lao động, vốn và công nghệ cũng như sự giao lưu ý tưởng và cách sống... ảnh hưởng của toàn cầu hoá đến vấn đề văn hoá phụ thuộc rất nhiều vào tính chất của các chính sách của các chính phủ đối với quá trình toàn cầu hoá [50, tr.22]. Theo quan điểm thứ hai thì toàn cầu hoá được nói đến trước hết và chủ yếu là toàn cầu hoá kinh tế. Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, xu thế này đang bị một số nước phát triển và một số tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh, vừa tạo ra những cơ hội cho sự phát triển nhưng cũng vừa có những thách thức đối với các quốc gia, nhất là các quốc gia đang ở trình độ kém phát triển. Hay “Toàn cầu hoá là một quá trình mà thông qua đó thị trường và sản xuất ở nhiều nước khác nhau trở nên ngày càng phụ thuộc lẫn nhau do tính năng động của việc buôn bán hàng hoá và dịch vụ cũng như do tính năng động của sự lưu thông vốn tư bản và công nghệ” [9 tr.78]. Cũng có học giả cho rằng toàn cầu hoá hiện nay chỉ là một khái

niệm của một quá trình đã tiếp diễn từ lâu, một sự mở rộng không gian của phương thức kinh tế tư bản đến tận cùng của thế giới [52, tr.565].

Mặc dù được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, với những mục đích khác nhau nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng toàn cầu hoá trước hết là khái niệm dùng để chỉ toàn cầu hoá về kinh tế, sau đó nó tác động ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác. Theo nghĩa rộng, toàn cầu hoá được hiểu là sự giao lưu rộng rãi về kinh tế, chính trị, văn hoá giữa nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên phạm vi toàn thế giới. Có ý kiến còn cực đoan cho rằng toàn cầu hoá là sự nhất thể hoá nền kinh tế thế giới để hình thành một nền kinh tế toàn cầu, hoặc toàn cầu hoá là một vấn đề chung không có ranh giới. Ở một phương diện khác, toàn cầu hoá chính là sự thay đổi sâu sắc trong phạm vi toàn cầu, là quá trình “quốc tế hoá” mọi giá trị nhân loại, bao gồm sự phân công quốc tế, thị trường quốc tế, lưu thông xuyên biên giới về hàng hoá, dịch vụ, công nghệ, tin tức, nhân tài và phân phối tài nguyên... Toàn cầu hoá là một sự thay đổi xã hội, một sự liên thông ngày càng tăng giữa các xã hội và các yếu tố của nó do quá trình đan xen văn hoá kết hợp với sự gia tăng bùng nổ của giao thông và các công nghệ truyền thông góp phần thúc đẩy kinh tế quốc tế và giao lưu văn hoá.

Toàn cầu hoá là sự phụ thuộc qua lại không ngừng giữa các quốc gia và các cá nhân. Toàn cầu hoá là sự hình thành một ngôi làng toàn cầu dưới sự tác động của những tiến bộ trong lĩnh vực tin học và viễn thông. Quan hệ giữa các lĩnh vực trên thế giới ngày càng gần gũi hơn, cộng với sự tăng không ngừng về sự hiểu biết lẫn nhau như tình hữu nghị của các công dân thế giới dẫn đến một nền văn minh toàn cầu.

3.1.2. Hội nhập quốc tế

Hội nhập kinh tế là quá trình gắn kết mang tính thể chế giữa các nền kinh tế lại với nhau, các thị trường chung siêu quốc gia với việc di chuyển tự do các nhân tố kinh tế giữa các nước sẽ tạo ra nhu cầu tự nhiên phải hội nhập sâu hơn,

không chỉ về kinh tế, mà còn cả chính trị. Nhưng từ thực tiễn và lý luận về hội nhập quốc tế trên thế giới, có thể khái quát một số điểm chung nổi bật như sau:

Thứ nhất, hội nhập quốc tế bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, nhưng không giới hạn ở đó, mà có thể diễn ra trên nhiều lĩnh vực. Thực tiễn trên thế giới cho thấy, quá trình hội nhập đã và đang diễn ra trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế đến chính trị, quốc phòng - an ninh, văn hóa - xã hội và các lĩnh vực khác. Về lý luận, từ quan điểm biện chứng mác-xít, quốc tế hóa đời sống kinh tế sẽ dẫn tới quốc tế hóa đời sống trên các mặt khác, hình thành nên những chuẩn mực chung trong đời sống quốc tế trên mọi lĩnh vực.

Thứ hai, hội nhập quốc tế là quá trình không có giới hạn về thời gian. Điều đó có nghĩa hội nhập quốc tế là một quá trình liên tục trong quan hệ hợp tác giữa các nước, có thể đi từ thấp đến cao, từ trạng thái này đến trạng thái khác. Không có quốc gia nào có thể tuyên bố là đã “hoàn thành hội nhập”. Các nước châu Âu là những nước đi đầu trong hội nhập quốc tế, hiện nay vẫn tiếp tục quá trình hội nhập.

Thứ ba, hội nhập quốc tế không chỉ diễn ra thông qua việc tham gia các cơ chế hợp tác đa phương mà còn trên nhiều bình diện. Về bản chất, hợp tác song phương, nếu dựa trên cơ sở các luật lệ và chuẩn mực chung thì cũng có đầy đủ tính chất của hội nhập quốc tế. Thậm chí, một số xu hướng phân tích gần đây còn mở rộng khái niệm hội nhập sang cả cấp độ quốc gia, tức là quá trình hội nhập bên trong của mỗi nước. Tuy nhiên, hội nhập bên trong nên được coi là một trong những “yếu tố nền tảng” với các chính sách đối nội và những biện pháp mà các nước tiến hành để thực hiện hội nhập quốc tế.

Thứ tư, bản chất của hội nhập quốc tế là quá trình xây dựng và áp dụng các luật lệ và chuẩn mực chung. Đây chính là đặc điểm phân biệt hội nhập quốc tế với các hoạt động hợp tác quốc tế khác, như trao đổi, tham vấn, phối hợp chính sách... Nói cách khác, hội nhập là một hình thức hợp tác quốc tế ở trình độ cao, gắn với luật lệ và chuẩn mực chung giữa các nước.

Hội nhập kinh tế quốc tế

Đây là quá trình gắn kết các nền kinh tế của từng nước với kinh tế khu vực và thế giới thông qua các nỗ lực tự do hóa và mở cửa nền kinh tế theo những hình thức khác nhau, từ đơn phương đến song phương, tiểu khu vực/vùng, khu vực, liên khu vực và toàn cầu. Hội nhập kinh tế có thể diễn ra theo nhiều mức độ. Theo một số nhà kinh tế, tiến trình hội nhập kinh tế được chia thành năm mô hình cơ bản từ thấp đến cao như sau:

Thỏa thuận thương mại ưu đãi (PTA): Các nước thành viên dành cho nhau các ưu đãi thương mại trên cơ sở cắt giảm thuế quan, nhưng còn hạn chế về phạm vi (số lượng các mặt hàng đưa vào diện cắt giảm thuế quan) và mức độ cắt giảm. Hiệp định PTA của ASEAN (1977), Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ (2001), Hiệp định GATT (1947 và 1994) là các ví dụ cụ thể của mô hình liên kết kinh tế ở giai đoạn thấp nhất.

Khu vực mậu dịch tự do (FTA): Các thành viên phải thực hiện việc cắt giảm và loại bỏ các hàng rào thuế quan và các hạn chế về định lượng (có thể bao gồm cả việc giảm và bỏ một số hàng rào phi thuế quan) trong thương mại hàng hóa nội khối, nhưng vẫn duy trì chính sách thuế quan độc lập đối với các nước ngoài khối. Ví dụ: Khu vực mậu dịch tự do Bắc Âu (EFTA), Khu vực mậu dịch tự do bắc Mỹ (NAFTA), Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA). Những năm gần đây, phần lớn các hiệp định FTA mới có phạm vi lĩnh vực điều tiết rộng hơn nhiều. Ngoài lĩnh vực hàng hóa, các hiệp định này còn có những quy định tự do hóa đối với nhiều lĩnh vực khác như dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, mua sắm chính phủ... Ví dụ: Hiệp định FTA giữa ASEAN với Úc-Niudilân (2009), Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình dương (TPP- đang đàm phán).

Liên minh thuế quan (CU): Các thành viên ngoài việc cắt giảm và loại bỏ thuế quan trong thương mại nội khối còn thống nhất thực hiện chính sách thuế quan chung đối với các nước bên ngoài khối. Ví dụ: Nhóm ANDEAN và Liên minh thuế quan Nga - Bêlarút-Cadăcx-tan.

Thị trường chung (hay thị trường duy nhất): Ngoài việc loại bỏ thuế quan và hàng rào phi quan thuế trong thương mại nội khối và có chính sách thuế quan chung đối với ngoài khối, các thành viên còn phải xóa bỏ các hạn chế đối với việc lưu chuyển của các yếu tố sản xuất khác (vốn, lao động...) để tạo thành một nền sản xuất chung của cả khối. Ví dụ: Liên minh châu Âu đã trải qua giai đoạn xây dựng thị trường duy nhất (Thị trường chung châu Âu) trước khi trở thành một liên minh kinh tế.

Liên minh kinh tế-tiền tệ: Là mô hình hội nhập kinh tế ở giai đoạn cao nhất dựa trên cơ sở một thị trường chung/duy nhất cộng thêm với việc thực hiện chính sách kinh tế và tiền tệ chung (một đồng tiền chung, ngân hàng trung ương thống nhất của khối). Ví dụ: EU hiện nay.

Một nước có thể đồng thời tham gia vào nhiều tiến trình hội nhập với tính chất, phạm vi và hình thức khác nhau. Tuy nhiên, về cơ bản phải trải qua các bước hội nhập từ thấp đến cao, việc đột phá giai đoạn chỉ có thể diễn ra trong những điều kiện đặc thù nhất định mà thôi (chẳng hạn Cộng đồng Kinh tế châu Âu đã đồng thời thực hiện xây dựng khu vực mậu dịch tự do và liên minh thuế quan trong những thập niên 60-70). Hội nhập kinh tế là nền tảng hết sức quan trọng cho sự tồn tại bền vững của hội nhập trong các lĩnh vực khác, đặc biệt là hội nhập về chính trị và nhìn chung, được các nước ưu tiên thúc đẩy giống như một đòn bẩy cho hợp tác và phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa.

3.2. Tình hình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay

3.2.1. Tình hình quốc tế

Hiện nay, tình hình quốc tế có nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế nhưng đã có sự tái cơ cấu lại các nền kinh tế và sự vực dậy các nền kinh tế cho nên đã có những sự hợp tác song phương và đa phương tại CHDCND Lào. Thị trường thế giới đối với Lào sẽ phát triển rộng rãi hơn trước, đầu tư từ ODA và đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Lào ngày càng lớn hơn. Cách mạng kỹ thuật

đặc biệt là kỹ thuật thông tin, sinh học phân tử mới phát triển mạnh mẽ đi đôi với phát triển kỹ thuật thế giới là cơ hội cho sự phát triển các mặt trên ở Lào. Sự phát triển kinh tế thế giới tạo điều kiện cho một số nước trong đó có Lào giành lấy lợi thế để phát triển đất nước của mình. Cùng với những điều kiện thuận lợi như trên, Lào cũng phải đối mặt với những thách thức lớn của thời kỳ toàn cầu hóa. Đó là: Sự bắt buộc và sự can thiệp nhiều mặt của các nước đối với một nước lạc hậu như Lào còn là vấn đề bức xúc. Các cuộc chạy đua vũ trang trên thế giới có tác động đến Lào - một nước có nền kinh tế nhỏ lẻ khiến Lào khó vực dậy nền kinh tế.

Việc hợp tác quốc tế, gia nhập hiệp định thương mại tự do, tổ chức thương mại thế giới và các tổ chức quốc tế khác là khả năng thực tế cho cơ sở kinh tế Lào tuy chưa được phát triển đầy đủ nhưng vẫn cần thiết phải gia nhập do vậy việc vực dậy nền kinh tế là điều khó khăn. Việc phát triển mạnh mẽ, vững vàng của đầu tư nước ngoài, sự buôn bán ở vùng này hay vùng khác còn thiếu thốn những mặt hàng này hay mặt hàng khác có lợi cho việc cung cấp hàng của Lào để đạt lợi ích từng vùng khiến cho Lào cũng có quyền lợi. Sự thay đổi chính sách kinh tế của các nước nắm quyền chi phối kinh tế thế giới có ảnh hưởng nhanh đến sự phát triển kinh tế các nước đang phát triển, chưa phát triển (như giá dầu, giá trị đồng tiền mạnh, việc áp dụng thuế đối với nước đang phát triển...).

3.2.2. Tình hình trong nước và huyện Xay, tỉnh Oudomxay

Có một số điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của đất nước Lào thời kỳ toàn cầu hóa đó là đất nước Lào từ khi bước vào thời kỳ đổi mới đã giữ vững được sự ổn định chính trị, xã hội bình yên và ngày càng phát triển. Khả năng và trình độ sản xuất của nền kinh tế đã phát triển một cách chắc chắn. Các xí nghiệp sản xuất đã hòa nhập thị trường thế giới từng bước, sự lớn mạnh của thị trường buôn bán của Lào ngày càng vững chắc. Chính sách đổi mới về kinh tế, việc thực hiện đường lối của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào có kế hoạch đối với các xí nghiệp và các địa phương đã trở thành bài học cho các cơ sở sản xuất. Đường lối

xây dựng nền kinh tế thị trường đã được củng cố và ngày càng tiến bộ. Do điều kiện địa lý và thiên nhiên mà Lào thuận lợi cho phát triển du lịch và đầu tư, thu được nhiều giá trị từ cơ sở hạ tầng. Ngoài ra, việc Lào tham gia các tổ chức chính trị, kinh tế, ngân hàng đã tạo điều kiện tốt cho phát triển đất nước.

Bên cạnh những mặt thuận lợi như vậy, trong thời đại ngày nay, Lào cũng gặp nhiều thách thức. Do Lào vốn là một nền kinh tế nhỏ lẻ, dân cư ít nên rất khó khăn để phát triển nhanh. Ngành tài chính, ngân hàng cũng như cơ sở kinh tế của Lào còn yếu. Các cơ sở kinh tế và xã hội trên cả nước đã phát triển trong nhiều năm nhưng trình độ vẫn thấp, không đáp ứng được sự phát triển như vũ bão của nền kinh tế ngày nay của thế giới. Nền kinh tế của Nhà nước và một số xí nghiệp và các tổ chức khác nhau có khả năng hạn chế, khó tiếp nhận nền kinh tế cao của thế giới khiến cho kinh tế Lào bị chia cắt nhiều mặt. Muốn hòa nhập với thế giới, Lào phải cố gắng không nhỏ để bù đắp cho sự yếu kém trong thời gian trước mắt.

Trong các vấn đề về xã hội, Lào cần có lực lượng mạnh để giải quyết các vấn đề như: nghèo đói, ma túy, nhiều điều trái phong tục, tiền lương đối với cán bộ, chính sách đối với các đối tượng... cần được thực hiện đầy đủ. Các cơ sở kinh tế của Lào có sự cố gắng nhưng nói chung còn nhỏ lẻ, cần có sự đầu tư hơn nữa, nhất là trong lĩnh vực ngân hàng, còn thấp kém, không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu của xã hội [123, tr.37].

Trong những vấn đề được nêu ở trên, cả những thuận lợi và thách thức đối với nền kinh tế cũng như xã hội Lào, nổi bật lên những nhân tố có tác động chính đến sự phát triển của nền văn hóa Lào hiện nay đó là: trước hết là tác động của toàn cầu hóa đối với nền văn hóa Lào mà trong đó có sự tác động của thị trường thế giới, trong đó có những quốc gia lớn với nền kinh tế cực kỳ phát triển đã với tay đến Lào. Mà Lào còn ở trong tình trạng kinh tế khó khăn, đời sống nhân dân còn nghèo nàn, đã bị choáng ngợp bởi một thế giới gần như quá mới mẻ với đầy đủ những nhân tố dễ dụ dỗ con người, đặc biệt là với thanh thiếu niên, những người còn chưa có được những trang bị và vững vàng trong lập

trường quan điểm. Đó là những nguyên nhân chính và trực tiếp khiến cho văn hóa Lào thời kỳ này có nhiều hạn chế trong sự phát triển, thậm chí còn nhiều lệch lạc trong nhận thức của thanh thiếu niên về những vấn đề chính như tôn giáo, phong cách sống cũng như cách ăn mặc và đặc biệt văn hóa tiêu dùng, lối sống hưởng thụ...

NCS đã thực hiện thu thập tài liệu về kinh tế tổng hợp của tỉnh Oudomxay trong những năm gần đây như sau: tổng thu nhập quốc nội (GDP) năm 2014-2015 tăng trưởng ở mức 11%, GDP đạt 3690 tỉ Kip; lĩnh vực nông-lâm nghiệp tăng trưởng 8%; lĩnh vực công thương tăng trưởng 18% và lĩnh vực dịch vụ tăng trưởng ở mức 13%. Ông Mahaxay, phó Giám đốc sở Thông tin - Văn hoá - Du lịch tỉnh Oudomxay cho biết:

Trong mấy năm gần đây kinh tế huyện xay tỉnh Oudomxay tăng trưởng trung bình khoảng 7% một năm, nhưng cấp số nhân thấp nên là giá trị thực của nó không nhiều. Cơ bản sự phát triển kinh tế cũng có những ảnh hưởng nhất định đến cuộc sống gia đình như: sự tham lam của vợ chồng, sự chung thủy giữa vợ chồng, vấn đề nghiện cờ bạc, nghiện ma túy, và vấn đề ly hôn vì những lý do kinh tế. Nhưng tình trạng như vậy cũng chưa nhiều, tôi nhìn thấy 4-5 gia đình, nhìn chung hiện nay kinh tế tốt hơn. Như trước đây họ kiếm ăn từ tự nhiên là chính, hiện nay người dân biết trồng trọt và chăn nuôi, nhưng chưa sản xuất thành sản phẩm thương mại nhiều. Trong lĩnh vực kinh tế ở Oudomxay thể hiện rõ quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế khá rõ. Tại địa bàn này, trong những năm gần đây người Trung Quốc và Việt Nam sang làm ăn, buôn bán tại đây, cụ thể như: xây dựng và kinh doanh khách sạn, nhà hàng và khu chợ buôn bán hàng Trung Quốc...

3.2.2.1. Yếu tố văn hóa và xã hội của huyện Xay

***Trong lĩnh vực văn hóa:** Do tỉnh Oudomxay có đường giao thông nối liền với cửa khẩu Bo Tên (Bo Han Trung Quốc) và cửa khẩu Tây Trang (Việt

Nam), sự xâm nhập để phát triển kinh tế và du nhập văn hóa từ nước láng giềng theo con đường di cư, định cư, thương mại và các hoạt động giao lưu văn hóa, cũng như sự ảnh hưởng của nền văn hóa khác qua hệ thống thông tin truyền thông hiện đại. Các thương gia Trung Quốc sang huyện Xay làm ăn và sản xuất kinh doanh, hộ thành lập khu phố người Trung Quốc gồm có khu trung tâm thương mại, phố ẩm thực, trường học đào tạo song ngữ, bệnh viện, khu vui chơi giải trí, sông bạc và quá trình giao tiếp, giao lưu và tiếp biến văn hóa đang diễn ra tại địa bàn, trong đó có nhiều lối ứng xử không phù hợp văn hóa truyền thống tốt đẹp của người Lào, họ kết hôn với dân tộc Lào, sinh con và định cư tại đây, hiện tượng này ngày càng tăng lên, là một trong những nguyên nhân gây ảnh hưởng đến văn hóa ứng xử trong gia đình truyền thống của người Lào. Người Trung Quốc, Việt Nam định cư ở Oudomxay khá đông, quá trình đó không chỉ diễn ra trong lĩnh vực kinh tế mà ngay trong lĩnh vực văn hóa - sự giao lưu, ảnh hưởng, tiếp biến sẽ diễn ra, tuy nhiên phải trong một thời gian dài chúng ta mới có thể nhận ra được sự ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Còn người Việt Nam cũng có mặt ở đây trong tình hình giáo lưu hội nhập.

***Lĩnh vực xã hội:** Ngành giáo dục và thể thao: công tác giáo dục có sự phát triển tốt, trong tỉnh Oudomxay hiện nay có hệ thống trường học phổ thông 622 trường, trong đó mẫu giáo 47 trường, trường tiểu học 485 trường, phổ thông trung học cơ sở 47 trường và phổ thông trung học 43 trường, có số lượng học sinh 92,530 người, nữ 43,992 người. Giáo dục ngoài hệ thống: tổ chức dạy-học bồi dưỡng cấp phong thông cho nhân dân được 5434 người, nữ 886 người, tỉ lệ biết chữ của nhân dân ở độ tuổi 15-24 tuổi là 99,3 % , dự kiến đến năm 2020 tỉ lệ người biết chữ ở độ tuổi 15-40 tuổi sẽ đạt 98,7%. Trường cao đẳng nghề: có một trường cao đẳng nghề, có học sinh 826 người, nữ 33 người, có 86 giáo viên , nữ 22 người. Công tác xây dựng bản văn hóa thực hiện được 180 bản, chiếm 38,22 % tổng số bản, trao tặng giấy chứng nhận gia đình văn hóa cho 4.170 gia đình. Và hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có gia đình văn hóa 30.285 gia đình. Ngành

du lịch của tỉnh trong năm vừa qua thu hút khách du lịch được 197.130 lượt người, trong đó số lượng khách du lịch quốc tế là 112.018 lượt người và khách du lịch trong nước là 85.118 lượt người, góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân và tạo thu nhập 10,84 triệu USD.

* **Thúc đẩy sự phát triển vai trò của phụ nữ:** Hoàn thành tuyên truyền thúc đẩy công tác về bình đẳng giới trên 95 bản và hơn 10.120 gia đình, tặng chứng chỉ cho 63 bản, 7.856 gia đình, tập trung tuyên truyền phát huy sự bình đẳng giới và xóa bỏ bạo lực gia đình, các hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em. Xóa bỏ những tập tục cũ không phù hợp và nhận thức tín ngưỡng lạc hậu, không đúng pháp luật.

* **Giải quyết các hiện tượng tiêu cực xã hội:** Quan tâm tuyên truyền luật pháp và tác hại của ma túy tại các bản mục tiêu trong 7 huyện 19 lần thực hiện có người tham dự 3.074 người, nữ 1.024 người, động viên người bị nghiện cai nghiện và hồi phục sức khỏe tự nguyện 159 người, hiện nay trao tặng giấy xác nhận bản không có ma túy trên 87 bản, bắt giữ những người buôn lậu ma túy qua đường biên giới MyanMar - Lào - Việt Nam. Triệt phá được nhiều đường dây buôn lậu ma túy và buôn bán người (phụ nữ và trẻ em).

3.2.2.2. Quá trình giao lưu hội nhập quốc tế

Tỉnh Oudomxay là một tỉnh trung tâm phía Tây Bắc Lào và có con đường giao thông thuận lợi nối liền với ba nước láng giềng, sự hợp tác và liên kết thương mại với các nước xung quanh khá chặt chẽ về nhiều mặt như sự hợp tác với Việt Nam: trên cơ sở quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và Chính phủ hai nước, thực hiện theo đường lối của Đảng và Nhà nước, tỉnh Oudomxay đã xây dựng mối quan hệ hợp tác chính trị, kinh tế và văn hóa xã hội với Việt Nam, thường xuyên giao lưu trao đổi kinh nghiệm với các cấp từ cấp trung ương đến địa phương của Việt Nam. Về mặt công thương, tỉnh Oudomxay đã thực hiện và duy trì các cuộc gặp gỡ chính trị và chuyên môn để

học hỏi kinh nghiệm với các tỉnh phía Bắc Việt Nam như: tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Vĩnh Phúc, Ninh bình ...

Sự hợp tác với Trung Quốc: là quan hệ cấp Nhà nước và địa phương, chủ yếu là các có chung đường biên giới, đặc biệt là khu vực Xi Xong Pan Na (thuộc khu vực tỉnh Vân Nam), hàng năm có sự lưu phiên nhau tổ chức hội thảo trao đổi kinh nghiệm về thương mại và đầu tư, và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp hai bên xuất nhập khẩu qua biên giới một cách thuận tiện.

Quan hệ hợp tác với Vương quốc Thái Lan: đây là sự hợp tác cấp Trung ương và địa phương, chủ yếu là các tỉnh có chung biên giới, vì Lào và Thái có nhiều điểm tương đồng: ngôn ngữ, văn hóa và phong tục tập quán. Tỉnh Oudomxay cũng là con đường thương mại và du lịch để cho người dân vùng phía Bắc của Việt Nam và Thái Lan thực hiện trao đổi hàng hóa và du lịch.

3.3. Những tác động tích cực và tiêu cực của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đến văn hóa gia đình

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế của quốc gia Lào nói chung và Oudomxay nói riêng đã có những tác động nhất định đến biến đổi văn hóa gia đình truyền thống của người Lào. Trong đó có những tác động tích cực và tiêu cực. Nhìn nhận rõ, những tác động tích cực để có cơ sở phát huy trong đời sống gia đình và hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến văn hóa gia đình.

3.3.1. Những tác động tích cực

Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, đang diễn ra nhiều sự thay đổi, nhiều tiến bộ trong hoạt động kinh tế văn hóa, xã hội. Những thay đổi này ảnh hưởng đến cuộc sống của các gia đình. Trong đó có sự giao lưu hợp tác về kinh tế rộng rãi giữa các gia đình ở thành phố và nông thôn, kể cả với nước ngoài. Thu nhập của các gia đình tăng lên rõ rệt, khả năng tiêu dùng cũng tăng theo, không chỉ trong ăn uống mà nhiều nhu cầu giải trí, văn hóa của những gia đình có điều kiện cũng được thỏa mãn tốt hơn trước. Đối với con cái, việc đào tạo nghề nghiệp đa dạng hơn, kể cả du học ở nước ngoài.

Trong cơ chế thị trường với quy luật cạnh tranh khốc liệt, các gia đình phải tìm mọi cơ hội, điều kiện kinh doanh có lợi nhất, tốt nhất để kiếm được lợi nhuận tối đa; thậm chí, có một số trường hợp còn bất chấp cả luật pháp Nhà nước và chà đạp lên đạo đức thông thường. Đồng thời, cạnh tranh cũng làm nảy sinh nhiều sáng kiến ở người lao động, nhà kinh doanh để đáp ứng yêu cầu sản xuất và thị trường tiêu thụ. Sự thay đổi về công việc, về nghề nghiệp của một bộ môn bộ phận lao động diễn ra liên tục, kịp thời tạo điều kiện cho họ và gia đình có thể sống và làm việc có hiệu quả nhất.

Ảnh hưởng của văn hóa thế giới thâm nhập vào Lào cùng với sự tăng cường giao lưu quốc tế, như tham quan, du lịch, sách báo... Hoặc sự phát triển các phương tiện thông tin đại chúng đa quốc gia như truyền hình, mạng Internet... Văn hóa các nước phát triển, lối sống, nếp sống của họ được du nhập bằng nhiều con đường khác nhau và có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng địa phương, đặc biệt là lớp trẻ.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, tính cơ động, hướng ngoại trong các thành viên trong gia đình càng lớn thì thiết chế đó càng phát triển trên bình diện kinh tế, giáo dục, vị thế xã hội. Trong điều kiện cụ thể đó, các cá nhân trong gia đình đầu tư nhiều thời gian, tâm huyết hơn để giành các lợi ích đó cho riêng mình. Điều này ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế, xã hội cả đất nước nói chung. Không chỉ có vậy, nó còn là một chỉ báo cho bình quyền của các thành viên, đặc biệt là phụ nữ trong gia đình được giải phóng trong quá trình dân chủ hóa xã hội trở nên mạnh mẽ, thường xuyên, liên tục hơn, các thành viên có điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân mà không bị ràng buộc.

Đánh giá một cách công bằng, những đổi thay về kinh tế, xã hội, tăng cường giao lưu văn hóa đã mang lại cho gia đình những luồng sinh khí mới như nâng cao thu nhập, mức sống, mức hưởng thụ, khả năng tiêu dùng, đời sống vật chất, tinh thần, thông tin của các thành viên. Chưa bao giờ, trong lịch sử có những chuyển biến lớn như vậy diễn ra trong khung cảnh gia đình. Những tiến bộ

trong quan niệm về bình đẳng, bình quyền, loại bỏ những tập tục lạc hậu trong xã hội cũ đã tạo điều kiện cho các thành viên trong gia đình đặc biệt là nữ giới được phát triển và nâng cao vị thế xã hội.

3.3.2. Những tác động tiêu cực

Bên cạnh những nhân tố tích cực của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế còn có những hệ lụy tiêu cực tác động đến mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Đó là sự rạn nứt trong gia đình, là nguồn gốc của những biểu hiện tiêu cực trong xã hội như tệ nạn xã hội, văn hóa ứng xử xuống cấp, đạo đức bị coi nhẹ. Hay tình trạng ly hôn, ly thân, sống đơn thân sẽ gia tăng, cha mẹ do áp lực của kinh tế sẽ giảm đi sự quan tâm tới con cái, do quá chú trọng vào việc kiếm tiền để tăng thu nhập và giành vị thế xã hội. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình sẽ ít có điều kiện giao tiếp với nhau, thưa vắng dần sự quan tâm, lo lắng, chăm chút cho nhau. Trong hoàn cảnh cụ thể đó, nhiều khi trường học và các tổ chức xã hội khác sẽ phải “làm thay” nhiều chức năng của gia đình.

Cùng với sự thay đổi mô hình gia đình truyền thống, tính cố kết gia đình đã giảm sút. Mối quan hệ gia đình trở nên lỏng lẻo, thiếu chặt chẽ hơn. Sự đứt đoạn trong quan hệ “cha truyền con nối” về nghề nghiệp là một minh chứng cho sự giảm sút tính cố kết gia đình. Với sự hỗ trợ đắc lực của nhiều loại phương tiện thông tin truyền thông, lớp trẻ ngày nay được tiếp xúc với nhiều nguồn tài liệu phong phú, đa chiều... nên thu nhận được nhiều kiến thức mới, hình thành và phát triển nhiều năng lực trong tư duy cũng như chuyên môn, nghiệp vụ. Đây là một trong những cơ sở để nhiều bạn trẻ không tiếp bước cha anh trong con đường nghề nghiệp. Con cái phần lớn làm nghề khác cha mẹ và tự do lựa chọn, định hướng nghề nghiệp tương lai cho chính mình.

Về phương diện tổ chức cuộc sống cũng cho thấy sự lỏng lẻo của mối quan hệ cá nhân - gia đình. Gia đình truyền thống rất coi trọng và khắt khe trong việc gìn giữ nề nếp gia phong. Mọi thành viên mặc nhiên phải tuân thủ theo những quy tắc chung. Nhưng ngày nay, có xu hướng nới lỏng, giản tiện các nghi

lễ, phép tắc trong gia đình... Ngoài ra, những nếp sinh hoạt thường ngày cũng thể hiện sự giảm sút sự cố kết gia đình: người lớn thì bận làm, trẻ em thì bận học, có nhiều gia đình hiện nay cả tháng không có một bữa cơm chung, bố mẹ và con cái rất ít thời gian bên nhau. Nhiều gia đình, dù đông con nhiều cháu nhưng vì những lý do khác nhau, đến ngày lễ, tết nhiều khi cũng chỉ có hai người già cô đơn. Con cháu ở xa, chỉ gọi điện, gửi thư điện tử thăm hỏi, chúc mừng... thay cho sự thăm nom trực tiếp.

Địa vị các thành viên trong gia đình trở nên bình đẳng, dân chủ cũng là một thay đổi lớn trong mối quan hệ gia đình ở Lào hiện nay. Sự bình đẳng, dân chủ biểu hiện rõ nhất trong mối quan hệ vợ chồng. Trong thời kỳ hội nhập, với sự giao lưu, tiếp xúc với văn hóa của phương Tây, đặc biệt tinh thần dân chủ, bình đẳng, trong gia đình người Lào đã có một luồng gió mới mát lành. Người phụ nữ đã được đánh giá công bằng hơn, được đối xử nhân văn hơn, mối quan hệ giữa người vợ và người chồng cũng đã thay đổi tích cực. Ngày nay, vợ chồng bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Người phụ nữ được thể hiện năng lực, theo đuổi mơ ước của mình, được tạo điều kiện học hành, phấn đấu, được tham gia công việc xã hội và giữ trọng trách trong bộ máy Nhà nước, trong các tổ chức, đoàn thể. Vợ và chồng thực sự là những người bạn đời, có thể cùng nhau cảm thông, chia sẻ, cùng chung tay xây đắp mái ấm gia đình.

Gia đình truyền thống đặt lợi ích gia đình lên trên lợi ích cá nhân, đề cao lòng hiếu thảo, đòi hỏi sự phục tùng tuyệt đối của con cái đối với bố mẹ. Con cái một lòng nghe theo ý cha mẹ mới làm tròn đạo hiếu, ngay cả lĩnh vực đáng được quyền tự do nhất là tình yêu, hôn nhân cũng phải nghe ý kiến của cha mẹ và ông bà... Ngày nay, trong những gia đình tiến bộ, cha mẹ và con cái là những người bạn. Cha mẹ có thể lắng nghe, chia sẻ với con cái mọi niềm vui nỗi buồn, đặc biệt các bậc phụ huynh luôn tôn trọng ý kiến, lập trường, ước mơ, hoài bão chính đáng của con cái...

3.4. Biến đổi văn hóa gia đình truyền thống của người Lào ở huyện Xay

3.4.1. Sự biến đổi văn hóa gia đình truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Như trên đã nêu, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã có những tác động tích cực và những ảnh hưởng tiêu cực đến sự biến đổi của văn hóa gia đình. Nhìn chung sự biến đổi này diễn ra ở các hợp phần nghiên cứu văn hóa gia đình, nghĩa là sự biến đổi về giá trị gia đình, chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình và vai trò của các thành viên trong gia đình.

Sự biến đổi về hệ giá trị gia đình mà nét nổi bật là việc tiếp xúc và tiếp nhận các giá trị văn hóa mới hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên mà là một quá trình diễn ra trong lịch sử. Khi nói về việc tiếp xúc và tiếp thu các giá trị văn hóa mới, chúng ta không thể không nhắc đến nhân tố con người, con người là chủ thể tiếp xúc và tiếp nhận các giá trị văn hóa đó [15, tr.72-73]. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đặc biệt là trong tinh thần hội nhập quốc tế sẽ tác động khá rõ về giá trị gia đình- một trong ba hợp phần nghiên cứu văn hóa gia đình. Về phương diện giá trị kinh tế vật chất, giá trị trong quan hệ giữa các thành viên gia đình, giá trị trong đời sống tinh thần tâm linh tín ngưỡng.

Nhìn chung hệ giá trị gia đình không phải là những gì “nhất thành bất biến” được hình thành một lần cho mãi mãi, trái lại nó cũng vận hành và biến đổi với thời gian. Có nhiên là sự vận hành và biến đổi này không phải diễn ra đồng đều ở tất cả các giai đoạn lịch sử khác nhau [55, tr.30-31]. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, nếu như trong xã hội nông nghiệp ở khắp nơi trên thế giới, hệ giá trị gia đình đều mang tính thường tồn, ít thay đổi thì trong các xã hội công nghiệp - hiện đại và nhất là trong xã hội hậu hiện đại, hệ giá trị này không chỉ biến đổi nhanh, mà còn biến đổi ở hầu khắp các hợp phần của nó [55, tr.31]. Từ thực tiễn đã được đúc kết như đã nêu ra trong các công trình nghiên cứu vận dụng cụ thể trong bối cảnh của cộng đồng cư dân huyện Xay cho thấy ở địa bàn này các gia đình chủ yếu sống bằng nghề nông - lâm nghiệp. Vì vậy so với các tỉnh, thành phố khác, hệ giá trị văn hóa gia đình ở đây ít thay đổi, các chỉ số được phân tích qua số liệu điều tra

xã hội học cho thấy trong mọi mối quan hệ ứng xử, vai trò của các thành viên trong gia đình ít thay đổi.

Lý thuyết biến đổi giá trị giữa các thế hệ xuất phát từ lập luận rằng, những lớp người được sinh ra trong cùng một thế hệ tiếp thu các giá trị văn hóa đặc trưng cho thời đại của họ. Những giá trị đó thường đồng hành cùng với họ trong suốt cuộc đời và ít khi biến đổi, ngay cả khi điều kiện sống đã thay đổi. Biến đổi giá trị diễn ra chủ yếu giữa các thế hệ sinh sau tiếp nối thế hệ trước, chứ ít khi có sự thay đổi trong cùng một thế hệ [55, tr.33]. Sự biến đổi hệ giá trị gia đình với các biểu hiện như sự cởi mở tiếp nhận tới đời sống gia đình là rất tích cực bởi việc tiếp thu và đưa vào cuộc sống gia đình các giá trị của thời đại sẽ làm cho môi trường sống của gia đình có nhiều thay đổi, qua đó không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của các thành viên trên cả ba phương diện, đời sống vật chất, đời sống tinh thần-tình cảm [15, tr.74].

Cùng với đó là mối quan hệ giữa gia đình, họ tộc đã có nhiều thay đổi, quyền bình đẳng giữa nam và nữ, giữa người già và người trẻ, quyền tự do của cá nhân đang ngày càng chiếm ưu thế. Trên thực tế, việc tiếp thu và vận hành các giá trị văn hóa mới trên cả ba phương diện đời sống vật chất, đời sống tinh thần-tình cảm cũng như trong mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình sẽ có những thay đổi tích cực tiến bộ.

Cùng với sự thay đổi về hệ giá trị gia đình chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử-một trong ba hợp phần nghiên cứu văn hóa gia đình cũng sẽ có những thay đổi nhất định. Do tác động của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các thành viên trong gia đình cũng có những thay đổi nhất định về vị trí trong xã hội, về hoạt động kinh tế trong xã hội, từ đó sẽ dẫn đến sự ảnh hưởng đến mối quan hệ ứng xử giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em, giữa ông bà và con cháu, ứng xử giữa gia đình với họ hàng. Khuôn mẫu ứng xử trong gia đình là một bộ phận trong hệ thống các khuôn mẫu ứng xử của xã hội, đó là những phép tắc ứng xử theo qui chuẩn, chuẩn mực dành riêng cho mối quan hệ

giữa các thành viên trong gia đình. Khuôn mẫu ứng xử trong gia đình là loại khuôn mẫu xuất hiện rất sớm trong đời sống của con người, nó hình thành và phát triển cùng với sự hình thành và phát triển của gia đình.

Trong xã hội hiện nay, bên cạnh việc lưu giữ những khuôn mẫu được hình thành từ xã hội truyền thống, đã xuất hiện những khuôn mẫu ứng xử theo xu hướng bình đẳng hơn trong mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình trong đó có khuôn mẫu ứng xử giữa vợ và chồng. Các ứng xử thể hiện sự quan tâm giữa vợ và chồng, cho dù đã có từ truyền thống hay mới xuất hiện gần đây đều biến đổi dưới tác động của nhiều yếu tố kinh tế, xã hội và văn hoá. Một ví dụ trước đây khi đi làm ăn xa, các cặp vợ chồng vẫn viết những phong thư hay tin báo qua người làng xóm là thể hiện sự quan tâm về nhau. Các hình thức thông tin này có thể rất lâu mới đến được với người thân. Ngày nay, nhờ có tiến bộ về khoa học công nghệ, sự quan tâm của các cặp vợ chồng hiện nay đã khác xưa. Họ có thể thông tin qua các phương tiện như điện thoại, internet... khuôn mẫu ứng xử giữa cha mẹ và con cái biểu hiện qua sự bình đẳng giữa già và trẻ, ứng xử giữa cha mẹ đối với quyết định của con cái trong nghề nghiệp và lựa chọn hôn nhân. Khuôn mẫu ứng xử giữa các anh chị em. Từ xã hội truyền thống đến xã hội hiện đại, cách ứng xử giữa các anh chị em vẫn được giáo dục theo tình thân kính trên, nhường dưới, anh độ lượng, em lễ phép.

Sự tác động của toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đã dẫn đến sự biến đổi trên các phương diện của văn hoá gia đình, trong đó sự biến đổi trong khuôn mẫu ứng xử là một biểu hiện cụ thể. Sự biến đổi khuôn mẫu ứng xử, một mặt mang lại cho gia đình người Lào những yếu tố tích cực như bình đẳng giới, tôn trọng quyền của các thành viên trong gia đình đặc biệt là thế hệ trẻ. Nhưng mặt khác cũng làm mất đi những khuôn mẫu ứng xử tốt đẹp của gia đình truyền thống. Đây chính là sự có mặt của truyền thống trong hiện đại. Khi truyền thống có mặt trong hiện đại cũng có nghĩa rằng truyền thống đã trở thành hiện đại và nó là một thành tố cấu thành khuôn mẫu của xã hội hiện đại.

Cùng với sự thay đổi về giá trị gia đình, chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử thì vai trò của các thành viên trong gia đình - một trong ba hợp phần nghiên cứu văn hóa gia đình cũng có những thay đổi nhất định thể hiện cụ thể về vai trò của người vợ, vai trò của người chồng, vai trò của người cha-người mẹ, vai trò của ông bà và vai trò của con cái. Mặc dù vai trò của người đàn ông (chồng) trong gia đình người Lào hiện nay về cơ bản vẫn được giữ như truyền thống. Tuy nhiên, xét trên các phương diện cụ thể như: vai trò về kinh tế gia đình, điều hành các hoạt động gia đình và tham gia các công việc xã hội, giáo dục con cái, chăm sóc đời sống và sức khỏe cho ông bà có thể nhận diện những yếu tố biến đổi trong từng phương diện cụ thể, về mặt kinh tế nếu như người đàn ông trước đây chỉ làm nông - lâm nghiệp, hiện nay họ sẽ tham gia vào các thành phần kinh tế khác và tăng nguồn thu nhập cho gia đình, tạo sự ổn định về kinh tế. Về phương diện giáo dục con cái, xuất phát từ đời sống kinh tế khá hơn thì có thể tạo điều kiện cho con cái được học hành ở môi trường tốt hơn, tạo điều kiện hướng nghiệp sang nhiều lĩnh vực kinh tế khác góp phần đảm bảo cuộc sống cho con cái khi trưởng thành. Trong việc chăm sóc ông bà cũng có những biến đổi nhất định, cũng trong bối cảnh đó thì vai trò của người chồng với người cũng sẽ có những biến đổi nhất định. Nhìn chung bên cạnh những biến đổi tích cực về vai trò của người đàn ông trong gia đình, trong bối cảnh xã hội mới cũng xuất hiện những vấn đề mới, họ không có nhiều thời gian dành cho gia đình để quan tâm người vợ, chăm sóc và giáo dục con cái, chăm sóc ông bà.

Cùng với sự thay đổi về vai trò của người chồng thì vai trò của người vợ cũng có những thay đổi nhất định. Nếu như trước đây người phụ nữ thực hiện chức năng sinh đẻ và nuôi dạy con cái tham gia hoạt động kinh tế gia đình. Hiện nay, người phụ nữ không chỉ làm các công việc nội trợ gia đình và sản xuất nông nghiệp mà họ có thể tham gia vào kinh doanh buôn bán, trong môi trường kinh doanh họ thể hiện sự năng động hơn, sáng tạo, tạo thu nhập cho bản thân và gia đình, người phụ nữ cũng mở rộng mối quan hệ xã hội. Bên cạnh đó, thời gian để

chăm sóc, giáo dục con cái, chăm sóc ông bà cũng giảm đi rõ rệt. Vai trò của ông bà trước hết là trong việc nâng đỡ con cháu về vật chất và tinh thần. Cụ thể, ông bà là chỗ dựa về tinh thần để con cháu vượt qua những khó khăn trở ngại trong cuộc sống hàng ngày, không sa ngã, chệch hướng; đưa ra những lời khuyên đúng lúc, đúng mực về kinh nghiệm trong cuộc sống gia đình. Ông bà là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, là người truyền thụ bổ sung cho thế hệ trẻ truyền thống văn hóa gia đình. Ông bà có kinh nghiệm sống quý báu, là những tấm gương sáng về đức tính cần cù, chăm chỉ, cẩn thận, giản dị, tiết kiệm, thật thà, giàu lòng nhân ái, vị tha độ lượng. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội hiện đại, các thành viên trong gia đình phải tham gia vào các hoạt động kinh tế xã hội rộng hơn, đa dạng hơn. Vì vậy thời gian tiếp xúc với ông bà cũng ít hơn trước đây, cùng với đó là sự ảnh hưởng của ông bà trong giáo dục, trao truyền kinh nghiệm cho các con cháu bị hạn chế. Ngược lại con cháu cũng ít có thời gian quan tâm chăm sóc cho bố mẹ, ông bà, vì họ phải dành thời gian cho các công việc học tập, kinh doanh, công việc của xã hội và đất nước.

3.4.2. Biến đổi khuôn mẫu ứng xử trong gia đình truyền ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay

3.4.2.1. Biến đổi trong ứng xử vợ chồng

Quan hệ vợ chồng luôn được xem là nền tảng của sự ổn định gia đình. Trên một nền tảng vững chắc là quan hệ vợ chồng hoà thuận với những ứng xử phù hợp của mỗi thành viên, các mối quan hệ khác trong gia đình và gia tộc sẽ được điều chỉnh theo hướng tốt đẹp. Ngược lại, quan hệ vợ chồng bất ổn, chắc chắn những ứng xử của các thành viên trong các mối quan hệ gia đình khác bị chi phối theo chiều hướng tiêu cực. Tuy nhiên, không phải sự ổn định nào cũng đồng nghĩa với giá trị, cũng như không phải bất cứ sự thay đổi nào cũng đồng nghĩa với tiến bộ.

Xu hướng bình đẳng trong ứng xử vợ chồng được nhìn thấy rõ nhất qua việc vai trò của người vợ ngày một được đề cao. Trước hết là vấn đề người làm

chủ gia đình. Thông thường người chủ gia đình luôn gắn với người có trách nhiệm, có quyền đưa ra các quyết định chung của gia đình, trong truyền thống thường là người đàn ông cao tuổi trong gia đình. Thực tế này vẫn phổ biến trong gia đình hiện nay, nhưng đã có một tỷ lệ nhất định những người vợ đang thực sự giữ vai trò làm chủ.

Tuy có nhiều nguyên nhân khách quan mang tính lịch sử nhưng những cơ hội về kinh tế của người vợ đang chi phối rõ nhất thực tế này. Vấn đề thu nhập đang tạo nên một tỷ lệ không nhỏ số người quan niệm rằng: người chủ gia đình phải là người cống hiến cho gia đình nhiều nhất. Khái niệm cống hiến tuy rộng nhưng rõ ràng là cống hiến về mặt vật chất rất đáng kể. Khi đã đóng góp ngang bằng về kinh tế, lại đứng tên sở hữu nhiều tài sản có giá trị, người vợ đương nhiên được thừa nhận ở góc độ có vai trò tích cực với sự ổn định và phát triển của gia đình- điều mà trong truyền thống vốn là dành riêng cho nam giới.

Vai trò ngày càng được đề cao của người phụ nữ vì thế tiếp tục được khẳng định trong xu hướng ngày một tăng về việc người vợ được hỏi ý kiến, thậm chí là được chủ động quyết định những vấn đề cơ bản của gia đình. Nhìn chung, trong truyền thống người đàn ông vẫn giữ vai trò quyết định trong các công việc quan trọng, nhưng tỷ lệ này đang dần dần thu hẹp để khẳng định quyền quyết định của người vợ. Sự tăng nhanh của việc người vợ trực tiếp hoặc tham gia quyết định chi tiêu trong gia đình có quan hệ mật thiết với sự thay đổi trong hình thức quản lý tài sản chung. Trong truyền thống, phần lớn các gia đình là đơn vị sản xuất, sản phẩm được tạo nên chủ yếu đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của gia đình, người đàn ông là người tổ chức chính các hoạt động này nên nắm luôn quyền phân phối sản phẩm. Khi chức năng kinh tế của gia đình đang có xu hướng biến đổi thành đơn vị tiêu dùng và chung góp thu nhập, sản phẩm từ thu nhập chủ yếu được quy đổi ra tiền thì người vợ trở thành người quản lý chính.

Sự bình đẳng của phụ nữ trong quan hệ hôn nhân gia đình còn được nhìn thấy rõ hơn qua việc xã hội nhìn nhận vấn đề quan hệ tình dục trước hôn nhân. Trong hôn nhân truyền thống, người phụ nữ sẽ luôn bị coi là thất đức nếu như có

quan hệ tình dục trước hôn nhân. Người đàn ông nói riêng và xã hội luôn coi việc lấy một người phụ nữ đã có quan hệ tình dục trước hôn nhân là một điều xấu xa. Bên cạnh xu hướng bình đẳng trong quan hệ ứng xử vợ chồng trong gia đình, người Lào vẫn đang phải chứng kiến sự tồn tại của bạo lực gia đình và những quan hệ ngoài hôn nhân như những mặt trái của các chuẩn giá trị trong quan hệ gia đình.

****Biến đổi trong quan niệm về hôn nhân:***

Tình trạng hôn nhân của mỗi dân tộc và mỗi quốc gia trên thế giới luôn có quan hệ trực tiếp với điều kiện kinh tế, chính sách xã hội, phong tục tập quán truyền thống. Đặc biệt, nó sẽ phản ánh quan niệm của thanh niên về vai trò của hôn nhân đối với cuộc đời mỗi người. Quan niệm này lại bị chi phối bởi những yếu tố rộng hơn phạm vi quốc gia. Do đó, có thể nói quan niệm về hôn nhân là yếu tố cơ bản nhất chi phối hôn nhân và gia đình.

Kế thừa truyền thống văn hoá của một nền nông nghiệp, đại đa số người dân Lào vẫn đánh giá rất cao vai trò của gia đình trong cuộc đời mỗi người cũng như trong sự ổn định của xã hội. Quan niệm gia đình là chỗ dựa cho mỗi người chính là lý do cơ bản dẫn đến việc kết hôn của nam nữ thanh niên. Khái niệm chỗ dựa được hiểu là nơi có thể giúp con người yên ổn và phát triển. Lý do này luôn chiếm tỷ lệ cao và tăng liên tục, cho dù các tiền đề xã hội có vẻ như đang hỗ trợ cho khả năng độc lập của mỗi người. Trong khi đó, quan niệm kết hôn vì muốn có con lại đang có xu hướng giảm đi qua các giai đoạn, điều đó cho thấy, quan niệm về vai trò của hôn nhân đang đi theo hướng đánh giá cao sự hoà hợp trong lối sống. Chỉ khi có sự hoà hợp trong lối sống, hôn nhân mới đích thực là chỗ dựa cho con người. Như vậy, hôn nhân đang chuyển dần theo hướng thoả mãn các vấn đề của cá nhân nhiều hơn của gia tộc hay cộng đồng. Hôn nhân được cho là điểm tựa của mỗi người. Và khi vai trò đó của hôn nhân không được thực hiện, người ta có thể phải tìm đến những cách giải quyết khác, trong đó, thường là tìm đến một cuộc hôn nhân khác với hy vọng cuộc hôn nhân mới sẽ có thể thực sự là chỗ dựa cho bản thân họ.

Bên cạnh xu hướng ngày một gia tăng trong quan niệm về vai trò là chỗ dựa của bản thân, ngày một giảm trong quan niệm về vai trò gia đình chỉ để sinh con đẻ cái, là sự xuất hiện quan niệm: hôn nhân ảnh hưởng đến tự do cá nhân của mỗi người. Sự xuất hiện của quan niệm thích sống tự do, tuy chỉ với một tỷ lệ nhỏ, không phải là xu hướng chính và chủ yếu chỉ xuất hiện ở khu vực đô thị, đã phản ánh sự ảnh hưởng mạnh của lối sống đề cao cá nhân. Cho dù không có sự thay đổi mạnh mẽ mang tính chất đột biến, nhưng, ngay trong xu hướng chủ đạo đánh giá cao vai trò và ý nghĩa của hôn nhân thì quan niệm về vị trí quan trọng trong các vai trò của hôn nhân đã thay đổi. Hôn nhân phải là chỗ dựa cho mỗi người đang là quan niệm chủ đạo, thay vì quan niệm hôn nhân là để kế tục dòng họ, tăng cường nguồn lực hay thoả mãn ý muốn của cha mẹ như trong truyền thống. Sự thay đổi đó trong quan niệm về vai trò của hôn nhân là nguyên nhân căn bản dẫn đến những thay đổi trong quan hệ hôn nhân - gia đình của người Lào hiện nay. Ông Mahaxay, phó Giám đốc sở Thông tin - Văn hóa - Du lịch tỉnh Oudomxay cho biết: “Vấn đề ở rề, đại đa số dân tộc Lào vẫn thực hiện theo phong tục cũ, nhưng hiện nay trong trung tâm thành phố cũng có nhiều đôi vợ chồng trẻ tự lập và không muốn sống chung cùng bố mẹ như trước đây, xu hướng trong tương lai thì tục lệ ở rề sẽ giảm xuống”.

***Biến đổi về quyền quyết định hôn nhân:** Quyền quyết định hôn nhân phản ánh quan niệm về hôn nhân cũng như quyền lực của các thành viên gia đình, họ tộc đối với nam nữ thanh niên. Về cơ bản, việc hôn nhân của thanh niên người Lào vẫn coi trọng những ý kiến đóng góp của gia đình nhưng không phải do cha mẹ áp đặt nữa. Các cuộc hôn nhân do đôi trẻ chọn lựa trên cơ sở xin phép và lấy ý kiến của cha mẹ vẫn là chủ đạo. Nhất là ở các khu vực nông thôn, miền núi, khi mà hình thức cư trú và phương thức sản xuất chủ yếu của mỗi gia đình vẫn chưa có nhiều thay đổi đột biến. Con cái, về cơ bản vẫn chưa phải là những người có thể tự chủ hoàn toàn trong kinh tế và khả năng tổ chức quản lý gia đình. Hôn nhân dựa trên sự góp ý của cha mẹ còn xuất phát từ văn hoá truyền

thống của người Lào, theo đó, việc con cái nghe theo góp ý của cha mẹ vẫn là việc làm được xã hội đánh giá cao. Tuy nhiên, sự thay đổi trong quyền quyết định hôn nhân theo hướng con cái tự quyết định hôn nhân của mình đã xuất hiện nhiều hơn, đặc biệt là ở khu vực thành thị. Rõ ràng, kinh tế thị trường với tính cạnh tranh quyết liệt của nó đã góp phần không nhỏ trong việc tạo ra tính chủ động quyết đoán và khả năng độc lập tương đối của lớp trẻ.

Một nguyên nhân khác làm tăng dần khả năng tự chủ trong hôn nhân của nam nữ thanh niên hiện nay cũng do kinh tế thị trường mang lại đó là sự phát triển của xu hướng kết hôn ngoài làng. Xu hướng con cái tự quyết định hôn nhân của mình cũng sẽ là một hướng tất yếu khi môi trường giao tiếp và làm việc của con cái rộng mở hơn. Đặc biệt, với sự trợ giúp của công nghệ thông tin. Việc hỏi ý kiến cha mẹ đã chuyển biến cơ bản về nội dung khi nó chủ yếu mang ý nghĩa thể hiện sự kính trọng của con cái chứ không phải để bố mẹ can thiệp. Sự thay đổi này, theo chúng tôi là mang giá trị tích cực.

Trong sự thay đổi lớn nhất trong tiêu chuẩn kết hôn của nam nữ thanh niên Lào ở huyện Xay hiện nay có lẽ là ở hai yếu tố: biết cách làm ăn và có nghề nghiệp ổn định. Rõ ràng là kinh tế đã trở thành một tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời. Thực tế này đã rất khác so với quan niệm một thời là nghèo vật chất thì giàu tình cảm. Hôn nhân dựa trên tình yêu thuần túy kiểu cũ vẫn tồn tại nhưng không còn là sự lựa chọn của tuyệt đại đa số. Tình yêu cần những điều kiện để nuôi dưỡng và duy trì nó. Biết cách làm ăn và có nghề nghiệp ổn định được cho là những điều kiện đảm bảo sự nuôi dưỡng và duy trì tình yêu một cách phổ biến.

***Biến đổi trong đám cưới:** Dấu ấn chính thức của mỗi cuộc hôn nhân của người Lào chính là đám cưới. Đám cưới tuy không mang giá trị pháp lý nhưng lại là cơ sở để xã hội và gia đình công nhận hôn nhân thực tế. Đám cưới vì thế mang ý nghĩa rất quan trọng với đôi trẻ, với mỗi gia đình và cộng đồng. Nó mang giá trị văn hoá sâu sắc và hội tụ được nhiều phương diện của tập quán tộc người. Đám cưới truyền thống của người Lào thể hiện tính gắn bó cộng đồng rất

cao, bởi lẽ, nó chủ yếu mang ý nghĩa thông báo với cộng đồng về sự khởi đầu cuộc sống lứa đôi. Do vậy, đám cưới luôn được tổ chức ở gia đình, với nghi thức ra mắt gia tiên và sự chứng kiến của họ hàng, xóm giềng. Việc tổ chức đám cưới cũng là dịp để họ hàng, xóm giềng đoàn kết, giúp đỡ, chia sẻ niềm vui và khó khăn với nhau, giúp gia chủ tổ chức hôn lễ cho thật chu đáo. Thành phần đến dự hôn lễ chủ yếu là gia đình, họ hàng và xóm giềng.

Quy trình trên vẫn được tiến hành tại hầu hết các địa bàn khảo sát của NCS. Điều này xuất phát từ điều kiện sống của người Lào chủ yếu vẫn dựa vào cộng đồng làng. Đặc trưng của sản xuất nông nghiệp là sự ổn định, ít di chuyển, gắn bó với ruộng đồng làng mạc để có thể giúp nhau kịp thời vụ. Họ hàng thường cùng sinh sống trong phạm vi một làng, một huyện. Đôi trẻ cũng thường là người làng, do vậy, sự gần gũi trong quan hệ cộng đồng càng có dịp để nhân lên. Mặt khác, do điều kiện về cơ sở vật chất, gia đình nông thôn thường vẫn còn không gian khá rộng, phù hợp với việc tổ chức đám cưới tại nhà. Đã tổ chức đám cưới tại nhà thì lại càng cần họ hàng giúp đỡ bởi việc tổ chức chưa được chuyên nghiệp hoá. Tổng hoà các yếu tố đó khiến việc tổ chức đám cưới thực sự là một công việc của gia đình, dòng họ và dân làng.

Tại các đô thị và vùng ngoại vi, điều này đã thay đổi khá mạnh. Trước hết phải kể đến sự thay đổi trong đối tượng tham dự và tổ chức đám cưới. Đám cưới ở khu vực đô thị đang có xu hướng không hướng đến cộng đồng bản làng mà chủ yếu hướng đến cộng đồng làm việc. Nhiều đám cưới, hàng xóm không hề biết và tất nhiên là không thể đến dự do hôn lễ tổ chức chủ yếu ở nhà hàng, phòng cưới. Xu hướng gia tăng việc tổ chức đám cưới tại nhà hàng, phòng cưới kéo theo việc huy động gia đình, họ hàng hay xóm giềng tham gia giúp đỡ cũng sẽ giảm. Có thể thấy rõ vai trò ngày một mờ nhạt hơn của quan hệ bản làng trong quy trình tổ chức hôn lễ. Theo đó, mỗi đôi trẻ lại bị đặt vào trong quan hệ với một cộng đồng xã hội khác nhau tương ứng với nghề nghiệp bản thân, quan hệ xã hội của bố mẹ và thời gian sinh sống tại địa phương. Thời gian và ngày tổ chức đám cưới cũng thay đổi

theo hướng thuận tiện cho việc tiếp khách và công việc. Hôn nhân truyền thống thường tổ chức vào buổi trưa (10h.00-12h.00) do xuất phát từ quan niệm về việc rước rể. Tuy nhiên, điều này không còn được coi là tiêu chí chủ yếu để chọn thời gian tổ chức hôn lễ. Đại đa số thanh niên nam nữ được hỏi về việc chọn ngày giờ khi kết hôn đều khẳng định là vẫn có sự lựa chọn nhưng trên cơ sở kết hợp với những ngày nghỉ. Trong sự lựa chọn ấy, thời gian lý tưởng cho tổ chức đám cưới tại các khu vực đô thị hay ngoại vi hiện nay lại là buổi tối. Những nghi thức trong quy trình tổ chức đám cưới cũng đang theo hướng giản lược. Nghi thức dạm ngõ hay thách cưới đang được đơn giản hoá, trang phục và nghi thức tổ chức đám cưới ở khu vực đô thị đang chịu ảnh hưởng mạnh của văn hoá phương Tây. Nhiều đám cưới cô dâu và chú rể không dùng trang phục truyền thống mà thay bằng lễ phục châu Âu hiện đại, sau lễ cưới đã cố gắng thu xếp thời gian, công việc và tiền bạc để có được những không gian riêng phù hợp. Tại các khu vực nông thôn và miền núi, những biến đổi trong đám cưới không theo xu hướng trên nhưng lại nảy sinh những vấn đề khác. Do tính chất công việc và điều kiện cư trú, đám cưới ở vùng nông thôn và miền núi vẫn mang tính gắn bó cộng đồng cộng cư rất mạnh. Các nghi thức và thời gian tổ chức đám cưới có ảnh hưởng của đô thị do thông tin đại chúng mở rộng nhưng không tách khỏi nếp chung của bản làng. Nổi bật vẫn chủ yếu là những vấn đề như thách cưới, tổ chức cưới nhiều ngày, trang phục cưới không phù hợp với cảnh quan, cơ bạc rượu chè trong đám cưới, vấn đề kết hôn khác tộc người và tảo hôn. Do tổ chức đám cưới tại nhà nên các đám cưới thường huy động khá đông người đến giúp, đặc biệt là nam giới. Cũng do đám cưới thường được tổ chức ba ngày nên đây là thời gian thuận lợi cho việc tổ chức uống rượu và đánh bạc, ở nhiều địa phương, điều này đã trở thành hiện tượng hết sức bình thường và phổ biến. Việc thách cưới ở khu vực huyện Xay vẫn khá nặng nề. Họ coi việc thách cưới như một thước đo tình cảm và thái độ của nhà trai. Khảo sát tại bản Done Keo, Huyện Xay, NCS vẫn còn chứng kiến việc nhà gái yêu cầu nhà trai phải mang đồ lễ cưới như: như đây chuyền bằng

vàng, nhẫn vàng và lắc tay... cả tiền mặt cùng theo đồ lễ khác như: chăn ga. Có một số nhà gái vẫn đòi đồ thách bằng động vật như 1 con trâu, 1 con lợn ... và các đồ dùng khác. Để minh chứng thêm, trong khảo sát và điều tra chúng tôi thu được những kết quả như sau :

Bảng 4: Phong tục cưới xin

Các nghi lễ trong cưới xin	Xưa		Nay	
	SP	TL%	SP	TL%
1. Dạm ngõ	200	99.00	159	78.71
2. Lễ ăn hỏi	197	97.52	163	80.69
3. Lễ đính hôn	187	92.57	43	21.28
4. Lễ cưới	202	100.0	199	98.51
6. Lễ buộc chỉ cổ tay cầu phúc cho cô dâu và chú rể	201	99.50	200	99.00
7. Lễ rước rể	199	98.51	183	90.59
8. Nhà gái vui mừng đón chú rể	193	95.54	166	82.17
9. Lễ lấy nước rửa chân cho chú rể trước khi vào nhà gái, để thể hiện sự trong sạch của chú rể	192	95.04	104	51.48
10. Thể hiện sự quyết tâm của chú rể qua phong tục đóng và mở cửa vào nhà gái	186	92.07	114	56.43
11. Sau ba ngày chú rể mới được về nhà của mình	194	96.03	125	61.88

***Biến đổi về nơi cư trú và quyền lợi sau kết hôn:** Truyền thống gia đình người Lào quy định việc cư trú sau kết hôn là bên nhà gái. Thực tế này vẫn đang được duy trì trên đại bộ phận các điểm khảo sát, theo đó, việc sống chung với gia đình nhà vợ được xem như bố mẹ tạo điều kiện giúp đỡ trong những giai đoạn bắt đầu gây dựng cuộc sống gia đình. Trên thực tế, việc sống chung với gia đình nhà gái sau kết hôn là điều kiện thuận lợi để người con rể nhanh chóng hoà nhập và gắn kết tình cảm với các thành viên khác trong gia đình...Tuy nhiên, điều này không phải hoàn toàn phù hợp với mong muốn của đôi trẻ, NCS thấy trên địa bàn nghiên cứu có nhiều đôi vợ chồng trẻ tách ra ở riêng sau khi cưới. Sự chênh lệch khá lớn trong nhu cầu được ở riêng với thực tế cư trú sau hôn nhân như trên có thể thấy rõ hơn xu hướng đề cao yếu tố tình cảm vợ chồng trong quan hệ gia đình. Việc ở riêng hoàn toàn sau khi cưới có thể sẽ khiến các cặp vợ chồng gặp khó khăn về kinh tế nhưng lại được tự do hơn trong việc chăm sóc, bày tỏ tình

cảm với nhau. Xu hướng ở nhà chồng sau khi kết hôn tuy không nhiều nhưng trên thực tế nó vẫn tồn tại trong xã hội vì các điều kiện kinh tế và địa lý. Điều này do quan niệm về việc cư trú tại nhà chồng không bị xem là nặng nề với các cô gái ở khu vực thành thị.

***Biến đổi trong sinh đẻ:** Hiện nay với sự phát triển của khoa học công nghệ trong các lĩnh vực và đặc biệt là sự phát triển của ngành y tế đã giúp cho việc sinh đẻ an toàn hơn và giảm bớt những nghi lễ truyền thống. Trước đây chủ yếu người ta đẻ tại nhà và hiện nay chính quyền đã khuyến khích người dân đi sinh đẻ ở bệnh viện được nhiều hơn, nhằm đảm bảo an toàn cho mẹ và bé. Vì điều kiện công tác nên thời nay người chồng không thể luôn ở nhà chăm sóc cho vợ mang bầu như ngày xưa được, chỉ có thể giúp đỡ về kinh tế là chính. Có một điều tại sao ngày xưa sau khi sinh đẻ người ta thường nằm lửa là vì ở bản làng gần núi rừng, thời tiết thay đổi nhanh và không có điều hòa như ngày nay. Vì mục đích nhằm đảm bảo an toàn và tốt cho sức khỏe nên sản phụ luôn được sưởi ấm bằng bếp củi và hiện nay cho dù có máy sưởi hiện đại nhưng sản phụ người Lào vẫn thực hiện theo truyền thống của ông bà đó là nằm lửa và uống nước lá đun sôi sẽ giúp hồi phục sức khỏe nhanh hơn. Sau khi nằm lửa được một tháng thì cũng đến dịp tổ chức lễ đầy tháng và đặt tên cho con, hình thức này vẫn còn duy trì khá tốt trong truyền thống văn hóa gia đình người Lào.

Chúng tôi đã khảo sát tại 2 bản và thu được kết quả như sau:

Bảng 8: Ứng xử của gia đình trong sinh đẻ

Các phong tục	Xưa		Nay	
	SP	TL%	SP	TL%
1. Sản phụ và chồng không đi xa trong tháng đợi sinh	198	98.01	165	81.68
2. Chuẩn bị bếp lửa cho sản phụ và trẻ sơ sinh	202	100.0	199	98.51
3. Chuẩn bị các món ăn và đồ uống riêng cho sản phụ	187	92.57	143	70.79
4. Để tám đan bằng tre trước cầu tháng để báo hiệu nhà có người sinh	197	97.52	112	55.44
5. Chồng và mẹ đẻ sẽ giặt đồ cho sản phụ và bé	195	96.53	123	60.89

6. Ông bà và các thành viên khác trong gia đình luôn giúp đỡ và chăm sóc cho sản phụ và bé	188	93.06	145	71.78
7. Gia đình tổ chức lễ đầy tháng và đặt tên tạm thời cho bé	201	99.50	199	98.51
8. Khi trưởng thành tổ chức đặt tên chính thức	196	97.02	89	44.05
9. Người thân, làng xóm đến thăm hỏi và nghỉ lại nhà có người sinh	191	94.55	189	93.56
10. Không khi trong gia đình có trẻ mới sinh luôn vui vẻ, nhộn nhịp	200	99.00	198	98.01

Căn cứ vào bảng số liệu trên có thể nhận thấy đa số các phong tục, tập quán về ứng xử của gia đình trong sinh đẻ không khác nhiều so với truyền thống. Chỉ 2 yếu tố biến đổi mạnh là tục để tắm đản bằng tre nửa trước cầu thang để báo hiệu nhà có người sinh giảm 44.56%. Và khi trưởng thành tổ chức đặt tên chính thức giảm từ 97.02% xuống còn 44.05 %, còn các yếu tố khác giảm không đáng kể.

3.4.2.2. Biến đổi ứng xử giữa cha mẹ và con cái

Bản chất của quan hệ gia đình là mối quan hệ theo chiều dọc của tính tôn ty, được ràng buộc bởi huyết thống. Điều này dẫn tới nhiều quy định về một vấn đề cốt lõi của quan hệ cha mẹ con cái: đó là hiếu nghĩa. Biểu hiện rõ rệt nhất của đạo hiếu chính là việc con cái phải nghe theo lời của cha mẹ trên mọi phương diện của cuộc sống. Với quan niệm này, cha mẹ chính là những người thầy nghiêm khắc đầu tiên của một người con. Bất cứ sự phản ứng nào của con cái đều được coi là vô lễ, một biểu hiện của sự bất hiếu. Do vậy, ứng xử của cha mẹ với con cái trong gia đình truyền thống là quan hệ một chiều, theo đó cha mẹ luôn là người quyết định mọi vấn đề của gia đình cũng như của chính các con. Quan hệ một chiều này lại luôn kèm theo định hướng giáo dục nên thường được thể hiện theo hướng phải tạo được khoảng cách rõ rệt giữa cha mẹ với con cái. Điều này vẫn được duy trì khá phổ biến trong quan hệ cha mẹ với con cái trong các gia đình người Lào, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Ngoài vấn đề đạo lý thì một trong những lý do duy trì được hiện tượng này là sự ràng buộc về kinh tế và điều kiện sống. Trong xã hội nông nghiệp, cha mẹ là người quyết định vấn

đề chia tài sản cho các con, do vậy, sự điều khiển về kinh tế dẫn tới nhiều ràng buộc khiến các con cho dù không vừa lòng cũng không thể thoát khỏi sự ảnh hưởng mọi mặt của cha mẹ. Nắm quyền về kinh tế, cha mẹ còn là điểm tựa cho các con khi họ đã có gia đình riêng bằng việc làm nhà, hỗ trợ chăm sóc các cháu, cúng giỗ...do đó, cha mẹ tiếp tục duy trì sự ảnh hưởng một chiều của mình mà ít gặp những yếu tố cần điều chỉnh.

Nếu như việc cha mẹ lấy ý kiến của con cái trong các hoạt động chính của gia đình có xu hướng phổ biến hơn ở thành thị và các hộ gia đình có thu nhập cao thì việc trẻ vị thành niên được chủ động quyết định nhiều vấn đề liên quan đến cá nhân các em lại biến đổi theo chiều hướng ngược lại, tức là trẻ vị thành niên ở nông thôn và nhóm hộ có thu nhập thấp lại chủ động quyết định những vấn đề cá nhân nhiều hơn. Khi tự quyết định nhiều vấn đề, trẻ vị thành niên đang dần hình thành một xu hướng phản ứng thái quá trước những can thiệp của cha mẹ. Chính điều này khiến nhiều trẻ vị thành niên phạm sai lầm dẫn tới những bi kịch gia đình. Bên cạnh xu hướng bình đẳng thân thiện hơn trong quan hệ ứng xử giữa cha mẹ với con cái thì việc đề cao một cách thái quá tính tự chủ của cá nhân đã khiến tính tôn ty trật tự của quan hệ gia đình phần nào bị giảm sút. Trên những phương tiện thông tin đại chúng đã xuất hiện hiện tượng trẻ vị thành niên giết cha, đánh mẹ. Việc trẻ em vô lễ hay nói năng không thể hiện sự nghiêm cẩn tôn kính khá phổ biến hiện nay. Đây là những minh chứng về mặt tích cực cũng như hạn chế của xu hướng bình đẳng dân chủ trong quan hệ cha mẹ con cái. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới việc quan hệ cha mẹ với con cái ngày một bình đẳng, dân chủ và trẻ em ngày càng được tự quyết định nhiều vấn đề cá nhân hơn. Có thể kể đến các nguyên nhân về kinh tế, về số con, về các phương tiện thông tin hỗ trợ như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, có hai yếu tố trong chính quan hệ gia đình đã hình thành nên xu hướng này và mang đến cả những biểu hiện tích cực lẫn tiêu cực: đó là việc những bữa cơm gia đình đang có xu hướng giảm và lượng thông tin giữa các thành viên trong gia đình đang ngày một ít hơn.

Những thay đổi theo hướng bình đẳng hơn trong quan hệ cha mẹ và con cái chính là một trong những biểu hiện của quan niệm về chữ Hiếu đã thay đổi. Về cơ bản, hiếu nghĩa vẫn giữ nguyên những giá trị truyền thống theo hướng thể hiện sự tuân phục, kính trọng, biết ơn cha mẹ của con cái trên mọi phương diện. Nó vẫn là điểm quan trọng nhất điều tiết quan hệ con cái với cha mẹ. Tuy sự bình đẳng, dân chủ không đồng nghĩa với việc con cái sẽ tách khỏi sự kiểm soát, định hướng và giáo dục của cha mẹ nhưng rõ ràng, nó đang khiến nhiều quy định trong đạo làm con bị thay đổi.

****Biến đổi về giáo dục trong gia đình truyền thống***

Biến đổi trong các nội dung giáo dục: Xác định được những tác động xấu của các vấn đề xã hội đến tương lai con cái, hầu hết các bậc cha mẹ đều lo con cái mắc phải các tệ nạn xã hội, không có việc làm, quan hệ tình dục trước hôn nhân hay không đủ khả năng học cao hơn. Từ sự mong muốn đó, các nội dung giáo dục của gia đình người Lào hiện nay chủ yếu hướng vào các vấn đề: giáo dục ý thức học tập, lập nghiệp, tránh xa các tệ nạn xã hội.

Sự thay đổi lớn nhất trong các nội dung giáo dục gia đình so với truyền thống là việc định hướng nghề nghiệp. Việc kế nghiệp mang lại sự yên tâm cho đại gia đình khi mà nghề nghiệp đó đã được chuẩn bị tốt từ các thế hệ trước, sự tiếp nối của các thế hệ sau là một điều kiện thuận lợi để làm tăng thêm uy tín gia đình. Việc định hướng nghề nghiệp còn được thể hiện theo hướng: cha mẹ luôn hướng con tới việc chủ trương lập danh. Những nghề có thể được mọi người biết đến với sự kính trọng luôn là đích hướng để các gia đình mong con đi theo. Thầy thuốc, thầy giáo, giữ chức sắc trong chính quyền là những nghề được ưu tiên số một trong giáo dục nghề nghiệp của đại đa số các gia đình người Lào truyền thống. Việc giáo dục đạo lý và thể ứng xử vẫn là một nội dung giáo dục được các gia đình người Lào rất chú trọng. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, phải thừa nhận là không phải gia đình nào cũng thực sự dành nhiều thời gian cho nội dung giáo dục này. Ai cũng mong trẻ ngoan, hiếu thảo nhưng dạy trẻ từng chi tiết, từng hành vi để làm người hiếu thảo thì chưa thực sự cụ thể.

Kết quả khảo sát của chúng tôi, những người được hỏi đều cho rằng giáo dục gia đình là một ứng xử quan trọng để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Bảng 6: Giáo dục con cháu trong gia đình

Các nội dung giáo dục	Xưa		Nay	
	SP	TL%	SP	TL%
Truyền thống văn hóa gia đình	198	98.01	173	85.64
Giáo dục đạo đức, nhân cách	193	95.54	182	90.09
Ứng xử với người lớn tuổi trong GD và XH	197	97.52	180	89.10
Kỹ năng trong lao động sản xuất	174	86.13	154	76.23

Biến đổi trong các hình thức giáo dục: Giáo dục trong gia đình truyền thống đề cao nguyên tắc theo thành ngữ: “*Yêu bò hãy buộc dây, yêu con cho roi cho vọt*” [72, tr.30], do vậy, các hình thức giáo dục khắt khe thường được áp dụng. Khoảng cách giữa cha mẹ và con cái, đặc biệt là người cha luôn phải nói rộng để tạo nên cảm giác về quyền lực tuyệt đối, được xem là điều kiện để đảm bảo hiệu quả của giáo dục gia đình. Trong quan niệm truyền thống, nếu cha mẹ không nghiêm khắc, không áp dụng những hình thức giáo dục cứng rắn thì con cái sẽ khó có thể nghe lời và đi vào khuôn khổ.

Quan niệm trên đang có nhiều thay đổi, thể hiện trong sự áp dụng các hình thức giáo dục gia đình không hoàn toàn mang tính chất khắt khe, cứng rắn như trước. Biện pháp giáo dục bằng cách đánh đòn không còn được nhiều gia đình áp dụng. Thay vào đó, chủ yếu là việc nhắc nhở, phân tích đúng sai hoặc quát mắng. Một hình thức giáo dục khi trẻ mắc lỗi nữa được áp dụng là liên hệ với nhà trường. Hình thức này tuy không phổ biến nhưng sự xuất hiện của nó cho thấy, các bậc cha mẹ không muốn giấu giếm việc con mình có lỗi và nhờ nhà trường can thiệp như một phương thức hỗ trợ giáo dục gia đình.

Một trong những hình thức giáo dục khá mới hiện nay đang được áp dụng trong giáo dục gia đình đó là hình thức khen thưởng, động viên trẻ khi chúng có thành tích tốt. Gia đình truyền thống không khuyến khích hình thức giáo dục này vì cho rằng sẽ tạo cho trẻ sự tự mãn. Điểm khác biệt nữa của giáo dục gia đình hiện nay chính là việc ít áp dụng hình thức giáo dục bằng tục ngữ, thành ngữ ca

dao vốn được gia đình truyền thống rất đề cao. Trên thực tế, đây là hình thức giáo dục rất hiệu quả, bởi lẽ, nó đi vào tâm thức trẻ em một cách hết sức tự nhiên, gần gũi. Tuy nhiên, do hầu hết các bậc làm cha mẹ trẻ hiện nay đã ít được tiếp cận với nguồn thông tin về văn hoá truyền thống nên việc chuyển tải đến trẻ em là không có điều kiện. Ông Khăm uôn là giảng viên tại trường Lý luận chính trị, đang cư trú tại bản Done Keo, tỉnh Oudomxay cho biết:

Trong giáo dục gia đình, theo thực tế mà tôi nhìn thấy hiện nay, bố mẹ cũng ít ngồi dạy học cho con, chủ yếu là các con đi học ở trường, về đường lối thì có, chính quyền muốn mọi người giáo dục, yêu thương và quan tâm đến con cái nhiều hơn, nhưng trên thực tế, nó tự diễn ra theo từng gia đình và từng điều kiện.

Biến đổi trong vai trò của các thành viên gia đình với việc giáo dục: Gia đình truyền thống luôn nói đến ảnh hưởng của người mẹ đến sự phát triển nhân cách trẻ em. Quan niệm “phúc đức tại mẫu” thể hiện rõ điều này. Đây không phải chỉ là ảnh hưởng của lối tư duy về nguyên lý Mẹ trong các cư dân nông nghiệp khi cây lúa được xem như biểu tượng về người phụ nữ mà còn xuất phát từ sự tiếp xúc gần gũi hàng ngày của mẹ với con cái. Tuy nhiên, nếu xét trên phương diện giáo dục gia đình một cách chính thống, người cha không phải chỉ là người có nhiệm vụ giáo dục con cái mà còn là người giữ nhiệm vụ điều chỉnh mọi quan hệ ứng xử trong gia đình và gia tộc. Dù truyền thống hay hiện đại thì gia đình vẫn là đơn vị giáo dục đầu tiên và quan trọng nhất đối với mỗi cá nhân. Mọi giá trị chuẩn mực, những định hướng nhân cách, ứng xử cá nhân... đều được hình thành chủ yếu trên nền tảng giáo dục gia đình. Vấn đề xã hội hoá ban đầu cho trẻ quyết định khả năng thích nghi và hoà nhập xã hội của chúng, do đó, chắc chắn, những trẻ em được chuẩn bị cho giai đoạn này thật tốt sẽ tránh được những lệch chuẩn, trở nên vững vàng hơn trong những bước đi tiếp theo. Chức năng giáo dục của gia đình đang có xu hướng dồn nhiều sang nhà trường và các tổ chức giáo dục khác xuất phát từ điều kiện kinh tế và nhận thức của các nhóm dân cư khác nhau. Một phần không nhỏ các gia đình nông thôn phải dành thời gian nhiều cho mưu sinh, kiếm

sống nên gần như phó mặc việc giáo dục cho nhà trường. Như vậy, sự thay đổi rõ nhất trong chức năng giáo dục của gia đình người Lào hiện nay là xu hướng tách dần nhiệm vụ giáo dục trẻ em ra khỏi những hoạt động hàng ngày của cha mẹ, đồng nhất việc giáo dục với học tập, do đó, xu hướng chuyên biệt hoá chức năng giáo dục thành của nhà trường đang xuất hiện tuy chưa phải phổ biến nhưng không phải chỉ còn là những trường hợp cá biệt. Sự thay đổi này trong chức năng giáo dục của gia đình sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến mục đích, nội dung và biện pháp giáo dục sẽ được đề cập đến ở phần sau.

3.4.2.3. Biến đổi trong ứng xử giữa anh chị em

Trong quan hệ gia đình truyền thống, người Lào rất chú trọng quan hệ ứng xử giữa anh chị em ruột với nhau theo hướng người anh cả và chị cả sẽ luôn là người thay cha mẹ chăm lo mọi việc lớn của gia đình, phân xử quyền lợi và nghĩa vụ của các em. Với nhiều gia đình, anh cả và chị thực sự là người nuôi các em trưởng thành và là người trực tiếp chăm lo, làm điếm tựa và cầu nối của các em trong gia đình. Quan hệ anh chị em trong các gia đình của người Lào hiện nay về cơ bản vẫn giữ được nét truyền thống đó, nhất là ở các khu vực nông thôn và miền núi. Một phần điều đó được duy trì ổn định vì tính chất gần gũi của địa bàn cư trú và cơ sở kinh tế. Do đất còn khá rộng, các cặp vợ chồng ở các bản mà NCS lựa chọn nghiên cứu, khi kết hôn đều được bố mẹ tạo điều kiện phân chia đất sản xuất. Điều này là cơ sở thuận lợi cho việc con cái đều được hưởng quyền lợi từ bố mẹ và tránh được những va chạm do sinh hoạt chung của nhiều gia đình nhỏ tạo nên. Do ở gần nhau trong một môi trường mà dư luận xã hội vẫn được coi là yếu tố ràng buộc con người rất chặt chẽ, các thành viên trong gia đình luôn cố gắng điều chỉnh ứng xử để sao cho những mâu thuẫn nhỏ không làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của gia đình. Các thành viên trong đại gia đình có điều kiện gần gũi để quan tâm và chia sẻ mọi công việc của các tiểu gia đình.

Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, tốc độ đô thị hoá mạnh, sự xáo trộn về điều kiện sống, phương thức làm ăn, cơ hội kiếm tiền cũng như quan niệm thay đổi về quan hệ gia đình đã tác động đến ứng xử của anh chị em

trong gia đình. Với các gia đình trong phố, do diện tích sinh hoạt hẹp, nhiều gia đình phải duy trì hình thức sinh hoạt chung của nhiều thế hệ, nhiều gia đình thành viên trong một không gian hạn chế. Điều này dễ dẫn đến va chạm ngay cả giữa các anh em ruột với nhau, ở chung, sinh hoạt chung, vai trò của người anh cả và chị cả cũng không có nhiều khác biệt. Các con đều lớn lên bên cạnh cha mẹ, việc đóng góp cho gia đình và chăm sóc cha mẹ gần như bình đẳng. Do vậy, tính chất hàng ngang dân chủ trong các quan hệ này dễ nhìn thấy hơn. Nhiều gia đình vì thế mà trở nên xung đột khi đụng tới vấn đề phân chia quyền lợi và trách nhiệm. Với nhiều gia đình ở thành thị hiện nay, việc con cái cho rằng cha mẹ phải phân chia tài sản cho tất cả các con ngang nhau đã khá phổ biến. Với các gia đình có các con thoát ly khỏi quê hương, đi học và làm việc ở thành phố lớn, quan hệ ứng xử này lại biến đổi theo một hướng khác. Những người có điều kiện về kinh tế, mặc dù không phải là con cả, cũng không phải là người trực tiếp chăm sóc bố mẹ nhưng lại có được những ảnh hưởng khá rõ rệt đến các thành viên khác. Nếu người thoát ly có điều kiện về kinh tế lại đồng thời là người con trưởng thì quan hệ giữa các thành viên trong gia đình khá thuận lợi. Trong trường hợp, người con cả thoát ly, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc cha mẹ nhưng lại cũng rất khó khăn về kinh tế sẽ dễ gặp phải việc không có tiếng nói quyết định trước các vấn đề như: thừa kế tài sản, chăm lo việc họ, giúp đỡ các em, ảnh hưởng của người anh cả ở nông thôn với các em đã thoát ly có điều kiện công việc tốt cũng đang thay đổi, theo đó, tiếng nói mang tính chất quyết định hoàn toàn của người anh cả khó có thể được áp dụng trên tất cả các phương diện.

3.4.2.4. Biến đổi trong ứng xử giữa ông bà và con cháu

Trong điều kiện xã hội phát triển như hiện nay, mối quan hệ giữa ông bà - con cháu trong gia đình truyền thống Lào tại huyện Xay, tỉnh Oudomxay cũng có những ảnh hưởng nhất định. Thông thường ông bà hoặc người cao tuổi nhất trong gia đình có tiếng nói quan trọng chỉ đạo gia đình, phát triển kinh tế và nuôi dạy con cháu, trong gia đình truyền thống Lào sự trợ giúp và chăm sóc ông bà đã tồn tại trong tâm thức các gia đình, đặc biệt là đối với người con đã trưởng

thành. Chính những quan niệm trong văn hóa gia đình truyền thống, phong tục văn hóa gia đình người Lào đã làm cho mối quan hệ giữa người cao tuổi và các thành viên trong gia đình ngày càng mật thiết hơn, gắn bó với nhau gần gũi hơn, người trẻ kính trọng người già. Văn hóa ứng xử trong mối quan hệ ông bà - con cháu là mối quan hệ có tính chất tiếp nối về huyết thống. Bên cạnh sự thương yêu, kỳ vọng, những khác biệt về tuổi tác, quan niệm sống, đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi tạo nên giữa thế hệ ông bà với thế hệ cháu có những khác biệt nhất định. Hoàn cảnh sống cũng tác động đối với quan hệ ông bà và cháu. Xu hướng tách hộ, hình thành gia đình hạt nhân ngày càng mạnh và ông bà thường ở riêng nên ít tiếp cận với con cháu. Điều này làm hạn chế sự chăm sóc về tinh thần, hỗ trợ giáo dục lớp con cháu của ông bà. Ngược lại, sự chăm sóc đối với ông bà của con cháu, đặc biệt là sự nâng đỡ về tinh thần cũng hạn chế, có thể do điều kiện kinh tế, thời gian và nơi công tác lẫn tính chất công việc, nên việc chăm sóc phụng dưỡng ông bà, cha mẹ là bổn phận, trách nhiệm của con cháu có một số sự thay đổi tại địa bàn nghiên cứu. Những điều lưu ý về ứng xử của cháu đối với ông bà: tôn trọng, có thái độ đúng mực, lễ phép, kính trọng, biết ơn đối với ông bà. Thăm viếng, chăm sóc, hỏi han, thông báo về sự tiến bộ của bản thân mình để tạo niềm vui, sự hãnh diện cho ông bà. Trực tiếp tham gia chăm sóc ông bà khi ốm đau, bệnh tật. Đối với cháu đã thành niên, lập gia đình phải đưa cháu chất đến thăm các cụ, để ông bà được vui mừng khi biết rằng con cháu ổn định, ăn nên làm ra nhờ phúc đức tổ tiên, mà ông bà an lòng vui sống.

3.4.2.5. Biến đổi trong ứng xử giữa họ hàng

Đối với việc họ, các thành viên trong gia đình cũng có nhiều thay đổi về quan hệ ứng xử. Họ được xem là một dạng đặc biệt của gia đình mở rộng, mà tác dụng chính đối với các thành phần của nó (tức các gia đình nhỏ hợp thành) là tạo ra niềm cộng cảm dựa trên huyết thống. Những sợi dây liên kết họ mạc trên đã thay đổi khá nhiều ở các khu vực đô thị. Điểm dễ nhận thấy đầu tiên là cơ sở kinh tế ruộng họ đã rất ít còn tồn tại. Nói cách khác, sự đa dạng trong cơ cấu

kinh tế đã tách dần các thành viên trong họ tộc ra khỏi địa bàn tụ cư truyền thống. Khi địa bàn tụ cư đã không còn là tiêu chí nhận diện, quy tụ họ mạc thì những quan hệ cộng cảm khác sẽ khó có được điều kiện thuận lợi để củng cố. Các thành viên trong gia đình sẽ có xu hướng chỉ tham gia vào các hoạt động chủ yếu của dòng họ, đó là các hoạt động có tác động trực tiếp đến quyền lợi thực tế của mỗi gia đình như: hiếu hỉ hay các cuộc họp bàn về sự phát triển của dòng họ.

Theo số liệu điều tra tại ba bản cho thấy văn hóa ứng xử trong gia đình người Lào có những thay đổi nhất định, nhiều hay ít tùy từng khía cạnh.

Bảng 5: 7 trong 14 điều quy định về ứng xử của phong tục Lao

Các điều ứng xử cụ thể	Nghiêm túc		Không nghiêm túc	
	SP	TL%	SP	TL%
Ứng xử giữa chồng với vợ	176	87.12	26	12.87
Ứng xử giữa bố với mẹ	181	89.60	21	10.39
Ứng xử giữa cha mẹ và con cháu	169	83.66	33	16.33
Ứng xử của con dâu, chú rể với hai bên gia đình	154	76.23	48	23.76
Ứng xử giữa cô, dì, chú, bác với gia đình	158	78.21	44	21.78
Ứng xử của ông bà với gia đình	189	93.56	13	6.43
Ứng xử của những người già làng	194	96.03	8	3.96

Nhìn vào bảng số liệu có thể thấy các nội dung giáo dục trong gia đình của người Lào từ truyền thống đến hiện đại có biến đổi, nhưng không nhiều. Các nội dung giáo dục con cháu trong gia đình vẫn được giữ nguyên nhưng tàn suất và số lượng có giảm.

3.4.2.6. Biến đổi trong ứng xử giữa người sống với người chết

Nếu như hôn nhân là bước ngoặt lớn đánh dấu sự khởi đầu giai đoạn dài nhất trong cuộc đời mỗi người thì những nghi thức tang ma lại đặt dấu chấm cho sự tồn tại trần thế. Đám tang vì thế trở thành nghi thức quan trọng nhất trong cuộc đời mỗi người. Đám tang thể hiện nỗi xót thương, tình cảm gắn bó của con người trước nỗi đau mất người thân vĩnh viễn. Tang chế ở mỗi vùng miền không những chỉ mang

dấu ấn của kinh tế, của văn hoá truyền thống địa phương mà còn phản ánh mức độ ảnh hưởng, tác động của các yếu tố do thời đại mang lại. Những biến đổi trong thủ tục, nghi thức tang ma của người Lào trong giai đoạn hiện nay cũng sẽ phản ánh những chiều kích tác động ấy. Theo truyền thống trước đây, sau khi thực hiện các nghi lễ tại nhà, người chết sẽ được mang đi đến khu rừng hỏa thiêu (hay con gọi khu nghĩa địa) để tổ chức hỏa táng, theo đúng phong tục truyền thống, người chết sẽ được thiêu bằng lửa đốt củi ngay tại rừng. Nhưng hiện nay, do điều kiện khách quan và chủ quan, hình thức hỏa táng có sự thay đổi theo điều kiện thời tiết và điều kiện kinh tế, một số người sử dụng thêm chất dễ cháy như: dầu, nhựa cao su, lớp ô tô... Để bổ sung và đốt củi hỏa thiêu, có những người hiện nay không hỏa táng bằng củi nữa mà thay bằng lò hỏa táng, trong lò hỏa táng bình thường thì họ sử dụng củi kết hợp với than và đặt ngay tại khu rừng nghĩa trang, còn lò hỏa táng hiện đại thì được thiết kế riêng bằng điện với công nghệ hiện đại hơn và được đặt ở phía ngoài đường vào khu nghĩa trang [ảnh 20]. Nhìn chung, tang lễ của người Lào hiện nay đang có xu hướng biến đổi tích cực với sự giản lược những nghi thức quá hình thức và có màu sắc mê tín dị đoan nhưng vẫn cơ bản giữ được nguyên ý nghĩa và nghi thức của tang lễ truyền thống. Tang lễ không những chỉ là dịp để con cháu thể hiện hiếu đễ mà còn là dịp gắn kết tinh thần trong làng ngoài họ. Sức nặng của truyền thống trong phong tục tập quán rõ ràng là rất cần để các nhà quản lý văn hoá tham khảo để đưa ra những giải pháp khả thi nhằm hướng dẫn việc thực hiện nếp sống mới ở cơ sở. Cho dù tang lễ đang xuất hiện sự hỗ trợ của nhiều lực lượng xã hội nhưng về cơ bản, đó vẫn là vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến các thành viên trong gia đình, do vậy, các thành viên trong gia đình vẫn là người chịu trách nhiệm chính. Các thành viên trong gia đình đã có những đóng góp về trách nhiệm theo hướng bình đẳng hơn, phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi gia đình.

Trong kết quả điều tra cho thấy sự biến đổi về nghi lễ tổ chức tang ma là không nhiều, hầu như vẫn giữ những phong tục ngày xưa, và chỉ có chút thay đổi.

Bảng 7: Phong tục ma chay

Các phong tục trong tổ chức tang lễ	Xưa		Nay	
	SP	TL%	SP	TL%
1. Chuẩn bị gỗ để làm quan tài, và chỉ đóng quan tài sau khi có người đã chết	202	100.0	184	91.08
2. Tập trung các thành viên trong gia đình để chăm sóc cho người sắp qua đời.	201	99.50	177	87.62
3. Xem ngày, giờ để thực hành nghi lễ khâm liệm và hỏa thiêu	200	99.00	198	98.01
4. Mời nhà sư đến làm lễ và cầu cho linh hồn được siêu thoát	199	98.51	197	97.52
5. Chuẩn bị đồ lễ và thức ăn, đồ uống cho người đến thăm hỏi	189	93.56	173	85.64
6. Thực hành nghi lễ cho người chết vào quan tài	201	99.50	200	100.0
7. Con, cháu trai của người chết đi tu để thể hiện lòng hiếu thảo và để dẫn linh hồn lên trời	202	100.0	199	98.51
8. Tổ chức hỏa thiêu	202	100.0	201	99.50
9. Lễ nhật tro sau hỏa thiêu một ngày	200	99.00	198	98.01
10. Thực hành nghi thức xây tháp và đặt tro vào tháp tại chùa	201	99.50	200	99.00

Về cơ bản các phong tục ma chay đều biến đổi nhưng không nhiều. Trong đó biến đổi nhiều nhất là việc tập trung các thành viên trong gia đình để chăm sóc cho người sắp qua đời giảm 11,38%, tiếp đến là việc chuẩn bị đồ lễ và thức ăn, đồ uống cho người đến thăm hỏi giảm 14,36%. Còn các phong tục khác biến đổi nhưng không đáng kể.

Tiểu kết

Toàn cầu hóa đã trở thành một xu thế khách quan không thể cưỡng lại của lịch sử phát triển nhân loại, có thể hiểu đó là sự giao lưu rộng rãi về kinh tế, chính trị, văn hóa giữa nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên phạm vi toàn thế giới. Toàn cầu hóa là một sự thay đổi xã hội, một sự liên thông ngày càng tăng giữa các xã hội và các yếu tố của nó do quá trình đan xen văn hóa kết hợp với sự gia tăng bùng nổ của giao thông và các công nghệ truyền thông góp phần thúc đẩy kinh tế quốc tế và giao lưu văn hóa. Về mặt lý luận có nhiều cách hiểu về hội nhập quốc tế nhưng từ thực tiễn và lý luận có thể khái quát một số điểm chung

nổi bật như sau: hội nhập quốc tế bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, không có giới hạn về thời gian, không chỉ diễn ra thông qua việc tham gia các cơ chế hợp tác đa phương mà còn trên nhiều bình diện là quá trình xây dựng và áp dụng các luật lệ và chuẩn mực chung. Đặc biệt, trong hội nhập kinh tế quốc tế thường được diễn ra trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong những năm gần đây, cùng với xu thế chung của thế giới, quốc gia Lào nói chung và huyện Xay, tỉnh Oudomxay nói riêng cũng chịu ảnh hưởng của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Về phương diện gia đình và văn hóa gia đình, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế có những tác động tích cực và tiêu cực đến các hợp phần của văn hóa gia đình, trong đó có biến đổi về hệ giá trị gia đình, chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình và vai trò của các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, trong phạm vi giới hạn nghiên cứu của luận án những tư liệu điều tra, số liệu khảo sát thực tiễn tại địa bàn nghiên cứu bước đầu hướng tới làm rõ sự biến đổi về chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình truyền thống của người Lào. Các bảng biểu phân tích qua số liệu điều tra về phong tục cưới xin, qui định ứng xử, phong tục ma chay, giáo dục gia đình, ứng xử trong sinh đẻ đã cung cấp những thông tin để đi đến một nhận định rằng: văn hóa gia đình truyền thống của người Lào trong bối cảnh xã hội mới có những biến đổi nhất định. Riêng đối với huyện Xay, sự biến đổi văn hóa gia đình có thể diễn ra chậm hơn và không đồng đều giữa các bản so với các địa bàn khác như huyện La, huyện Beng...

KẾT LUẬN

Văn hóa gia đình là hệ thống những giá trị, chuẩn mực khu biệt đặc thù điều tiết mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và mối quan hệ giữa gia đình với xã hội. Luận án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về gia đình và văn hóa gia đình, trong đó có các khái niệm về gia đình, văn hóa gia đình, khái niệm văn hóa gia đình truyền thống. NCS phân tích hợp phần nghiên cứu văn hóa gia đình bao gồm: hệ giá trị gia đình và chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử trong gia đình, trong đó có các khái niệm khuôn mẫu, ứng xử và khuôn mẫu ứng xử. Từ những nguồn tư liệu của các nhà nghiên cứu đi trước, luận án làm rõ các hợp phần nghiên cứu văn hóa gia đình bao gồm ba hợp phần: 1/Giá trị gia đình; 2/Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình; 3/Vai trò các thành viên trong gia đình, từ đó áp dụng khung lý thuyết cho việc khảo sát phân tích chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử văn hóa gia đình của người Lào ở huyện Xaythuộc tỉnh Oudomxay, được triển khai trong chương 2 của luận án.

Luận án đã giới thiệu khái quát về vấn đề chính trị, kinh tế và văn hóa xã hội của huyện Xay và toàn tỉnh Oudomxay để từ đó có một cái nhìn toàn diện trước khi đi vào tìm hiểu về văn hóa gia đình truyền thống của người Lào tại đây. Tư liệu trong luận án đã đưa ra những nét chung về 3 bản: Done Keo, Thiêu và Long Ya. Đây là các bản trong khu vực huyện Xay được khảo sát sâu và thực hiện các chương trình điều tra xã hội học để tìm ra những nét đặc trưng nhất về văn hóa gia đình truyền thống của 3 bản để nghiên cứu và phân tích sâu trong luận án.

Luận án tập trung nghiên cứu một trong ba hợp phần của văn hóa gia đình đó là: chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình của người Lào ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay với các nội dung cụ thể: 1/Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử giữa vợ - chồng; 2/Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử giữa cha mẹ và con cái; 3/Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử giữa anh chị em; 4/Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử giữa ông bà và con cháu; 5/Chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử giữa họ hàng; 6/Chuẩn mực

khuôn mẫu ứng xử của người sống với người chết. Trong những nguồn tư liệu viết về đám cưới gồm có các quan niệm về hôn nhân, các nghi lễ và phong tục trong tổ chức đám cưới. Có thể nhận thấy sự ảnh hưởng của đạo Phật trong việc nhắc nhở các đôi vợ chồng trẻ cần phải tuân thủ những điều cơ bản về đạo đức được qui định trong ngũ giới: 1/Không được giết hại; 2/Không được trộm cướp; 3/Không được tà dâm; 4/Không được nói sai sự thật; 5/Không được uống rượu. Tư liệu viết về giáo dục con cái như: giáo dục đạo đức và nhân cách, lối sống và ứng xử, kỹ năng lao động và kinh nghiệm trong sản xuất. Trước đây đào tạo tại chùa là một phần trong hệ thống giáo dục của Lào và ngày nay nhiều bản mường, ngôi chùa vẫn còn là nơi tham gia đào tạo tích cực cho thế hệ trẻ. Nguồn tư liệu về tang ma trong đó có các nghi lễ như: khâm liệm, đưa tang, hỏa táng và thờ cúng người chết. Trong hầu hết các nghi lễ, từ sinh đẻ, cưới xin cho đến ma chay, thờ cúng tổ tiên đều có sự tham gia của các nhà sư.

Để làm rõ 6 chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình, luận án đã dựa vào các nguồn tài liệu khác nhau, trước hết là nguồn tư liệu thành văn của các tác giả người Lào tiêu biểu là bộ qui định về ứng xử "*Hít xíp xoong Khoong xíp xít*" là một qui định rất phổ biến đã được xã hội Lào tuân theo từ xưa đến nay. Sau đó là các thông tin phỏng vấn hồi cố những người cao tuổi ở ba bản lựa chọn nghiên cứu: bản Done Keo, Thiêu và bản Long Ya. Để làm minh chứng cho nhận định về khuôn mẫu ứng xử là những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ đã được cộng đồng người Lào hướng tới và tuân theo các chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử. Có thể gọi tên một số khuôn mẫu tiêu biểu như sau: *Chồng là viên đá quý vợ là nước phép màu, chồng may vợ thêu; Đã là vợ chồng đừng nói mày tao, hãy xưng anh xưng em mãi mãi cả đời; Công cha như núi cao nghĩa mẹ như trời và đất; Chuột cắn vải thêu mới biết công mào, bé con nhỏ mới nhớ đến công cha mẹ; Mắng họ hàng đau lòng, mắng em đau trái tim; Thương con bằng mười, yêu cháu bằng vạn; Viên ngọc 3 năm không lau thì sẽ biến thành sỏi đá, họ hàng 3 năm không thăm hỏi trở thành người khác...*

Toàn cầu hóa đã trở thành một xu thế khách quan không thể cưỡng lại của lịch sử phát triển nhân loại, có thể hiểu đó là sự giao lưu rộng rãi về kinh tế, chính trị, văn hóa giữa nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên phạm vi toàn thế giới. Toàn cầu hóa là một sự thay đổi xã hội, một sự liên thông ngày càng tăng giữa các xã hội và các yếu tố của nó do quá trình đan xen văn hóa kết hợp với sự gia tăng bùng nổ của giao thông và các công nghệ truyền thông góp phần thúc đẩy kinh tế quốc tế và giao lưu văn hóa. Hội nhập quốc tế bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, không có giới hạn về thời gian, không chỉ diễn ra thông qua việc tham gia các cơ chế hợp tác đa phương mà còn trên nhiều bình diện là quá trình xây dựng, áp dụng các luật lệ và chuẩn mực chung. Đặc biệt, trong hội nhập kinh tế quốc tế thường được diễn ra trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong những năm gần đây, cùng với xu thế chung của thế giới, quốc gia Lào nói chung và huyện Xay, tỉnh Oudomxay nói riêng cũng chịu ảnh hưởng của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Về phương diện gia đình và văn hóa gia đình, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế có những tác động tích cực và tiêu cực đến các hợp phần của văn hóa gia đình, trong đó có sự biến đổi về hệ giá trị gia đình, chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình và vai trò của các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, trong phạm vi giới hạn nghiên cứu của luận án, những tư liệu điều tra, số liệu khảo sát thực tiễn tại địa bàn nghiên cứu bước đầu hướng tới làm rõ sự biến đổi về chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử gia đình truyền thống của người Lào. Các bảng biểu phân tích qua số liệu điều tra và phỏng vấn sâu đã cung cấp những thông tin để đi đến một nhận định rằng: văn hóa gia đình truyền thống của người Lào trong bối cảnh xã hội mới có những biến đổi nhất định. Riêng đối với huyện Xay, sự biến đổi diễn ra chậm hơn và không đồng đều so với khu vực khác của đất nước Lào.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Phadone Insaveang (2012), “Nghĩ lễ tang ma của người Lào ở huyện Xay tỉnh Oudomxay, Lào”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 338, tr 57-67.
2. Phadone Insaveang (2014), “Nhà sàn của người Lào (nghiên cứu trường hợp huyện Xay, tỉnh Oudomxay)”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa*, số 08, tr 97-102.
3. Phadone Insaveang (2016), “Văn hóa gia đình của dân tộc Lào (qua đám cưới người Lào ở huyện Xay, tỉnh Oudomxay)”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2, tr 58-62.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tham khảo tiếng Việt

1. A.A Radughin - chủ biên (2004), *Văn hóa học, những bài giảng*, Viện Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Ăng ghen (1984), *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của nhà nước*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
3. Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lí học Nhân cách - Một số vấn đề lí luận*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Chris Barker (2011), *Nghiên cứu văn hóa lý thuyết và thực hành*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. C.Mác - Ph.Ăngghen (1984), *Tuyển tập*, Tập 6, Bản dịch của Nxb Sự thật, Hà Nội.
6. Bùi Đình Châu (2002), *Văn hóa gia đình*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Vũ Minh Chi (2004), *Nhân học văn hóa con người với thiên nhiên, xã hội và thế giới siêu nhiên*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Đoàn Văn Chúc (1997), *Xã hội học văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Dân (chủ biên) (2001), *Những vấn đề của toàn cầu hoá kinh tế*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
10. Ngô Văn Doanh, Vũ Quang Thiện (1997), *Phong tục các dân tộc Đông Nam Á*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
11. Huỳnh Thị Dung (1999), *Từ điển văn hóa gia đình*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
12. Phạm Đức Dương (1994), “Lễ hội truyền thống và văn nghệ dân gian ở Lào”, *Tìm hiểu lịch sử-Văn hóa Lào*, Tập III, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
13. Phạm Đức Dương (1998), *Ngôn ngữ và văn hóa Lào trong bối cảnh Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. G.Endrweit và G. Trommsdorff (2001), *Từ điển xã hội học*, Nxb Thế giới, Hà Nội

15. Lê Thị Hồng Hải, Mai Văn Huyền (2014), *Về một khuynh hướng vận hành và biến đổi trong hệ giá trị gia đình hiện nay qua cuộc khảo sát tại tỉnh Thái Bình*. Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 4, tr. 65-75. Hà Nội.
16. Lê Như Hoa (2001), *Văn hóa gia đình với việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ em*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
17. Lê Như Hoa (2002), *Lối sống trong xã hội hiện đại*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
18. Nguyễn Minh Hoà (2000), *Hôn nhân gia đình trong xã hội hiện đại*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
19. Trịnh Huy Hóa (biên dịch) (2003), *Đối thoại với các nền văn hóa Lào*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Ngô Công Hoàn (1993), *Tâm lý học Gia đình*, Đại học Sư phạm Hà Nội.
21. Nguyễn Huy Hoàng (2002), *Mấy vấn đề triết học văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
22. Nguyễn Văn Hộ-Trịnh Trúc Lâm (2000), *Ứng xử sư phạm*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
23. Đỗ Huy (chủ biên) (1996), *Văn hoá Việt Nam, sự thống nhất và đa dạng*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
24. Vũ Tuấn Huy (2003), *Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình và những yếu tố ảnh hưởng*, Nxb Hội Khoa học Xã hội, Hà Nội.
25. Nguyễn Văn Huyền (2005), *Văn minh Việt Nam*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
26. Thanh Hương (1997), “Gia đình văn hóa” trong *Xây dựng gia đình văn hóa trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
27. Trần Đình Hượu (1996), “Gia đình và giáo dục gia đình” trong *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
28. Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý (2009), *Gia đình học*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

29. Nguyễn Khánh (1995), "Gia đình Việt Nam hiện nay", trong sách *Gia đình Việt Nam, các trách nhiệm, các nguồn lực trong sự đổi mới đất nước*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
30. Vũ Ngọc Khánh (1998), *Văn hóa gia đình*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
31. Nguyễn Linh Khiếu (2001), *Gia đình và phụ nữ trong biến đổi văn hoá xã hội nông thôn*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
32. Trương Lai (chủ biên) (1996), *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
33. Quế Lai (1994), *Tìm hiểu lịch sử văn hóa Lào*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
34. Thanh Lê (2000), *Văn hóa và Lối sống*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
35. Phạm Việt Long (2004), *Tục ngữ ca dao về quan hệ gia đình*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Dương Thị Minh (2004), *Gia đình Việt Nam và vai trò người phụ nữ trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
37. Đức Minh (1982), *Suy nghĩ về trách nhiệm của gia đình đối với việc giáo dục thiếu niên và nhi đồng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
38. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
39. Lê Minh (1994), *Văn hoá gia đình Việt Nam và sự phát triển xã hội*, Nxb Lao động, Hà Nội.
40. Lê Minh (1994), *Những tình huống ứng xử trong gia đình*, Nxb Lao động, Hà Nội.
41. Bùi Xuân Mỹ (2001), *Lễ tục trong gia đình người Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
42. Mai Quỳnh Nam (2004), *Gia đình trong tâm gương xã hội học*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
43. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin Hà Nội.
44. Trần Đức Ngôn (2010), *Văn hóa gia đình Việt Nam trong thời đại hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Hà Nội.

45. Nguyễn Tri Nguyên (2000), *Văn hoá tiếp cận từ vấn đề và hiện tượng*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
46. Nguyễn Tri Nguyên (2006), *Văn hoá tiếp cận lý luận và thực tiễn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
47. Nguyễn Tri Nguyên (2010), *Văn hóa học- những phương diện liên ngành và ứng dụng*, Nxb Đại học công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
48. Nhiều tác giả (1985), *Tìm hiểu văn hóa Lào*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
49. Nhiều tác giả (1995), *Tìm hiểu lịch sử - văn hoá Lào*, Nxb, Khoa học Xã hội, Hà Nội.
50. Nhiều tác giả (2001), *Báo cáo phát triển con người Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
51. Nhiều tác giả (2002), *Văn hoá gia đình và sự phát triển xã hội*, Nxb, Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
52. Nhiều tác giả (2002), *Việt Nam trong thế kỷ XX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
53. Nhiều tác giả (2007), *Văn hóa học những phương pháp nghiên cứu*, Nxb, Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
54. Nhiều tác giả (2012), *Xây dựng nhân cách văn hóa, những bài học kinh nghiệm trong lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
55. Nhiều tác giả (2016), *Hệ giá trị gia đình Việt Nam từ hướng tiếp cận xã hội học*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
56. Lương Ninh (1996), *Đất nước Lào - lịch sử và văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
57. Trần Thị Vân Nương (2014), *Chuẩn mực hôn nhân những quan niệm khác biệt*, Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 4, [tr.76-84].
58. Nguyễn Thị Oanh (1995), *Gia đình nhìn từ góc độ xã hội học*, Đại học Mở- Bán công TP Hồ Chí Minh (lưu hành nội bộ).
59. Tạ Văn Thành (1997), *Xây dựng gia đình văn hóa trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

60. Bùi Quang Thắng (chủ biên) (2008), *30 thuật ngữ nghiên cứu văn hoá*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
61. Trần Ngọc Thêm (2006), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, in lần thứ tư, có sửa chữa và bổ sung, Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
62. Lê Thi (1997), *Vai trò của gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
63. Lê Thi (2002), *Gia đình Việt Nam trong bối cảnh đất nước đổi mới*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
64. Lê Thi (2004), *Gia đình, phụ nữ Việt Nam với dân số, văn hoá và sự phát triển bền vững*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
65. Nguyễn Lê Thi (1992), *Đất nước Lào lịch sử và văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
66. Nguyễn Lê Thi (1992), *Vai trò của Phật giáo trong đời sống chính trị văn hóa và xã hội Lào*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
67. Nguyễn Lê Thi (chủ biên) (2012), *Từ điển lịch sử và văn hóa Lào*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
68. Nguyễn Duy Thiệu (1996), *Cấu trúc tộc người ở Lào*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
69. Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan (chủ biên) (2005), *Folklore một số thuật ngữ đương đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
70. Trần Hữu Tông, Trương Thìn (chủ biên) (1997), *Xây dựng gia đình văn hoá trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
71. Chu Tôn-Hoàng Quý (1999), *Ứng xử trong quan hệ vợ chồng*. Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
72. Phạm Quốc Trụ (2011), *Hội nhập quốc tế: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Nghiên cứu biển Đông, Thứ tư, 31 Tháng 8.
73. Nguyễn Thanh Tuấn (2008), *Văn hóa ứng xử Việt Nam hiện nay*. Nxb Từ điển Bách khoa và Viện văn hóa. Hà Nội

74. Lê Ngọc Văn (1991), *Nhận diện gia đình Việt Nam hiện nay*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
75. Lê Ngọc Văn (2007), *Nghiên cứu gia đình, lý thuyết nữ quyền, quan điểm giới*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
76. Lê Ngọc Văn (2012), *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
77. Nguyễn Khắc Viện (1996), *Tâm lý gia đình*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
78. Viện nghiên cứu Đông Nam Á (1985), *Tìm hiểu văn hóa Lào*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
79. Viện nghiên cứu Đông Nam Á (1991), *Tìm hiểu lịch sử - văn hóa Lào*, tập III, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
80. Nguyễn Văn Vinh (2000), *Tập quán và lễ hội cổ truyền các dân tộc Lào*, Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
81. Huỳnh Khải Vinh (chủ biên) (2001), *Một số vấn đề lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa Dân tộc và Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội.
83. Nguyễn Đình Xuân (1997), *Giáo dục đời sống gia đình*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
84. Trần Thị Kim Xuyên (2002), *Gia đình và những vấn đề của gia đình hiện đại*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
85. Nguyễn Thị Hải Yên (2007), *Lào xưa sở triều voi*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

II. Tài liệu tham khảo tiếng Lào

86. ກິແດງພອນກະເສີມສຸກ(2006), *ວັດທະນະທຳລາວ*(*Văn hóa Lào*), ໂຮງພິມພິດສະວົງ ວຽງຈັນ.
87. ກິແດງພອນກະເສີມສຸກ(2006), *ນິທານລາວ*(*Truyện cổ tích Lào*), ໂຮງພິມພິດສະວົງ ວຽງຈັນ.

88. ກິແດງພອນກະເສີມສຸກ(2007),
ວັດທະນະທຳລາວໃນຊີວິດການເປັນຢູ່ຕາມຮີດສິບສອງສິບສີ່(Văn hóa Lào trong cuộc sống theo 12 lễ 14 tục lệ), ໂຮງພິມວຽງຈັນ.
89. ຂັນທອງທຳມະວົງ (1957),
ສິນລະປະລາວແລະສິນລະປະກຳແລະຄວາມຈະເລີນຂອງມະນຸດ(Văn nghệ Lào và nghệ thuật, văn minh nhân loại),ສູນກາງອົບໂຮມນາຍທະຫານຊັ້ນສູງ, ວຽງຈັນ.
90. ຄຳບາງຈັນນິຍະວົງ(1974),*ຮີດຄອງປະເພນີລາວ(Phong tục tập quán Lào)*,ສາມະຄົມນັກວິທະຍາສາດພະລາດຊະວັງ, ວຽງຈັນ.
91. ສະຖານບັນຄົ້ນຄ້ວາວັດທະນະທຳ
 ກະຊວງຖະແຫຼງຂ່າວແລະວັດທະນະທຳ(2005),*ມໍລະດົກລ້ານຊ້າງ(Di sản xứ sở Triệu Voi)*,ວຽງຈັນ.
92. ສະຖາບັນວິທະຍາສາດສັງຄົມແຫ່ງຊາດ(2013),*ການປ່ຽນແປງຈາກອະດີດໄປສູ່ອະນາຄົດລະຫວ່າງຮຸ່ນຄົນຕ່າງໆໃນສປປລາວ(Sự thay đổi từ quá khứ đến tương lai của các thế hệ trong đất nước Lào)*,ສນພ ແຫ່ງລັດລາວ, ວຽງຈັນ
93. ສະຖາບັນວິທະຍາສາດສັງຄົມແຫ່ງຊາດ(2012),*ບັນຫາສາສະໜາທີ່ຄົງຕົວຢູ່ໃນລາວ (Vấn đề tôn giáo tồn tại ở Lào)*,ວຽງຈັນ.
94. ສະຖາບັນການເມືອງແລະການປົກຄອງແຫ່ງຊາດ
 (2005),*ວິຊາວັດທະນະທຳແລະຄຸນສົມບັດ(Môn văn hóa và đạo đức)*,ວຽງຈັນ.
95. ສຸເນດໂພທິສານ(2000),*ປະຫວັດສາດລາວ(Lịch sử Lào)*,ສນພແຫ່ງຊາດ,ວຽງຈັນ.
96. ສີເຫລືອບຸນຄໍ້າ (2002), *ວັດທະນະທຳການກິນດື່ມ(Văn hóa ẩm thực)*,ສນພສຶກສາ, ວຽງຈັນ.

97. ໂຊພິເກຣມັງຊັກປັງຕິເອ(2003), ແປໂດຍສຸມັນທາກັນລະຍາກັດຕິຍະສັກ, ແກ້ວພິລາວັນອາໄພລາດ, ວຽງແກ້ວສຸກສະຫວັດດີ, ອະພິໄຊຍະເດດອິນສີຂຽງໃໝ່, ເຮືອນລາວ(Nhà sàn Lào), ສນພດອກເກດ, ວຽງຈັນ.
98. ດວງໄຊຫລວງພະສີ (2006),*ພົງສາວະດານຊາດແລະປະເທດລາວ(Biên niên sử con người Lào, đất nước Lào)*,ສນພ ດວງມາ, ວຽງຈັນ.
99. ດຣ. ຄຳແພງທິບມູນຕາລີ (2013), *ການປ່ຽນແປງຈາກອະດີດໄປສູ່ອະນາຄົດລະຫວ່າງຮຸ່ນຄົນຕ່າງໆໃນສປປລາວ(Sự thay đổi từ quá khứ đến tương lai của các thế hệ trong đất nước Lào)*,ສນພ ແຫ່ງຊາດລາວ, ວຽງຈັນ.
100. ດຣ. ທອງສາໄຊຍະວົງຄຳຕີ (2007),*ວັດທະນະທຳເຜົ່າລາວ(Văn hóa bộ tộc Lào)*,ສນພສຶກສາ, ວຽງຈັນ.
101. ດຣແຂກແກ້ວຊອ້ຍໄຊຍະ (2004), *ຮີດບ້ານຄອງເມືອງ(Lệ và qui định bản mường)*, ໂຮງພິມສະພານທອງໃຕ້, ວຽງຈັນ.
102. ທອງຂຽນຂຳຕະກຸນ(1992),*ມໍລະດົກລ້ານຊ້າງ(Di sản đất nước Triệu Voi)*,ສນພ ແຫ່ງລັດ, ວຽງຈັນ.
103. ບໍ່ແສງຄຳວົງດາລາ(2009),*ວັນນະຄະດີລາວ(Văn học Lào)*,ສນພ ສຶກສາ, ວຽງຈັນ.
104. ບຸນເລີດທຳມະຈັກ (2004),*ປະເພນີລາວ(Tập quán truyền thống Lào)*,ສນພສຶກສາ,ວຽງຈັນ.
105. ບົວສີຈະເລີນສຸກ (2012),*ເລື່ອງສັ້ນລາວສະໄໝໃໝ່(Truyện ngắn Lào đương đại)*, ສນພຖະແຫລງຂ່າວແລະສື່ສານ.
106. ບົວໄລເພັງແສງຄຳ (2006),*ສິນໄຊ(Truyện cổ tích Xin Xay)*, ສະຖາບັນຄົ້ນຄ້ວາວັດທະນະທຳ,ກະຊວງຖະແຫຼງຂ່າວແລະວັດທະນະທຳ, ວຽງຈັນ.

107. ບຸນເຮັ່ງແສງປະເສີດ(1995),*ຄວາມເປັນມາຂອງສິນລະປະແລະສະຖາປັດຕະຍະກຳລາວ(Lịch sử nghệ thuật và kiến trúc Lào)*,ສນພວງຈັນ.
108. ບົວລຽນສີຄັນໄຊ (1989),*ຄອງລາວ(Tục lệ Lào)*, ສນພແຫ່ງລັດ, ວຽງຈັນ.
109. ບົວບານວໍລະກຸນ (1995), *ລັກສະນະຊາດຂອງວັດທະນະທຳ(Tính dân tộc của văn hóa)*,ສນພ ແຫ່ງລັດ, ວຽງຈັນ.
110. ພະມະຫາເມທີວໍລະກຸນແລະຄຳພູນສີລະວົງ (2013), *ວັດທະນະທຳແລະຮີດຄອງພື້ນເມືອງລາວ(Văn hóa và phong tục tập quán truyền thống Lào)*,ສນພວງຈັນ.
111. ມະຫາສີລາວິລະວົງ (1997),*ມະເຫສີທັນໄຕ(Hoàng hậu Tan Tay)*,ສນພແຫ່ງລັດ, ວຽງຈັນ.
112. ມະຫາທອງຄຳລຽມບຸນເຮືອງ (2004), *ມໍລະດົກວັດທະນະທຳລາວລ້ານຊ້າງ(Di sản văn hóa Lào triệu voi)*, ສນພສະຖາບັນສົງ,ວຽງຈັນ.
113. ມະຫາເວທີວໍລະກຸນມະຫາຄຳພັນວິລະຈິດ(1969),*ວັດທະນະທຳແລະຮີດຄອງປະເພນີອັນດີງາມຂອງຄົນລາວ(Văn hoá và phong tục tập quán tốt đẹp của nhân dân Lào)*,ສນພກະຊວງການຕ່າງປະເທດ, ວຽງຈັນ.
114. ມະຫາບຸນທະວີວິໄລຈັກ(2000)*ວັດທະນະທຳລາວ(Văn hóa Lào)*,ສນພວງຈັນ.
115. ວາລະສານຈຳປາຮໍລິເດ, “ບຸນທົດນ້ຳທີ່ຫຼວງພະບາງເມືອງມໍລະດົກໂລກ” (*Hội té nước ở Luông Pha Bang*),ສະບັບ01ເດືອນ6-7ປີ2010.
116. ວາລະສານວິທະຍາສາດສັງຄົມ, “ທຳມະຊາດ-ວັດທະນະທຳ” (*Tự nhiên - văn hóa*), ສະບັບ 04 ປີ 2009, ວຽງຈັນ.
117. ວາລະສານວິທະຍາສາດສັງຄົມ“ວັດທະນະທຳການນຸ່ງຖືຂອງຊົນເຜົ່າລາວ” (*Văn hóa trang phục Lào*),ສະບັບ 05 ປີ 2010, ວຽງຈັນ.

118. ວາລະສານລານຄໍາ, “ສອນລູກໃຫ້ມີລະບຽບວິໄນ-ການເຜີຍາຜົນທາງສັງຄົມ”(Day con có kỷ luật - rèn luyện xã hội), ສະບັບທີ 12 ເດືອນກັນຍາປີ2010, ວຽງຈັນ.
119. ວາລະສານມໍລະດົກລ້ານຊ້າງ, “ວິຖີຊີວິດຂອງຊຸມຊົນເຜົ່າໄຕແດງ” (Nếp sống của dân tộc Thái đỏ), ສະບັບທີ 6 ປີ 2005, ວຽງຈັນ.
120. ວາລະສານມໍລະດົກລ້ານຊ້າງ, “ປະຫວັດສາດອ້າຍລາວ” (Lịch sử Ai Lào), ສະບັບທີ 5 ເດືອນກໍລະກົດ, ປີ 2001, ວຽງຈັນ.
121. ຫຸ້ມພັນຣັດຕະນະວົງ(2004), ຊາດລາວແລະວັດທະນະທຳລາວ(Dân tộc và văn hóa Lào), ສນພແຫ່ງລັດກະຊວງຖະແຫລງຂ່າວແລະວັດທະນະທຳລາວ, ວຽງຈັນ.
122. ຫຸ້ມພັນຣັດຕະນະວົງ (2001), ບຸນຊ່ວງເຮືອບຸນໄຫຼເຮືອໄຟ(Hội đua thuyền, thả đèn lồng), ສະຖາບັນຄົ້ນຄ້ວາວັດທະນະທຳ, ກະຊວງຖະແຫຼງຂ່າວແລະວັດທະນະທຳ.
123. ເອກະສານກອງປະຊຸມໃຫຍ່ຄະນະພັກ(2015) (Văn kiện Đại hội tỉnh Oudomxay)ແຂວງອຸດົມໄຊຄັ້ງທີ່VIII.
124. ໝູ່ໄຊພູມມະຈັນ (1998) ຣົດຄອງລາວ(Phong tục Lào), ສນພພິດສະວົງ, ວຽງຈັນ.
125. ສັງລວມສະຖິຕິຂັ້ນບ້ານແລະຂໍ້ມູນຄວາມທຸກຍາກ(2014), (Thông tin thống kê cấp bản)ແຂວງອຸດົມໄຊ.